



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ CÂU HỎI THỰC TẾ VÀ GIẢI ĐÁP



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

THỦ TỤC
GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP
DÂN SỰ

CÂU HỎI THỰC TẾ VÀ GIẢI ĐÁP

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

TS. ĐỖ CẢNH THÌN

**THỦ TỤC
GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP
DÂN SỰ
CÂU HỎI THỰC TẾ VÀ GIẢI ĐÁP**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong quan niệm truyền thống ở nước ta, “đáo tụng đình” là phương thức giải quyết tranh chấp rất ít được coi trọng. Thời kỳ phong kiến, phần lớn người dân có hiểu biết pháp luật rất hạn chế, lại e ngại các thủ tục phiền hà và ít tin tưởng vào sự công bằng, chính xác của các quan tòa nên họ thường tự xử lý với nhau hoặc giải quyết trên cơ sở “lệ làng” chứ không phải là “phép nước”. Cho đến nay, dù đã có nhiều thay đổi lớn nhưng có thể nói thực trạng này vẫn còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Giải quyết bằng cách tự thỏa thuận hay theo tập quán tuy có nhiều điểm tích cực nhưng đối với những vụ việc phức tạp thì hiệu quả của nó thường thấp, thậm chí nhiều trường hợp có thể gây ra những hệ lụy rất phức tạp, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội.

Trên thực tế, tranh chấp dân sự phần nhiều là liên quan đến tài sản. Các văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này rất rộng, việc xác định đúng loại tranh chấp và quy định pháp luật để áp dụng cho những trường hợp cụ thể là vấn đề cực kỳ khó khăn. Mặt khác, để giải quyết đúng đắn, khách quan vụ việc, thủ tục giải quyết tại Tòa án phải qua nhiều bước khác nhau, rất khó để người dân nắm bắt đầy đủ. Vì vậy, để hướng dẫn, giúp đỡ người dân

hiểu rõ quyền lợi hợp pháp của mình cùng các phương thức bảo vệ những quyền lợi đó, một giải pháp rất cần thiết là đưa ra những cách thức giải thích đơn giản, gần với các trường hợp cụ thể; thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta.

Với tinh thần đó, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách: ***Thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự - Câu hỏi thực tế và giải đáp*** của Tiến sĩ Đỗ Cảnh Thìn. Nội dung cuốn sách tập trung vào hai chủ đề chính: pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự và pháp luật về thi hành án dân sự. Phần lớn giải đáp trong cuốn sách được tuyển chọn từ những bài trả lời bạn đọc của tác giả đã được đăng tải trên một số tờ báo. Thông qua việc lựa chọn các trường hợp có tính điển hình và với cách viết dễ hiểu, gần gũi của một người làm báo, am hiểu pháp luật và thực tiễn áp dụng luật, tác giả đã giải đáp một cách khá thuyết phục những câu hỏi thực tế của người dân từ nhiều vùng miền trên cả nước.

Tuy nhiên, do tính phức tạp của lĩnh vực đề cập, có câu hỏi còn khá sơ sài về thông tin nên một số phần trả lời khó có thể đầy đủ mà chỉ có tính chất gợi ý, định hướng để bạn đọc tham khảo, vận dụng vào trường hợp cụ thể của mình.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Lâu nay, đến nhiều nơi tôi thường được nghe những cán bộ ở cơ sở tâm sự rằng văn bản pháp luật không được cung cấp đầy đủ nên khó cho việc thực thi tại địa phương. Không những thế, đọc những tài liệu liên quan đến pháp luật, những văn bản pháp luật thấy khô khan, khó tiếp thu do kiến thức pháp luật còn hạn chế; đối với cán bộ ở cơ sở đã khó hiểu, khó áp dụng thì với người dân còn khó khăn hơn. Vì vậy, nhiều người phạm tội chỉ vì không hiểu pháp luật; nhiều người muốn giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến pháp luật nhưng rất lúng túng. Một số nơi có “Tủ sách pháp luật” nhưng thực tế người dân ít đọc, ít hiểu nên hiệu quả không cao. Nhiều sự việc nhỏ nhưng do không hiểu biết pháp luật nên cán bộ ở cơ sở, người dân lúng túng, thậm chí vi phạm, làm sai. Đọc bộ sách phổ biến pháp luật của Tiến sĩ Đỗ Cảnh Thìn, tôi nhận thấy một cách tuyên truyền, giáo dục pháp luật khá độc đáo và thực sự hữu ích.

Là một nhà báo có kinh nghiệm đồng thời là nhà nghiên cứu, viết nhiều, viết chắc ở nhiều thể tài khác nhau, tác giả đã sử dụng những kiến thức xã hội, kiến thức văn học với bút pháp dí dỏm, nhẹ nhàng, ngắn gọn để đưa ra và giải quyết các tình huống pháp luật một cách thấu đáo cả “lý” và “tình”. “Dễ đọc, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ áp dụng” là phương châm của tác giả khi viết bộ sách này. Tôi nghĩ tác giả phần nào đã thực hiện được phương châm đó. Không muốn nói đó là “cầm nang” nhưng bộ sách thực sự bổ ích đối với cán bộ thực thi pháp luật ở cơ sở và người dân!

Thiếu tướng, GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm
Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân

Phần thứ nhất
PHÁP LUẬT VỀ
THỦ TỤC GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP DÂN SỰ

NĂNG LỰC PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
VÀ NĂNG LỰC HÀNH VI TỔ TỤNG DÂN SỰ
CỦA ĐƯƠNG SỰ ĐƯỢC HIỂU THẾ NÀO?

Trong một vụ án dân sự, tôi được nghe cán bộ Tòa án thường sử dụng các thuật ngữ năng lực pháp luật tổ tụng dân sự và năng lực hành vi tổ tụng dân sự của đương sự. Thực tình tôi thấy khó hiểu nên rất mong được giải thích để hiểu rõ hơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Trần Ngọc Sâm (Thạch Thành, Thanh Hóa)

Năng lực pháp luật tổ tụng dân sự là khả năng có các quyền, nghĩa vụ trong tổ tụng dân sự do pháp luật quy định. Mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức có năng lực pháp luật tổ tụng dân sự như nhau trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Năng lực hành vi tố tụng dân sự là khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự.

Đương sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, trừ người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc pháp luật có quy định khác.

Đương sự là người chưa đủ sáu tuổi hoặc người mất năng lực hành vi dân sự thì không có năng lực hành vi tố tụng dân sự. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người này tại Tòa án do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện.

Đương sự là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản riêng của mình được tự mình tham gia tố tụng về những việc có liên quan đến quan hệ lao động hoặc quan hệ dân sự đó. Trong trường hợp này, Tòa án có quyền triệu tập người đại diện hợp pháp của họ tham gia tố tụng. Đối với những việc khác, việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ tại Tòa án do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện.

Đương sự là cơ quan, tổ chức do người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Do có tranh chấp về tài sản, tôi và một người ở địa phương đã yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết. Vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tôi muốn biết mình có quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án này?

Trần Minh Hợp (Bố Trạch, Quảng Bình)

Trước hết, ông cần nắm vững quy định của pháp luật là các đương sự có quyền, nghĩa vụ bình đẳng khi tham gia tố tụng.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2011)¹ thì khi tham gia tố tụng, đương sự có các quyền, nghĩa vụ sau đây: Cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý chứng cứ cung cấp chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án mà tự mình không thể thực hiện được hoặc đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, định giá; khiếu nại với Viện kiểm sát về những chứng cứ mà Tòa án đã xác minh, thu thập do đương sự

1. Sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng dân sự.

khác yêu cầu. Được biết và ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập. Đề nghị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tham gia phiên tòa. Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề xuất với Tòa án những vấn đề cần hỏi người khác, được đối chất với nhau hoặc với nhân chứng; được tranh luận tại phiên tòa. Được cấp trích lục bản án, quyết định của Tòa án; kháng cáo, khiếu nại bản án. Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các quyết định của Tòa án trong thời gian giải quyết vụ án và khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo quy định và có các quyền, nghĩa vụ khác mà pháp luật quy định.

ĐƯƠNG SỰ PHẢI TỰ CHỨNG MINH CHO NHỮNG LÝ LỄ CỦA MÌNH TRONG TRANH CHẤP DÂN SỰ

Năm 1991, mẹ tôi cho người anh trai cả của tôi vào ở chung nhà. Sau đó do bất hòa giữa mẹ tôi

với con dâu và với cả anh trai tôi nữa nên bà yêu cầu anh trai tôi phải chuyển đi. Anh tôi đã chấp nhận nhưng yêu cầu mẹ tôi phải cho anh ấy một căn nhà khác, mẹ tôi không chịu nên dẫn đến tranh chấp kéo dài. Có người cho rằng trong vụ việc này mẹ tôi sẽ thua kiện vì thực tế bà đã giao cho anh tôi quản lý, sử dụng đã hơn mười năm nay, nhưng cũng có người nói rằng anh tôi vào ở nhờ thì phải trả nhà, không được ra điều kiện gì hết. Vậy, vấn đề này hiểu thế nào cho đúng?

Phạm Thị Xuân Đào (Long Khánh, Đồng Nai)

Việc tranh chấp nhà ở giữa mẹ và con trai quả là một điều đáng tiếc. Vấn đề ở đây là những người trong gia đình cần phải có cái nhìn thiện chí, trên cơ sở có lý, có tình để làm thế nào giữ được tình cảm của những người ruột thịt mà vẫn đúng với các quy định của pháp luật. Khi mẹ - con, anh em dẫn nhau “đáo tụng đình” thì sẽ nảy sinh nhiều hậu quả đáng tiếc.

Về việc tranh chấp ngôi nhà giữa mẹ và anh trai của chị, vấn đề nằm ở chỗ: Phải xác định được mẹ của chị có cho anh trai của chị ngôi nhà đó hay không, hay chỉ là cho ở chung. Để xác định được vấn đề này thì các bên (đương sự) phải tự chứng minh lý lẽ của mình, trong trường hợp gặp những khó khăn khách quan thì có thể nhờ Tòa án xác minh.

Theo như nội dung mà chị trình bày thì có thể thấy, người anh trai của chị đã thừa nhận việc mẹ của chị cho vợ chồng anh ta vào ở chung nhà. Đến nay, mẹ của chị không đồng ý cho anh ấy ở nữa thì anh ấy sẽ phải chấp nhận. Bằng chứng là chính người anh trai của chị cũng đã đồng ý với mẹ rằng sẽ chấp nhận sẽ trả nhà. Còn về điều kiện anh ấy đưa ra là mẹ phải cho anh ấy một ngôi nhà khác là không có căn cứ pháp lý. Bởi lẽ, việc cho hay không cho là tùy thuộc vào khả năng, vào ý chí của người cho chứ không thể ép buộc. Mặt khác, người anh trai của chị đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, không thể buộc cha mẹ phải có trách nhiệm tạo dựng nhà ở cho mình. Bên cạnh đó, nguồn gốc ngôi nhà này rõ ràng là của mẹ chị, không có một bằng chứng nào thể hiện rằng bà đã cho con trai ở nhờ hay ở luôn, nên không có căn cứ để buộc bà phải có nghĩa vụ trong việc này. Để bác lại những lập luận trên, người anh trai của chị chỉ còn cách chứng minh rằng, bà mẹ đã cho mình ngôi nhà đó, nếu không anh ấy sẽ không có quyền đòi hỏi về chỗ ở như chị đã nêu.

KẾ THỪA QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TỔ TỤNG NHƯ THẾ NÀO?

Cơ quan tôi đang tham gia vào việc giải quyết một vụ án dân sự, nhưng hiện nay đã chấm dứt

hoạt động. Chúng tôi rất lúng túng, không biết để tiếp tục giải quyết vụ án đó thì pháp luật quy định như thế nào?

Phạm Công Thắng (Cam Ranh, Khánh Hòa)

Do ông không nói rõ cơ quan của ông là thuộc doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hay tổ chức xã hội... nên không thể trả lời cụ thể vì pháp luật quy định khác nhau đối với các dạng pháp nhân cụ thể. Để ông có thể vận dụng vào trường hợp của mình, chúng tôi xin nêu quy định của pháp luật về các trường hợp kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức đang tham gia tố tụng phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức tổ chức thì việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự được xác định như sau:

- Trường hợp tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh thì cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề

nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức đó hoặc đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức được giao tiếp nhận các quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó tham gia tố tụng.

- Trường hợp tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức tổ chức thì cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của tổ chức đó tham gia tố tụng.

- Trường hợp đương sự là tổ chức không phải là pháp nhân mà người đại diện hoặc người quản lý đang tham gia tố tụng chết thì tổ chức đó phải cử người khác làm đại diện để tham gia tố tụng; nếu tổ chức đó phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể thì cá nhân là thành viên của tổ chức đó tham gia tố tụng.

THỜI HIỆU ĐÃ HẾT, KHÔNG CÒN QUYỀN KHỞI KIẾN

Khi cha tôi mất, gia sản ông để lại là một ngôi nhà, mảnh vườn có cây ăn quả và ao thả cá. Gia sản này vẫn do người anh cả quản lý và sử dụng, nhưng gần đây trong số anh chị em có người tranh chấp. Anh em không thống nhất được nên đã kiện ra Tòa để giải quyết. Tuy nhiên chúng tôi được trả lời là thời hiệu khởi kiện đã hết nên Tòa không thụ lý giải quyết.

Thời hiệu là gì? Tại sao Tòa án lại không giải quyết việc tranh chấp thừa kế này?

Nguyễn Việt Chiến (Chương Mỹ, Hà Nội)

Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 645 Bộ luật dân sự quy định: Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản để lại chết. Như vậy, thời hiệu để giải quyết việc chia thừa kế được tính từ khi cha của bạn chết. Nếu trước khi chết, cha của bạn để lại di chúc hợp pháp (di chúc bằng văn bản hay di chúc miệng) thì việc giải quyết thừa kế phải thực hiện theo di chúc. Trường hợp cha của bạn không để lại di chúc thì việc chia thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật.

Từ khi cha của bạn mất đến nay đã hơn mười năm, nhưng hiện nay những người trong diện thừa kế theo pháp luật mới khởi kiện giải quyết chia thừa kế là đã hết thời hiệu. Do vậy, những người được thừa kế không còn quyền khởi kiện ra Tòa để chia tài sản thừa kế nữa. Đó cũng là lý do Tòa án không thụ lý giải quyết vụ kiện chia tài sản thừa kế. Để giải quyết việc này, bạn hoặc những người trong gia đình có thể khởi kiện giải quyết về chia tài sản chung. Có nghĩa là Tòa án sẽ thụ lý giải quyết một vụ án dân sự khác mà không phải là giải quyết về chia tài sản thừa kế.

KHI NÀO THÌ HẾT THỜI HIỆU KHỞI KIỆN

Tôi và ông Minh có phát sinh tranh chấp về tài sản. Việc này giữa hai bên cứ tranh luận với nhau mãi nhưng không giải quyết được. Gần đây tôi nghe nói nếu tôi kiện ra Tòa án thì đã hết thời hiệu. Cũng có người nói sự việc của tôi không phải là khởi kiện mà là yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi muốn biết rõ về việc này.

Lê Xuân Hoàng (An Nhơn, Bình Định)

Khi có sự việc tranh chấp, không phải bất cứ lúc nào đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án

giải quyết mà vụ việc chỉ được xem xét giải quyết trong một khoảng thời gian nhất định.

Thời hiệu yêu cầu là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp pháp luật không có quy định khác về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu thì thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu được quy định như sau:

- Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước bị xâm phạm.

- Thời hiệu yêu cầu để Tòa án giải quyết việc dân sự là một năm, kể từ ngày phát sinh quyền yêu cầu.

Như vậy, nếu vụ tranh chấp của ông là vụ án dân sự thì thời hiệu khởi kiện là hai năm kể từ khi lợi ích của ông bị xâm phạm; nếu là việc yêu cầu giải quyết bảo vệ quyền lợi thì thời hiệu yêu cầu là một năm kể từ khi phát sinh quyền yêu cầu.

THỜI HIỆU KHỞI KIẾN TRANH CHẤP HỤI LÀ BAO NHIÊU?

Tôi và mấy người quen tổ chức chơi hụi,

nhưng sau một thời gian phát sinh tranh chấp, nhưng những mãi mà không thỏa thuận được. Tôi muốn khởi kiện ra Tòa để giải quyết nhưng không biết thời hiệu quy định thế nào, vì có trường hợp khởi kiện Tòa án trả lời là đã hết thời hiệu. Tôi cũng muốn biết lãi suất trong chơi hụi bao nhiêu phần trăm là hợp pháp?

Trần Thị Thuận (Long Thành, Đồng Nai)

Việc giải quyết các tranh chấp về biếu, hụi phải căn cứ vào Bộ luật dân sự và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 (có hiệu lực từ ngày 22-12-2006) của Chính phủ quy định chi tiết về hụi, họ, biếu, phường; trách nhiệm khi vi phạm, cách thức giải quyết tranh chấp. Theo đó, đối với hụi được xác lập trước ngày 22-12-2006 thì thời hiệu khởi kiện là 2 năm tính từ ngày 22-12-2006, có nghĩa là đến ngày 21-12-2008 là hết thời hiệu khởi kiện. Đến ngày 21-12-2008, nếu các đương sự không tiến hành khởi kiện thì sau ngày này, nếu muốn khởi kiện cũng không được, vì Tòa án không thụ lý giải quyết nữa. Nếu các trường hợp chơi hụi được xác lập từ ngày 22-12-2006 thì thời hiệu khởi kiện là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm.

Trong việc chơi hụi, pháp luật thừa nhận hình thức chơi hụi có lãi và chơi không có lãi.

Hội có lãi là loại hội mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia, thành viên được lĩnh hội nhận các phần hội khi đến kỳ mở hội và phải trả lãi cho các thành viên khác. Lãi suất do các thành viên chơi hội tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định đối với loại vay tương ứng. Nếu các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định cụ thể, nếu có tranh chấp thì áp dụng lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Pháp luật cũng nghiêm cấm lợi dụng việc tổ chức chơi hội nhằm mục đích cho vay nặng lãi. Nếu xác định được hành vi chơi hội là hình thức cho vay nặng lãi thì người vi phạm có thể bị xử lý theo pháp luật hình sự.

THỜI GIAN KHÔNG TÍNH VÀO THỜI HIỆU KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ

Gia đình tôi hiện đang xảy ra sự tranh chấp về tài sản, nhưng chưa muốn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Tuy nhiên, thời gian qua chúng tôi được biết có nhiều vụ án không được Tòa án thụ lý giải quyết vì hết thời hiệu. Tôi muốn biết những trường hợp nào thì không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự?

Hoàng Ngọc Đoàn (Cẩm Giàng, Hải Dương)

Trong việc giải quyết án dân sự, pháp luật có quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự. Hết thời hiệu theo quy định thì Tòa án không thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, pháp luật cũng quy định về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự. Theo đó, khoảng thời gian mà xảy ra một trong các sự kiện sau đây thì không tính vào thời hiệu khởi kiện hay yêu cầu giải quyết vụ án dân sự, việc dân sự:

1. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền hoặc nghĩa vụ dân sự của mình.

2. Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, có quyền yêu cầu chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Chưa có người đại diện khác thay thế hoặc vì lý do chính đáng khác mà không thể tiếp tục đại diện được trong trường hợp người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp của gia đình ông nếu thuộc một trong ba trường hợp trên thì thời gian không tiến hành khởi kiện vụ án dân sự sẽ được xem xét không tính vào thời hiệu khởi kiện.

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA ĐƠN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi với một người ở địa phương đang có tranh chấp về tài sản. Tôi muốn khởi kiện để giải quyết dứt điểm việc tranh chấp. Tuy nhiên, tôi không rõ nội dung và hình thức của đơn khởi kiện như thế nào là phù hợp. Xin hỏi đơn khởi kiện được quy định như thế nào?

Phạm Công Tính (Nga Sơn, Thanh Hóa)

Theo quy định của pháp luật, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, Điều 164 Bộ luật tố tụng dân sự quy định như sau: Cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện phải làm đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; tên Tòa án nhận đơn khởi kiện; tên, địa chỉ của người khởi kiện; tên, địa chỉ của người có quyền và lợi ích được bảo vệ, nếu có; tên, địa chỉ của người bị kiện; tên, địa chỉ của người có quyền, nghĩa vụ liên quan, nếu có; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; họ, tên, địa chỉ người làm chứng, nếu có. Kèm theo đơn khởi kiện phải có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp; các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Người khởi kiện là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; nếu cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn.

Người khởi kiện vụ án gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức sau đây: Nộp trực tiếp tại Tòa án; gửi đến Tòa án qua bưu điện. Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

Với các quy định trên, ông có thể yên tâm thực hiện việc làm đơn và gửi đơn khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.

VIỆC GỬI ĐƠN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi hiện đang có tranh chấp tài sản với một người. Tôi muốn kiện người này ra Tòa để giải quyết nhưng không biết việc gửi và nhận đơn được thực hiện như thế nào?

Lê Thị Miên (Phúc Thọ, Hà Nội)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì cá nhân tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cá nhân khởi kiện phải làm đơn khởi kiện. Người khởi kiện phải gửi kèm theo đơn khởi kiện tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Khi nộp đơn trực tiếp tại Tòa án hay gửi qua đường bưu điện thì Tòa án phải vào sổ nhận đơn. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau: Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

mình; chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác; trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

TÔI CÓ THỂ GỬI ĐƠN KHỞI KIẾN Ở TÒA ÁN NÀO?

Tôi có tranh chấp về tài sản với một số người có quan hệ làm ăn. Vụ việc khá phức tạp do những người này cư trú ở nhiều nơi khác nhau, tài sản cũng không tập trung ở một địa điểm. Tôi định làm đơn khởi kiện nhưng hiện chưa biết gửi đơn đến Tòa án nào. Đề nghị luật gia tư vấn.

Phạm Văn Khánh (Vạn Ninh, Khánh Hòa)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, kinh doanh, thương mại trong các trường hợp sau đây:

Nếu không biết nơi cư trú, làm việc và trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết. Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh,

tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết. Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở tại Việt Nam hoặc vụ án về tranh chấp việc cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết.

Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra thiệt hại giải quyết. Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở để giải quyết.

Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác đối với người lao động thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết.

Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong những bất động sản để giải quyết.

CƠ QUAN NÀO GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LỐI ĐI?

Do hoàn cảnh lịch sử để lại về khu đất mà gia đình tôi đang ở, hiện nay nhà tôi bị vây bọc bởi nhà hàng xóm, không có lối đi ra đường chung. Bởi lẽ, nếu đi ra đường chung thì phải đi qua đất của người hàng xóm và họ không chấp nhận. Việc do chính quyền hay Tòa án giải quyết?

Khuất Duy Minh (Phúc Thọ, Hà Nội)

Quyền có lối đi là quyền chính đáng của công dân. Theo pháp luật dân sự thì chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra thì có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản liền kề dành cho mình một lối đi thuận tiện, hợp lý. Chủ sở hữu bất động sản liền kề phải đáp ứng yêu cầu đó, không thể nói là cứ đất của tôi thì tôi có quyền cho hay không cho ai được đi qua. Người được dành cho lối đi phải đền bù một khoản tiền tương xứng. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Khi xảy ra tranh chấp thì các bên có quyền lựa chọn cách giải quyết là nhờ chính quyền địa phương can thiệp hoặc kiện ra Tòa án giải quyết.

Trường hợp của gia đình ông có thể khiếu nại đến chính quyền cơ sở để giải quyết bằng con đường hành chính. Khi đó, chính quyền sẽ tiến hành các biện pháp hòa giải, xem xét giải quyết trên cơ sở có lý, có tình. Theo các quy định của pháp luật hiện hành thì chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính buộc tháo dỡ vật kiến trúc kiên cố. Vậy nên, nếu người hàng xóm xây bít đường, không cho gia đình ông có đường đi ra và ông có khiếu nại về việc này thì chính quyền có thể dùng biện pháp cưỡng chế là tháo dỡ chướng ngại vật để tạo đường đi hợp lý cho gia đình ông.

Mặt khác, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp lối đi cũng là một trong những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Khi đó Tòa án sẽ quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời là mở lối đi cho gia đình ông. Ông phải bồi hoàn cho hàng xóm một khoản tiền tương ứng với diện tích đất làm lối đi.

KHÔNG BIẾT RÕ ĐỊA CHỈ CỦA ĐƯƠNG SỰ CÓ KHỞI KIẾN ĐƯỢC KHÔNG?

Một người bạn vay của tôi một khoản tiền khá lớn. Sau một thời gian làm ăn, người đó

chuyển đi nơi khác mà không thông báo cho tôi biết địa chỉ. Hiện nay tôi muốn khởi kiện người này ra Tòa, không biết Tòa án có chấp nhận đơn khởi kiện của tôi không? Việc này pháp luật quy định như thế nào?

Đặng Thái Vinh (Nghị Xuân, Hà Tĩnh)

Theo Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành các quy định về “Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong trường hợp đơn khởi kiện không ghi đầy đủ, cụ thể hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện; tên, địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án yêu cầu người khởi kiện phải ghi đầy đủ, cụ thể, rõ ràng những yêu cầu trên. Nếu người khởi kiện không thực hiện thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho họ mà không thụ lý vụ án.

Nghị quyết cũng quy định rõ: Đối với trường hợp trong đơn khởi kiện của người khởi kiện có ghi đầy đủ, cụ thể tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú nhất định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho người khởi kiện,

cho Tòa án nhằm mục đích giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì đây được coi là trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ thì Tòa án vẫn tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tuy nhiên, Tòa án không được tự mình tiến hành thông báo tìm người bị kiện, vì đó là nghĩa vụ của người khởi kiện. Trường hợp người khởi kiện không biết hoặc không ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ghi trong đơn khởi kiện thì họ phải thực hiện việc thông báo tìm kiếm tin tức, địa chỉ của những người đó.

Như vậy, nếu người vay tiền của ông cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú, khi ông khởi kiện Tòa án vẫn thụ lý giải quyết nhưng ông phải có trách nhiệm truy tìm địa chỉ của người bị kiện.

VỤ ÁN BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ ĐƯỢC KHỞI KIẾN LẠI KHÔNG?

Tôi khởi kiện ra Tòa yêu cầu giải quyết vụ án dân sự, Tòa án thụ lý nhưng sau đó đã đình chỉ giải quyết. Tôi muốn hỏi, khi vụ án bị đình chỉ thì hậu quả của nó thế nào. Tôi có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết được không?

Trịnh Thị Phượng (Vũ Thư, Thái Bình)

Theo quy định tại Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự thì khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp: Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận hoặc người khởi kiện không có quyền khởi kiện; nguyên đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; đã có quyết định của Tòa án mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp hoặc hợp tác xã đó; và các trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật thì tiền tạm ứng án phí mà đương sự đã nộp được bổ sung vào công quỹ. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, xóa tên vụ án đó trong sổ thụ lý và trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu vụ án thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện quy định tại Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự thì tiền tạm ứng án phí mà đương sự đã nộp được trả lại cho người đã nộp tiền tạm ứng án phí.

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

GỬI ĐƠN KHỞI KIỆN QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN ĐƯỢC KHÔNG?

Trong quá trình làm ăn với một đối tác ở Đắk Lắk, giữa tôi và họ đã xảy ra tranh chấp về dân sự. Do tôi ở xa, điều kiện công việc bận rộn, nay tôi muốn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết tranh chấp, tôi có thể khởi kiện bằng cách gửi đơn qua đường bưu điện được không? Nếu được thì tôi cần phải có những giấy tờ, tài liệu nào? Trong thời hạn bao lâu, kể từ khi tôi gửi đơn thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết?

Phạm Trường Giang (Việt Trì, Phú Thọ)

Trước đây việc khởi kiện vụ án dân sự cũng có nhiều trở ngại do pháp luật quy định không rõ ràng về thủ tục, phương thức; sự vận dụng của các Tòa án cũng có khác nhau. Vấn đề khởi kiện qua đường bưu điện cũng vì vậy mà không có sự thống nhất. Chẳng hạn cũng có những cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện một cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi gửi đơn qua đường bưu điện thì có Tòa án thụ lý giải quyết, có Tòa án lại không hoặc chỉ khi nào nhắc nhở của phía

khởi kiện thì mới thụ lý; thời gian thụ lý vụ án cũng không thống nhất. Điều này không chỉ làm giảm tính nghiêm minh, thống nhất của pháp luật mà còn là kẽ hở phát sinh những tiêu cực.

Kể từ khi Bộ luật tố tụng dân sự được thông qua thì vấn đề trên đã được quy định rõ ràng hơn. Theo đó, người khởi kiện có thể gửi đơn kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án bằng các phương thức: nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi. Như vậy, vì bận làm ăn, vì ở xa nơi Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bạn có thể gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự qua đường bưu điện. Xin lưu ý bạn rằng, ngày có dấu bưu điện nơi gửi được tính là ngày khởi kiện nên khi gửi đơn kiện đến Tòa án bạn cần lưu giữ các giấy tờ cần thiết để chứng minh ngày bạn gửi đơn, đồng thời có thể yêu cầu Tòa án lưu giữ bì thư gửi đơn, xem như là một bằng chứng cho việc gửi đơn kiện. Điều này là cần thiết vì trong một số trường hợp, do có những lý do khách quan hoặc chủ quan mà đơn kiện của đương sự không được lưu giữ, bị thất lạc... làm hết thời hiệu khởi kiện nên đương sự mất quyền khởi kiện, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ.

Để việc thụ lý vụ kiện được thuận lợi, khi gửi đơn kiện bạn cần gửi cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ cần thiết liên quan đến nhân thân cũng như liên quan đến vụ kiện như chứng minh nhân dân (có thể là bản sao), các giấy tờ minh định về sự tranh chấp đó; chẳng hạn nếu tranh chấp về việc mua chiếc xe máy thì người khởi kiện cần có giấy đăng ký xe hay một loại giấy tờ nào đó chứng minh cho việc mua bán đó...

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, chuyển đơn cho Tòa án có thẩm quyền hoặc trả lại đơn kiện nếu cho rằng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Thực hiện đúng các quy định nêu trên, bạn có thể tiến hành khởi kiện qua đường bưu điện mà không phải lo một trở ngại nào.

VÌ SAO LẠI CÓ YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi gửi đơn đến Tòa án khởi kiện một vụ án dân sự nhưng sau đó Tòa án yêu cầu tôi phải bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện, nếu không Tòa án sẽ không thụ lý. Tại sao lại như vậy? Pháp luật quy định về việc này như thế nào?

Trần Ngọc Vương (Tân Châu, An Giang)

Theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, trong trường hợp đơn khởi kiện không đủ các nội dung theo quy định của pháp luật thì Tòa án thông báo cho người khởi kiện biết để họ sửa đổi, bổ sung trong một thời hạn do Tòa án ấn định nhưng không quá ba mươi ngày. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể gia hạn nhưng không quá mười lăm ngày. Những nội dung chính của đơn khởi kiện được quy định tại khoản 2, Điều 164 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn kiện theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiếp tục thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

TÒA ÁN SẼ PHẢI LÀM GÌ SAU KHI THỤ LÝ VỤ ÁN?

Tôi có tranh chấp với một người về chuyện tài sản. Tôi đã gửi đơn kiện đến Tòa án, nhưng đến nay tôi chưa thấy hồi âm từ phía Tòa án. Nếu nhận đơn của đương sự, Tòa án phải làm gì?

Hoàng Văn Thắng (Lục Ngạn, Bắc Giang)

Sau khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Tòa án phải thông báo ngay cho người khởi kiện để họ đến làm thủ tục tạm ứng tiền án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Tòa án dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi phiếu báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Tòa án phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án và cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án. Văn bản thông báo phải có các nội dung chính như sau: Ngày, tháng, năm làm văn bản thông báo; tên, địa chỉ Tòa án đã thụ lý vụ án; tên, địa chỉ của người khởi kiện; những vấn đề cụ thể người khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết; danh sách tài liệu, chứng cứ người khởi kiện nộp kèm theo đơn khởi kiện; thời hạn người được thông báo phải có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu có; hậu quả pháp lý của việc người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu.

Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, chánh án Tòa án phân công một thẩm phán giải quyết vụ án. Thẩm phán khi lập hồ sơ vụ án có nhiệm vụ thông báo về việc thụ lý vụ án; yêu cầu đương sự nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; thực hiện một hoặc một số biện pháp để thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật.

ĐƠN KIẾN ĐƯỢC THỤ LÝ TRONG BAO LÂU?

Chị gái tôi khởi kiện tranh chấp về tài sản nhưng đã hơn một tháng mà vẫn chưa thấy Tòa án thụ lý vụ kiện. Tôi muốn biết thủ tục và thời hạn thụ lý vụ kiện dân sự là bao lâu. Nếu Tòa án làm sai thì việc khiếu nại sẽ thực hiện thế nào?

Huỳnh Thế Phong (Tân Biên, Tây Ninh)

Theo quy định của pháp luật thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện do đương sự nộp trực tiếp

tại Tòa án hoặc gửi qua đường bưu điện và phải ghi trong sổ nhận đơn. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án xem xét và phải ra một trong các quyết định sau đây: 1. Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; 2. Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác; 3. Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nếu Tòa án thực hiện không đúng các thủ tục theo quy định thì người khởi kiện có quyền khiếu nại đến chánh án Tòa án cùng cấp trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày người khiếu nại biết được hoặc nhận được quyết định, hành vi tố tụng mà người đó cho rằng có vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, nếu không đồng ý với kết quả giải quyết thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Tòa án cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Tòa án cấp trên trực tiếp phải xem xét giải quyết. Tòa án cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết cuối cùng.

Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của

chánh án Tòa án do Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết, trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Tòa án cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết cuối cùng.

Quyết định giải quyết khiếu nại của chánh án Tòa án phải được gửi cho người khiếu nại và Viện kiểm sát cùng cấp.

TÒA ÁN TRẢ LẠI ĐƠN KIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO?

Tôi có tranh chấp về tài sản với một người trong họ tộc. Khi không hòa giải được tôi đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, nhưng sau đó đơn của tôi bị trả lại. Tôi muốn biết, trường hợp nào thì đơn kiện bị trả lại? Pháp luật quy định về việc này như thế nào?

Hồ Văn Xanh (Minh Hóa, Quảng Bình)

Khi người dân có tranh chấp về dân sự thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Tòa án phải tiến hành thụ lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp Tòa án sẽ trả lại đơn khởi kiện cho đương sự; cụ thể những trường hợp sau đây:

- a) Thời hiệu khởi kiện đã hết;
- b) Người khởi kiện không có quyền khởi kiện hoặc không đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự;

c) Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn xin ly hôn, xin thay đổi nuôi con, xin thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại hoặc vụ án đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận do chưa đủ điều kiện khởi kiện);

d) Hết thời hạn thông báo quy định tại khoản 2, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự (Tòa án dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào phiếu báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí);

đ) Chưa đủ điều kiện khởi kiện;

e) Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Khi trả lại đơn khởi kiện, Tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện.

Như vậy, ông có thể xem việc bị trả lại đơn kiện của mình có rơi vào một trong những trường hợp nêu trên hay không và ông có thể yêu cầu Tòa án trả lời rõ lý do trả lại đơn khởi kiện của mình.

KHIẾU NẠI KHI TRẢ LẠI ĐƠN KIỆN

Trong đơn xin ly hôn, tôi có yêu cầu phân chia tài sản và kê ra những tài sản cần được giải quyết. Tòa án nhận đơn sau đó yêu cầu tôi bổ sung, sửa chữa. Tôi đã bổ sung, sửa chữa nhưng Tòa án vẫn trả lại đơn. Tại sao lại như vậy? Tôi muốn khiếu nại thì pháp luật quy định về việc này như thế nào?

Trần Công Hùng (Chư Sê, Gia Lai)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong trường hợp đơn khởi kiện không đủ các nội dung theo quy định thì Tòa án thông báo cho người khởi kiện biết để họ bổ sung, sửa đổi trong thời hạn do Tòa án ấn định nhưng không quá 30 ngày; trong trường hợp đặc biệt Tòa án có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Trong trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung theo quy định thì Tòa án tiếp tục thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung đúng yêu cầu thì Tòa án trả lại đơn kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo do Tòa án trả lại, người khởi kiện có quyền khiếu nại với chánh án Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện.

Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện, chánh án Tòa án phải ra một trong các quyết định sau: a) Giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện; b) Nhận lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo để tiến hành thụ lý vụ án.

Ông cần xem lại việc bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện của mình đã đúng chưa. Nếu ông không thỏa mãn với việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án thì có thể khiếu nại theo quy định nêu trên.

BỊ TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN DO KHÔNG NỘP TẠM ỨNG ÁN PHÍ

Do tranh chấp về thừa kế, tôi đã làm đơn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Tòa án thông báo cho tôi việc nộp tạm ứng án phí, nhưng do có khó khăn và phải đi làm ăn xa nên tôi chưa thể nộp tiền tạm ứng án phí. Mới đây, tôi nhận được đơn khởi kiện do Tòa án trả lại. Có phải cứ nộp tạm ứng án phí thì Tòa án mới thụ lý vụ án?

Huỳnh Ngọc Phúc (Lạc Dương, Lâm Đồng)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền tự mình hoặc

thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, pháp luật cũng quy định, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào phiếu báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Trong trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Tòa án phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Hết thời hạn được thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí mà người khởi kiện chưa nộp thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Khi trả đơn khởi kiện, Tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện.

Như vậy, ông không nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn pháp luật quy định, trong khi ông cũng không phải là đối tượng được miễn hoặc không phải nộp tạm ứng án phí, nên Tòa án trả lại đơn khởi kiện là đúng pháp luật.

NGƯỜI NGHÈO CÓ PHẢI NỘP TẠM ỨNG ÁN PHÍ?

Tôi có đơn gửi đến Tòa án khởi kiện đòi lại tài sản bị tranh chấp. Tòa án yêu cầu tôi phải nộp tạm ứng án phí mới thụ lý giải quyết. Hiện nay gia đình tôi rất khó khăn, thuộc diện nghèo ở địa phương. Tôi muốn biết, hoàn cảnh của tôi như vậy có phải nộp tiền tạm ứng án phí không?

Nguyễn Văn Thuận (Thanh Chương, Nghệ An)

Theo quy định tại Điều 130 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí; người nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự phải nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đó, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí. Điều 134 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

án phí, mức án phí đối với mỗi loại án cụ thể, các loại lệ phí, mức lệ phí cụ thể, các trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí; các trường hợp được miễn hoặc không phải nộp án phí, lệ phí và các vấn đề khác có liên quan đến án phí và lệ phí do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì trong vụ án dân sự, những trường hợp sau đây không phải nộp tiền tạm ứng án phí, miễn nộp án phí:

- a) Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;
- b) Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự;
- c) Cá nhân, hộ gia đình thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ;
- d) Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Như vậy, nếu ông đang thực sự khó khăn, không có điều kiện nộp tiền tạm ứng án phí, ông có thể làm đơn có sự xác nhận của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét miễn

hoặc giảm một phần tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự trong vụ kiện đòi tài sản mà ông đang theo đuổi.

TRANH CHẤP TÀI SẢN ẢO CÓ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT?

Thời gian qua, ở địa phương tôi có nhiều người tham gia vào các trò chơi trực tuyến. Trong quá trình chơi, các game thủ thường xuyên mua, bán các tài sản liên quan đến game như ngoài đời thực và nhiều khi được chuyển hóa thành tiền thật. Thực tế đã có nhiều trường hợp tranh chấp rất phức tạp. Tôi muốn biết, việc tranh chấp này được giải quyết như thế nào theo quy định của pháp luật?

Hồ Ngọc Thắng (An Biên, Kiên Giang)

Theo Điều 163 Bộ luật dân sự thì tài sản ảo không phải là tiền, cũng không phải loại giấy tờ có giá. Tài sản ảo trên game cũng khác với các loại tài sản vô hình khác được pháp luật bảo hộ như sáng chế, tên thương mại, địa chỉ thư điện tử.... Tài sản ảo chỉ xuất hiện trong thế giới ảo, có quan hệ trực tiếp với các nhân vật trong trò chơi mà không quan hệ trực tiếp với người chơi. Điều này có nghĩa là người chơi sở hữu nhân vật ảo, còn nhân vật ảo sở hữu tài sản ảo.

Vấn đề tài sản ảo cũng không nằm trong sự điều chỉnh của pháp luật quy định về phần mềm trò chơi game. Vì là tài sản ảo nên người chơi không thể chiếm hữu được nó. Bên cạnh đó, việc mua bán tài sản ảo này còn phụ thuộc vào công ty quản lý trò chơi, vào công ty phát triển phần mềm. Hiện nay, ngay cả các doanh nghiệp kinh doanh game online cũng không thừa nhận các sản phẩm tài sản ảo. Tài sản ảo chỉ là một đoạn mã trong game, nó thuộc về game, vì thế không thể công nhận tài sản ảo là tài sản và bảo hộ nó được. Vì vậy, nếu xảy ra tranh chấp, rủi ro thì dù có đầu tư rất lớn vào các sản phẩm là tài sản ảo cũng sẽ không có giá trị và cơ sở pháp lý để giải quyết. Về lâu dài, khi “nền kinh tế số” phát triển đến một mức nào đó thì pháp luật sẽ điều chỉnh và khi đó tài sản ảo sẽ được xem xét bảo hộ.

VAY NỢ, HỨA HOÀI KHÔNG TRẢ, TÍNH SAO?

Ông N. có vay của tôi một số tiền để làm ăn, có viết giấy biên nhận đang hoàn và hứa sau một năm sẽ trả đủ. Khi hết hạn ông ấy không chịu trả. Tôi gửi đơn, được Ủy ban nhân dân xã mời đến làm việc ông ấy hứa sau một tháng sẽ trả nhưng rồi cũng lơ lửng. Tôi có thể khởi kiện

ra Tòa để đòi nợ được không? Nếu gửi đơn thì nội dung cần thể hiện như thế nào?

Nguyễn Văn Thủ (Cờ Đỏ, Cần Thơ)

Theo Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự thì cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp của ông, nếu Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải và ông N. hứa sẽ trả nợ cho ông nhưng rồi vẫn không trả thì ông có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân cấp huyện để xem xét giải quyết. Khi gửi đơn, ông cần gửi kèm theo các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc cho vay tiền.

Đơn khởi kiện phải có những nội dung chính như sau: Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; tên Tòa án nhận đơn khởi kiện; tên, địa chỉ của người khởi kiện; tên, địa chỉ của người có quyền và lợi ích được bảo vệ (nếu có); tên, địa chỉ của người bị kiện; tên, địa chỉ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; họ, tên, địa chỉ người làm chứng (nếu có). Cần gửi kèm theo các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, hợp pháp; các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy

cần thiết cho công việc giải quyết vụ án. Người khởi kiện phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn.

Người khởi kiện vụ án gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức: nộp trực tiếp tại Tòa án; gửi đến Tòa án qua đường bưu điện. Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

ĐÒI LẠI NHÀ CHO THUÊ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT NHƯ THẾ NÀO?

Tôi thuê nhà của bà Minh để tổ chức kinh doanh. Trong thời gian thuê, bà Minh đã nhiều lần gây khó khăn với ý đồ buộc tôi thay đổi hợp đồng theo hướng có lợi cho bà. Tôi đã đề nghị thương thảo nhưng bà ấy không có thiện chí. Bà thông báo đòi lại nhà trong khi công việc sản xuất kinh doanh của tôi đang thuận lợi. Trong lúc đang tìm biện pháp giải quyết thì bà Minh đã cho người đến vứt hết tài sản của tôi ra ngoài. Tôi xin hỏi, việc này giải quyết như thế nào?

Nguyễn Thị Nga (Quảng Ninh, Quảng Bình)

Giữa bà và bà Minh đã có hợp đồng về thuê nhà. Trong hợp đồng đó hẳn giữa hai bên đã có

những thỏa thuận, những điều khoản ghi và xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên cũng như những biện pháp giải quyết khi tranh chấp. Nếu nay vì một lý do nào đó bà Minh muốn tăng giá thuê nhà hay muốn lấy lại nhà thì cũng phải căn cứ vào các quy định của bản hợp đồng gốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm về việc vi phạm của mình và nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Sự việc tranh chấp giữa bà và bà Minh như vậy là đã quá căng thẳng. Nguyên nhân như thế nào chúng tôi không được bà phản ánh rõ, nhưng cách giải quyết đúng đắn nhất là giữa bà và bà Minh cần phải có thiện chí, thảo luận, thỏa thuận với nhau về những vấn đề mà hai bên quan tâm. Chỉ khi nào việc thỏa thuận đó không đạt được thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong vụ việc này, nếu thời hạn thuê nhà của bà còn mà bà Minh muốn lấy lại nhà thì bà ấy phải được sự đồng ý của bà (người thuê), đồng thời bà Minh phải bồi thường những thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bà Minh cũng có thể thông báo việc lấy lại nhà trong thời gian mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Hết thời hạn theo thông báo thì bà ấy có quyền lấy lại nhà. Nếu bà không giao nhà thì bà là bên

vi phạm hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại cho bà Minh.

Trong khi đang giải quyết vụ việc, bà Minh đã cho người vớt đồ đạc, tài sản của bà ra ngoài thì đó là việc làm vi phạm pháp luật, làm hư hỏng tài sản của chủ sở hữu hợp pháp. Với việc làm ấy bà Minh phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà. Nếu hành vi đó gây thiệt hại nghiêm trọng thì bà Minh có thể phải bị xử lý về tội cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng tài sản được quy định trong Bộ luật hình sự.

Như vậy, trong việc này bà cần yêu cầu Tòa án giải quyết theo các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình, nếu bà và bà Minh không thể thỏa thuận được với nhau.

ĐÃ SAI CÒN TÍNH KIẾN SAO ĐÂY!

Trước nhà tôi có vạt đất sát với cổng bỏ không nên tôi đã tận dụng để xây một gian nhà nhỏ, dự định sẽ đưa vào buôn bán lát vạt. Khi tôi đang xây, xã đã cho người đến lập biên bản và yêu cầu đình chỉ việc xây dựng vì không có giấy phép và vi phạm lộ giới. Tôi nghĩ mình cứ xây tạm và sử dụng một thời gian, khi nào làm đường sẽ tháo dỡ; vả lại tôi đã xây dở dang nếu bỏ đi thì phí. Sau hai ngày, xã cho tổ công tác đến yêu cầu đình chỉ thi công, khi mà

gian nhà này tôi đã xây xong. Họ tự ý tháo dỡ và sau đó Ủy ban nhân dân xã ra quyết định xử phạt hành chính đối với tôi. Tôi thấy việc làm này của xã là không đúng, tôi có thể kiện ra Tòa đòi bồi thường thiệt hại được không?

Nguyễn Hồng Kiên (Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh)

Cái sai trước hết thuộc về ông. Pháp luật nước ta không cho phép công dân làm bất cứ việc gì mà pháp luật cấm. Việc xây nhà của ông, theo quy định là phải có sự cho phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; mặt khác ngôi nhà đó lại vi phạm lộ giới. Vì vậy, việc tháo dỡ ngôi nhà xây trái phép đó là đúng với các quy định của pháp luật. Nếu ai cũng làm bừa, làm ẩu, bất chấp pháp luật thì xã hội làm sao có kỷ cương. Lẽ ra, khi tổ công tác đến lập biên bản đình chỉ việc thi công và tự tháo dỡ, trả lại hiện trạng ban đầu ông cần phải thực hiện nghiêm chỉnh. Nhưng, vì ông chỉ nghĩ đến được việc cho riêng mình nên đã phớt lờ các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nên mới dẫn đến chuyện rắc rối sau này.

Việc Ủy ban nhân dân xã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng đối với ông là hoàn toàn chính xác và cần thiết. Điều này không chỉ đúng với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà còn có tác dụng

phòng ngừa các vi phạm tương tự, giáo dục ý thức chấp hành của người dân địa phương.

Tuy nhiên, vì muốn “được việc” mà những người trong tổ công tác cũng như người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã đã có cách làm vội vã, thiếu thận trọng, vi phạm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của mình, chính quyền phải lập biên bản về vi phạm và trong vòng 10 ngày phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu quá 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt mà đương sự không tự nguyện thi hành thì mới bị cưỡng chế. Trường hợp thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền của mình thì chính quyền địa phương phải chuyển hồ sơ lên cấp trên trực tiếp ra quyết định xử phạt theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Việc vi phạm mới bị lập biên bản vi phạm được hai ngày, chưa ra quyết xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chính quyền sở tại đã quyết định cưỡng chế là vi phạm thủ tục xử lý các vi phạm hành chính. Vì vậy, ông có quyền khởi kiện Ủy ban nhân dân xã ra Tòa án để giải quyết về việc này.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TƯỜNG RÀO

Chủ nhà kể bên khi xây tường rào đã lấn qua

đất nhà của tôi, trong khi nhà, đất của tôi giữ nguyên hiện trạng từ trước đến nay. Tuy nhiên số liệu đo đạc về đất đai thì có sự chênh lệch so với số liệu trước đây. Nhà kế bên lại cho rằng tôi lấn đất của họ. Xin hỏi vụ việc này cơ quan nào giải quyết? Nếu tôi làm giấy tờ hợp thức hóa thì có phải cần sự xác nhận của những hộ kế bên không?

Trần Mạnh Chung (Xuân Lộc, Đồng Nai)

Hàng xóm ăn ở với nhau cả đời mà nay đổ qua, mai đổ lại về mấy tấc đất là mệt lắm đó anh Chung ạ! Để giải quyết vụ việc này ổn thỏa thì có lẽ giải pháp đầu tiên là hai bên cần có sự thiện chí, trực tiếp trao đổi, đưa ra những căn cứ xác đáng, có tính thuyết phục cao để bên kia chấp nhận được. Trường hợp có những chi tiết chưa được cụ thể, khó xác định thì cũng bằng thiện chí, anh cần thông qua các đoàn thể, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải để vừa bảo đảm quyền lợi của các bên, vừa giữ được hòa khí. Nếu bên nào cũng “căng” thì xem ra lợi bất cập hại đó.

Sau khi anh và nhà kế bên không thể giải quyết bằng cách hòa giải thì cần phải có sự giải quyết của cấp có thẩm quyền. Theo quy định của pháp luật thì khi xảy ra tranh chấp về đất, nếu đất đã có giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất hoặc một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án. Các trường hợp khác, thẩm quyền giải quyết thuộc về Ủy ban nhân dân các cấp. Dù cấp nào, cơ quan nào giải quyết thì anh cũng phải cung cấp đầy đủ, trung thực các loại giấy tờ cần thiết để làm căn cứ xem xét và ra quyết định đúng đắn.

Về vấn đề hợp thức hóa phần diện tích nhà, đất của mình, anh cũng phải nộp các loại giấy tờ có liên quan. Nếu diện tích đất và nhà, anh đã kê khai theo quy định trong các đợt kê khai theo chủ trương của địa phương, có các cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì khi hợp thức hóa, anh không cần phải có sự xác nhận của các hộ kế bên nữa. Nếu diện tích đất đó anh chưa kê khai trong các đợt trước, nay muốn hợp thức hóa thì cần có sự xác nhận của “tứ cận”, nhằm tránh sự tranh chấp có thể xảy ra khi cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở.

Anh cần liên hệ với chính quyền địa phương để được hướng dẫn cụ thể hơn trong việc giải quyết các tranh chấp cũng như thực hiện việc hợp thức hóa diện tích đất và nhà ở của mình. Đây không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là việc rất “nhạy cảm” trong cuộc sống thường ngày ở

nơi cộng đồng dân cư. Mong sao mọi việc của anh được giải quyết suôn sẻ.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NHƯ THẾ NÀO?

Vợ chồng tôi có 4 người con. Trước đây chúng tôi về ở với con trai út đang sinh sống ở tỉnh khác nên để cho con trai cả quản lý, sử dụng và canh tác diện tích đất của mình. Khi Nhà nước có chủ trương kê khai đất, con trai cả của tôi đã đứng tên khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng tôi muốn lấy lại một phần đất đó để lo tuổi già và cũng để phân chia cho các con khác. Đứa con trai cả có ý không chịu thì việc giải quyết như thế nào?

Phạm Đăng Thường (Đồng Hới, Quảng Bình)

Trước hết ông bà cần bàn bạc, thảo luận kỹ với người con cả và những người con khác trong gia đình trong việc trả lại đất. Mục đích ở đây là để con cái thể hiện sự hiếu thuận, anh em đoàn kết, bình đẳng, tránh xảy ra những tranh chấp không đáng có cùng những hậu quả đáng tiếc.

Dưới góc độ pháp luật về đất đai thì người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp (giấy đỏ) là người đang trực tiếp sử dụng đất đó.

Việc sử dụng đất của người đó là ổn định, không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì về nguyên tắc quyền sử dụng diện tích đất đó là của người có tên trong giấy chứng nhận. Theo đó, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người con trai của ông bà thì quyền sử dụng đất hợp pháp là của anh ấy mà không phải là của ông bà nữa.

Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định như sau: Người đang sử dụng đất làm bản kê khai diện tích đất đang sử dụng; cung cấp các giấy tờ xác định nguồn gốc cũng như các loại giấy tờ cần thiết khác liên quan đến diện tích đất đó; cơ quan địa chính và chính quyền địa phương có trách nhiệm đo đạc, xác định chính xác diện tích đất, tính hợp pháp, có phù hợp với quy hoạch hay không... Sau đó, chính quyền địa phương lập tờ trình lên chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xét ra quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy là quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tiến hành chặt chẽ và bảo đảm đúng pháp luật. Một trong những thủ tục bắt buộc trong quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sau khi tiến hành kê khai chuẩn bị cấp giấy thì tại trụ sở Ủy ban nhân dân

cấp xã phải niêm yết công khai danh sách các khu đất, lô đất xét có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận trong một thời gian nhất định để mọi người có thể thực hiện việc khiếu nại của mình. Có lẽ do ông bà sinh sống ở nơi xa, anh con trai cả lại không thông báo để ông bà biết việc kê khai đất nên đã không có sự khiếu nại và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp trong gia đình không thỏa thuận được với nhau thì một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

NAN GIẢI CHUYỆN TÀI SẢN CHUNG - TÀI SẢN RIÊNG

Cha tôi là người giàu có. Do má tôi đã mất từ lâu nên ông vẫn ở vậy và chỉ thú làm ăn. Nhưng qua một sự tình cờ, ông quen cô N. làm nghề buôn bán, ít hơn ông gần 20 tuổi. Ông cho cô ta mượn một khoản tiền lớn để làm ăn. Sau đó, ông và cô N. làm đăng ký kết hôn, nhưng chúng tôi không tán thành vì thấy N. không phải thực sự thương cha tôi mà có ý lợi dụng. Ở với nhau một thời gian ngắn, cha tôi tiếp tục đưa vốn cho cô N. làm ăn, nhưng sau đó ông nhận thấy cô này quan hệ với rất nhiều đàn ông khác và lợi dụng tiền bạc của họ. Cha tôi muốn

ly dị, nhưng cô N. lại đòi chia tài sản và không chịu trả số tiền cha tôi đưa cho cô buôn bán trước và sau khi kết hôn. Xin hỏi, yêu cầu của cô N. có đúng không và cha tôi có đòi được số tiền đó không?

Phạm Thị Nhung (Cam Ranh, Khánh Hòa)

Rất may là cha của bạn đã sớm nhận bản chất của cô N. mà nghĩ đến chuyện xin ly hôn, nếu để càng lâu thì hậu quả càng nghiêm trọng và ông sẽ phải sống trong dằn vặt, mệt mỏi những năm tháng cuối đời.

Về việc xin ly hôn, cha của bạn hoàn toàn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết nếu không rơi vào các trường hợp chưa được ly hôn theo quy định của pháp luật như người vợ đang mang thai, còn trong thời kỳ cho con bú... Và như vậy cô N. cũng không có căn cứ gì để đưa ra “điều kiện” để ngăn cản ý chí của cha bạn. Bởi lẽ kết hôn là sự tự nguyện của cả hai bên, khi mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì hai bên có thể thuận tình ly hôn hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Khi ly hôn, về tài sản hai bên có thể tự thỏa thuận, nếu có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết trên cơ sở có lý và có tình. Đối với tài sản mà cha bạn đã tạo lập được trước khi kết hôn với cô N. và ông

không ghi rõ đó là tài sản chung với cô N. thì cô ta không thể đòi chia được vì đó là tài sản riêng của cha bạn. Số tiền mà ông cho cô N. mượn để làm ăn trước khi kết hôn, đó là quan hệ dân sự (vay mượn), nếu cha của bạn không xóa nợ thì cô N. buộc phải trả. Số tiền cha bạn đưa cho cô N. buôn bán trong thời kỳ hôn nhân, nếu có căn cứ khẳng định đã là tiền riêng của ông và không phải là quà tặng, cũng không phải là tiền đưa vào khối tài sản chung thì ông có thể đòi cô N. phải trả cho mình (nhưng phải có đủ những căn cứ chứng minh), nếu không có những căn cứ trên thì coi đó là tài sản chung và hai bên đều có nghĩa vụ và quyền lợi chung (hưởng lợi nhuận, trả nợ...).

Mong sao vụ việc của cha bạn được giải quyết êm đẹp.

TẠT NƯỚC BẮN QUA NHÀ NHAU, KIỆN TỤNG THẾ NÀO ĐÂY?

Giữa hàng xóm, láng giềng khó tránh khỏi va chạm nhỏ, nhưng khổ nỗi giữa vợ tôi với bà hàng xóm lại cứ cố chấp nhau đủ thứ. Mới đây, hai bà cãi nhau rồi tiện tay tạt nước qua nhà nhau. Đầu tiên là nước sạch, sau rồi nước bẩn; trước thì tạt vào nhau sau thì tạt nước vào nhà, vào đồ đạc. Chỉ khi tôi trở về và bà con hàng

xóm can ngăn, mời công an xã đến lập biên bản thì hai bà mới dừng lại. Được vài hôm, vợ tôi lại nhất quyết đòi kiện bà hàng xóm ra Tòa án yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bà hàng xóm cũng không chịu, lên tiếng sẽ kiện ngược vợ tôi. Tôi đang tìm cách giải quyết việc này và muốn hỏi việc kiện tụng của hai bà ấy liệu có đúng không? Việc này nên giải quyết thế nào?

Trịnh Đình Công (Hoài Nhơn, Bình Định)

Khiếp! Nghe câu chuyện của vợ ông và bà hàng xóm cứ như trong “cinê” không bằng. Chuyện lặt vặt, cố chấp của các “quý bà, quý cô” nhiều khi cũng phức tạp, đầu đầu chứ đâu phải đơn giản. Và chúng tôi cũng rất thông cảm với ông khi phải đứng ra lo cái vụ “vợ một bên, và hàng xóm một bên” này. Qua những tình tiết mà ông đã nêu thì thuyết phục được hai bà này quả là việc không dễ dàng.

Hẳn ông đã biết, ở một số nước trong vùng Đông Nam Á vào những ngày lễ, tết người ta mong được tạt nhiều nước để chúc phúc, cầu may mắn; nhưng kiểu tạt nước của hai bà đó thì có ngày gây án mạng. Sự việc này, ông lo lắng và quan tâm giải quyết sớm là rất phải, để mâu thuẫn ngày càng tăng thì sẽ còn nhiều phức tạp nữa.

Hiện nay công an xã đã lập biên bản về việc gây mất an ninh trật tự, gây ô nhiễm môi trường

sống của hai bà. Đó là căn cứ để chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định xử phạt hành chính theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Khi bị dính phạt tiền thì hẳn các bà sẽ bốt “say máu”. Tiếp theo, ông cần phải thuyết phục những người thân trong gia đình bà hàng xóm, cũng như con cái, anh em của gia đình bên mình hợp tác với ông nhằm phân giải đúng sai, đề nghị mọi người phải có hành vi xử sự nhã nhặn, thiện chí hơn, nhằm xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa những người sống quanh ta. Ông và những người có trách nhiệm cũng cần phải “cảnh cáo” để các bà biết hậu quả có thể rất nghiêm trọng nếu những hành vi và thái độ thù nghịch vẫn tiếp diễn.

Về việc kiện ra Tòa để đòi bồi thường thiệt hại, theo quy định của pháp luật thì mọi công dân đều có quyền này. Tuy nhiên trong trường hợp của hai người này thì cần phải giải thích để họ thấy rõ là khi kiện cần phải có căn cứ xác thực về sự thiệt hại, lỗi của các bên... Không thể mình là người có lỗi lại kiện người khác, hoặc thiệt hại ít khai vống lên để đòi bồi thường. Khi thụ lý Tòa án sẽ tiến hành hòa giải, chỉ khi nào việc hòa giải không thành thì Tòa mới xét xử. Trong sự việc này, chúng tôi nghĩ cả hai bà nên rút đơn kiện; nếu cứ âm ỉ thế này sẽ chẳng có lợi cho ai cả, chỉ làm mất thời gian, công sức và tiền bạc mà thôi.

BẢO QUẢN TÀI SẢN CỦA NGƯỜI VẮNG MẶT

Tôi và một vài người khác cho ông Tiến mượn tiền để làm ăn. Nhưng không hiểu vì lý do gì mà gần 8 tháng nay ông ấy không có mặt ở địa phương, hỏi gia đình cũng không biết ông ấy đi đâu. Chúng tôi rất lo lắng trong việc bảo vệ quyền lợi của mình khi mà tài sản của ông Tiến không biết sẽ được xác định thế nào và việc quản lý tài sản đó ra sao. Rất mong được giải đáp!

Nguyễn Thái Bình (Hữu Lũng, Lạng Sơn)

Một người vắng mặt tại địa phương quá 6 tháng mà không ai, kể cả gia đình, vợ con, biết người đó đi đâu, làm gì và ở đâu cũng không rõ thì đó quả là việc không bình thường. Ở đây nguyên nhân có thể là người đó đã chết ở đâu đó, mất tích, trốn nợ... Theo quy định của pháp luật thì khi một người biệt tích trong 6 tháng liền thì những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có thể yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt.

Việc quản lý tài sản của người vắng mặt được quy định tại Điều 85 Bộ luật dân sự. Theo đó,

tùy từng trường hợp, theo yêu cầu của người có quyền và lợi ích liên quan, Tòa án giao tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú cho những người sau đây quản lý:

- Đối với tài sản đã được người vắng mặt ủy quyền quản lý thì người được ủy quyền tiếp tục quản lý;

- Đối với tài sản chung thì do sở hữu chung còn lại quản lý;

- Tài sản do vợ hoặc chồng đang quản lý thì vợ hoặc chồng tiếp tục quản lý; nếu vợ hoặc chồng đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự thì con đã thành niên hoặc cha mẹ của người vắng mặt quản lý;

- Trong trường hợp không có những người đã nêu trên thì Tòa án chỉ định một người trong số người thân thích quản lý; nếu không có người thân thích thì Tòa án chỉ định một người khác quản lý. Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có tài sản của người vắng mặt thực hiện giám sát việc quản lý tài sản đó.

Vì vậy, nếu bạn có yêu cầu thì Tòa án sẽ áp dụng các quy định của pháp luật về bảo quản tài sản của người vắng mặt nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của các bên có liên quan. Tài sản của ông Tiến đã được giao cho một người bảo quản thì khi tiến hành giải quyết tranh chấp sẽ có

điều kiện để thực hiện các nghĩa vụ trả nợ của ông ấy với bạn cũng như những người khác.

KHI NGƯỜI CHỒNG BỎ ĐI MẤT TÍCH THÌ VIỆC GIẢI QUYẾT TÀI SẢN NHƯ THẾ NÀO?

Chồng tôi bỏ nhà đi đã 4 năm mà không tin tức gì. Căn nhà tôi đang ở trước đây mua và xây cất đều đứng tên cả vợ chồng tôi. Nay tôi kẹt vốn muốn bán căn nhà để lấy tiền làm ăn, nhưng chồng tôi không có mặt thì giải quyết như thế nào?

Huỳnh Thị Sương (Châu Đốc, An Giang)

Rõ ràng căn nhà của chị đang định bán là sở hữu chung của vợ chồng chị. Theo quy định của pháp luật thì việc bán nhà là sở hữu chung phải được đồng ý của tất cả các chủ sở hữu bằng văn bản. Đã là sở hữu chung thì quyền và nghĩa vụ của các bên phải được bảo đảm như nhau. Nay chị muốn bán ngôi nhà đó thì phải có sự đồng ý, thỏa thuận của chồng chị. Chồng chị vắng mặt lâu ngày không biết ở đâu nên việc bán ngôi nhà đó sẽ gặp những trở ngại về mặt pháp lý.

Để giải quyết được việc bán nhà theo đúng quy định của pháp luật, trước hết chị phải có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chồng mình bị

mất tích trước khi tiến hành bán nhà. Sau khi Tòa án tuyên bố chồng chị mất tích thì ngôi nhà đó mới có thể được bán. Căn cứ vào giá bán được ghi trong hợp đồng mua bán nhà, các chủ sở hữu chung còn lại có trách nhiệm gửi tiền bán nhà, phần tương ứng với phần giá trị quyền sở hữu nhà của chồng chị vào ngân hàng thương mại nơi có nhà ở được bán. Phần tiền được gửi vào ngân hàng này, khi người chồng đã được tuyên bố là mất tích trở về và có yêu cầu thì ngân hàng đã nhận tiền gửi có trách nhiệm thanh toán cho anh ấy số tiền gửi đó cả gốc và lãi theo quy định về lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm nhận tiền.

Trong trường hợp chồng chị bị tuyên bố là mất tích mà chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì phần tiền đã gửi vào ngân hàng nói trên được chia cho những người thừa kế hợp pháp của anh ấy theo quy định của pháp luật về thừa kế.

CHỒNG CHẾT, VỢ PHẢI TRẢ NỢ CHO CHỒNG NHƯ THẾ NÀO?

Trước đây, ông Sáng có mượn của tôi một khoản tiền để làm ăn. Do việc làm ăn có khó khăn nên ông Sáng chưa có điều kiện trả cho tôi. Sau này ông Sáng lại bị bệnh, nằm bệnh viện

lâu ngày rồi mất. Tôi muốn được biết, ông Sáng mất rồi thì vợ ông ấy có nghĩa vụ phải trả tiền cho tôi không?

Trần Quang Tính (Yên Phong, Bắc Ninh)

Việc ông cho ông Sáng mượn tiền để làm ăn, phát triển sản xuất là một nghĩa cử tốt, nhất là những người cùng làng xã, giúp nhau trong cuộc sống. Nay không may ông Sáng bị bệnh mà qua đời làm cho việc trả nợ của ông ấy chưa thực hiện được. Một vấn đề pháp lý đặt ra là ai là người có nghĩa vụ trả nợ cho ông Sáng? Cụ thể trong trường hợp này, ông hỏi là vợ ông Sáng có nghĩa vụ trả nợ thay cho chồng không?

Trước hết muốn giải quyết việc này cho rõ ràng, ông cần phải khởi kiện ra Tòa án để có một phán quyết mang tính pháp lý. Từ đó sẽ căn cứ vào quyết định của Tòa án để xem nghĩa vụ phải thi hành án đó có được chuyển giao cho người thừa kế hay không? Nếu nghĩa vụ đó được chuyển giao cho người thừa kế và theo bản án hay quyết định của Tòa án thì những người thừa kế sẽ phải thực hiện. Theo đó, không chỉ riêng vợ của ông Sáng mà còn cả những người được hưởng thừa kế khác (cha, mẹ, con...) cũng phải thực hiện nghĩa vụ này.

Nếu ông Sáng mượn tiền trong thời kỳ hôn nhân thì vấn đề đặt ra là có xem món nợ trên

là nợ chung của vợ chồng hay không? Câu trả lời tưởng đơn giản nhưng thực ra không dễ dàng. Nếu đúng đây là khoản nợ chung của vợ chồng thì vợ ông Sáng đương nhiên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng chồng. Nếu trong thỏa thuận vay mượn không đề cập đến trách nhiệm người vợ (hoặc chồng) thì người vợ (hoặc chồng) chỉ phải liên đới trả nợ trong trường hợp khoản tiền đã dùng chung trong gia đình hay người kia cũng có hưởng lợi ích từ việc vay nợ. Nếu không chứng minh được điều này thì trách nhiệm trả nợ chỉ thuộc về người vay nợ mà thôi. Muốn chứng minh được điều này thì người được thi hành án (đó là ông) cũng phải cung cấp chứng cứ chứng minh, nếu không sẽ rất khó khăn trong việc buộc vợ ông Sáng phải trả nợ cho ông.

Hiện nay, ông cần xem xét vợ ông Sáng có khả năng trả nợ được hay không. Nếu thực sự bà ấy có khả năng trả được nợ thì tốt nhất ông và Cơ quan thi hành án sẽ cùng tham gia vận động bà ấy trả nợ thay cho chồng. Chúng tôi nghĩ nếu bản án không buộc vợ của ông Sáng phải trả nợ nhưng vận động, thuyết phục có lý, có tình và bà ấy có khả năng trả được nợ thì hẳn việc đòi nợ của ông cũng không quá khó khăn khi mà khoản tiền cho vay cũng không lớn.

KHÔNG THỂ HÌNH SỰ HÓA ÁN DÂN SỰ

Tôi vay của một người quen 5 triệu đồng. Việc vay mượn giữa chúng tôi vẫn thường diễn ra và tôi luôn trả đầy đủ cho họ. Nhưng lần này, sau gần một năm, người này lại chìa giấy mượn do tôi viết với con số nợ là 25 triệu đồng. Tranh chấp xảy ra; tôi cho rằng họ hoặc ai đó đã viết thêm con số 2 vào trước con số 5, nên không chấp nhận khoản nợ đó. Người này kiện đến cơ quan pháp luật. Người ta nói tôi có thể bị bỏ tù vì lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác. Việc này giải quyết ra sao?

Phạm Thị Thanh (Định Quán, Đồng Nai)

Việc vay mượn tài sản, tiền bạc là quan hệ dân sự. Các bên có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện đúng những cam kết trong giao dịch đó. Bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm về lỗi của mình; gây thiệt hại thì phải bồi thường. Một nguyên tắc rất quan trọng trong giải quyết tranh chấp dân sự là các bên phải tự thỏa thuận với nhau; khi không thể thỏa thuận được thì một hoặc các bên có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng ngay cả khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì cũng phải tiến hành bước hòa giải, chỉ khi hòa giải không thành thì Tòa án mới đưa ra xét xử. Chị và người bạn của

mình “người nói gà, kẻ nói vịt” mới xảy ra tranh chấp, do vậy cần tìm cách thỏa thuận với nhau, cực chẳng đã mới đưa nhau ra Tòa. Nếu chỉ là tranh chấp dân sự mà lại xử lý hình sự, để “bỏ tù” người khác thì đó là đã “hình sự hóa” vụ án dân sự. Đó là việc làm trái pháp luật. Tuy vậy, trong một số vụ án thì ranh giới giữa dân sự và hình sự rất “mong manh”. Trong vụ án này, nếu cơ quan pháp luật có căn cứ chứng minh được rằng, chị đã lợi dụng lòng tin của người bạn và dùng các thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc cố tình khai báo sai sự thật, cạo sửa giấy tờ, sử dụng tiền vay mượn vào những việc làm phi pháp hoặc tìm cách bỏ trốn với mục đích là chiếm đoạt thì chị có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngược lại, người cho chị vay cũng có các hành vi cố ý nhằm buộc chị phải trả số tiền mà mình không vay mượn qua việc ngụy tạo chứng cứ... thì cũng phải bị xử lý về hình sự. Nếu không có các chứng cứ như đã nêu ở trên thì đây chỉ là vụ tranh chấp dân sự mà thôi.

ĐÓ CHỈ LÀ TRANH CHẤP DÂN SỰ

Do từ chỗ quen biết, tôi thường mượn người bạn của mình căn nhà cùng giấy tờ để thế chấp cho ngân hàng vay tiền làm ăn. Giá trị ngôi nhà

này khoảng 300 triệu đồng. Trong giấy bảo lãnh của người có ngôi nhà đó ghi số tiền vay là 20 triệu đồng, nhưng để vay được nhiều tiền tôi đã sửa thành 50 triệu đồng. Mặc dù biết tôi sửa chữa giấy bảo lãnh nhưng giá trị tài sản thế chấp lớn nên ngân hàng vẫn cho tôi vay. Khi biết chuyện sửa giấy tờ, người bảo lãnh đã nổi giận và phát đơn kiện. Nhiều người nói rằng tôi sẽ phải bị xử lý về hình sự, người thì nói đó là tranh chấp dân sự. Tôi muốn biết việc này xử lý như thế nào?

Nguyễn Thị Tuyết (Gò Dầu, Tây Ninh)

Trong quan hệ làm ăn, chữ “tín” là rất quan trọng. Người bạn của bà rõ ràng là rất tin tưởng ở bạn mình nên đã đồng ý đem nhà của mình ra cho bà thế chấp để vay tiền làm ăn. Đáp lại lòng tốt đó, bà đã có những việc làm mà ai ở trong hoàn cảnh của người bạn ấy cũng phải phật lòng, nổi giận. Chưa kể đến việc làm khuất tất của bà khiến cho người bạn mình thiếu tin tưởng, nếu sự việc rủi ro xảy ra thì người bạn kia cũng phải liên đới chịu trách nhiệm kèm theo bao điều phiền toái nữa. Tuy nhiên, trong việc này cũng có lỗi của phía ngân hàng. Việc sửa chữa giấy tờ bảo lãnh của bà là trái với nguyên tắc trung thực trong hoạt động vay, cho vay và bảo lãnh... Tuy nhiên do quá sơ suất hoặc

vì những động cơ nào khác, nhân viên và người có trách nhiệm của ngân hàng đã bỏ qua những nguyên tắc đó.

Hành vi sửa chữa giấy tờ bảo lãnh để vay được khoản tiền lớn hơn với số tiền đã ghi trong giấy bảo lãnh ban đầu cho thấy đã có dấu hiệu của một vụ án hình sự. Cụ thể, hành vi tẩy sửa, làm giả giấy tờ bảo lãnh để rút tiền ngân hàng đã có những biểu hiện khách quan của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối tượng mà bà nhằm vào chính là ngân hàng, nhưng người bị hại lại là người bạn đã cho bà mượn nhà để thế chấp. Bởi lẽ, giá trị của ngôi nhà đó cao hơn rất nhiều lần so với số tiền bảo lãnh cho vay, nên trong trường hợp rủi ro thì ngân hàng vẫn còn có chỗ để “náu”. Hành vi của bà không có động cơ gian dối với ngân hàng mà chỉ gian dối với người bạn đã bảo lãnh thế chấp cho bà. Việc bà gian dối với người bạn cũng chỉ nhằm vay được nhiều tiền hơn phục vụ cho việc làm ăn; mặt khác số tiền vay nhiều hơn đó vẫn nằm trong sự an toàn của giá trị tài sản thế chấp và bà cũng không có động cơ chiếm đoạt số tiền lớn hơn so với số tiền đã ghi trong giấy bảo lãnh ban đầu. Vì vậy, do không có động cơ lừa đảo để chiếm đoạt nên bà không bị xử lý về hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đây đơn thuần chỉ

là hành vi dân sự nên không thể “hình sự hóa”. Nếu có tranh chấp, vụ việc sẽ giải quyết trên cơ sở các quan hệ dân sự. Tuy nhiên, qua việc này, bà cũng cần phải chú ý hơn về hành vi của mình kẻo có ngày sẽ rơi vào vòng lao lý.

TRẺ EM KHÔNG THỂ ĐỨNG ĐƠN KIỆN ĐÒI BỒI THƯỜNG

Trong một lần đi chơi trong khu giải trí ở địa phương khác, con tôi bị một phương tiện giải trí ở đó gây thương tích mà nguyên nhân là do thiết bị không bảo đảm an toàn. Chúng tôi đã gửi đơn kiện đòi bồi thường thiệt hại. Tòa án nói rằng con tôi còn nhỏ không thể đứng tên kiện được, điều đó đúng hay sai? Thời hạn để Tòa thụ lý giải quyết vụ án này là bao nhiêu, vì tôi gửi đơn đã lâu nhưng chưa thấy xét xử? Rất mong được giải đáp rõ về việc này.

Đậu Đức Bình (Đức Thọ, Hà Tĩnh)

Người gây thiệt hại về sức khỏe, vật chất, tinh thần cho người khác phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật. Giải quyết việc bồi thường này thường trên cơ sở của sự tự nguyện và thỏa thuận giữa các bên có liên quan. Như vậy là trong trường hợp của bạn, hai bên không đạt được thỏa thuận nên bạn đã phải

kiện ra Tòa án để giải quyết. Tòa án đó giải thích đúng rằng, con bạn chưa thành niên nên không thể đứng tên trong đơn kiện đòi bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, nếu việc giải thích chỉ dừng lại ở đó thì chưa đủ. Cháu là người chưa thành niên thì cha, mẹ (là người giám hộ đương nhiên) có trách nhiệm đứng tên trong đơn khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại và là người đại diện hợp pháp cho cháu trước Tòa án.

Bạn gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại đã lâu nhưng chưa thấy Tòa án xét xử nên cần phải xem xét việc này. Trước hết cần phải xác định thời gian bạn chính thức gửi đơn đến Tòa án. Vì chỉ từ thời điểm đó mới phát sinh những quan hệ tố tụng. Nếu quá thời hạn theo quy định của pháp luật mà Tòa án không đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án đã vi phạm. Và đương nhiên việc xác định có quá hạn hay không là phải tính từ thời điểm thụ lý vụ án. Căn cứ vụ việc của bạn, theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải ra một trong các quyết định sau đây: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tạm đình chỉ giải quyết vụ án, đưa vụ án ra xét xử. Nếu vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì thời hạn nói trên là 6 tháng. Nếu từ khi bạn nộp đơn đến nay đã quá thời hạn

như đã nêu mà Tòa án không tiến hành bất cứ thủ tục tố tụng nào là Tòa đã vi phạm quy định trên. Khi Tòa án vi phạm, bạn có quyền khởi kiện Tòa để đòi bồi thường những thiệt hại. Nếu chưa hết thời hạn như đã nêu kể từ khi bạn gửi đơn, bạn cần chờ đợi để Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ để việc xét xử bảo đảm được sự đúng đắn, thuyết phục.

VỀ VIỆC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM GIA GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Hiện nay giữa tôi và một số người trong xóm đã xảy ra những tranh chấp về kinh tế. Việc này đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Thời gian tới tôi có việc nên vắng mặt ở địa phương một thời gian. Tôi muốn người khác đại diện cho mình khi tham gia giải quyết vụ án có được không? Quy định của pháp luật về việc này như thế nào?

Trịnh Minh Thống (Vĩnh Cửu, Đồng Nai)

Bộ luật dân sự có quy định về người đại diện với hai hình thức: đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 141 Bộ luật dân sự gồm: 1) Cha, mẹ đối với con chưa thành niên; 2) Người giám hộ đối với người được giám hộ;

3) Người được Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; 4) Người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 5) Chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình; 6) Tổ trưởng tổ hợp tác đối với tổ hợp tác; 7) Những người khác theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền được quy định tại Điều 142 Bộ luật dân sự, đó là đại diện được xác lập theo sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản.

Tuy nhiên, những trường hợp sau đây không được làm người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền: a) Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một vụ án với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện; b) Nếu họ đang là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền trong tố tụng dân sự cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện trong cùng một vụ án (khoản 1, Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự).

Cán bộ, công chức trong các ngành tòa án, kiểm sát, công an không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự, trừ trường hợp họ

tham gia tố tụng với tư cách người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật.

Trong khi tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự, nếu có đương sự là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự (đã nêu ở trên) thì Tòa án phải chỉ định người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án.

Với các quy định về người đại diện trong tố tụng dân sự như trên, bạn có thể vận dụng vào trường hợp của mình để đề nghị có người đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền tham gia trong quá trình giải quyết vụ án khi bạn không có điều kiện tham gia trực tiếp.

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

Tôi được nhờ đứng ra bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho một người ở cùng địa phương trong một vụ án dân sự. Tôi muốn biết, mình cần có những điều kiện gì và có những quyền hạn và nghĩa vụ gì trong việc này?

Nguyễn Tấn Linh (Núi Thành, Quảng Nam)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người được đương sự nhờ và được Tòa án chấp nhận để tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Những người sau đây được Tòa án chấp nhận làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư; công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, chưa bị kết án hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trừ những người là cán bộ, công chức trong các ngành tòa án, kiểm sát, công an.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có các quyền và nghĩa vụ như sau: Tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự; được tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, nếu Tòa án xét thấy cần thiết; có quyền xác minh, thu thập và cung cấp chứng cứ cho Tòa án, nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; tham gia việc hòa giải, tham gia phiên tòa hoặc có văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi

người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

Tôi là người có liên quan về mặt dân sự trong một vụ án hình sự. Do hiểu biết hạn chế về pháp luật cũng như công việc làm ăn nên tôi không có điều kiện theo vụ án này. Tôi muốn nhờ người bảo vệ quyền lợi cho mình nên muốn tìm hiểu quy định của pháp luật về việc này như thế nào?

Trần Minh Thông (Hòa Vang, Đà Nẵng)

Người bảo vệ quyền lợi của đương sự là người được người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự nhờ và được các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận để tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Người bảo vệ quyền lợi của đương sự có thể là luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc người khác được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chấp nhận.

Theo Điều 59 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, người bảo vệ quyền lợi của đương sự được tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can và có quyền: đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của đương sự sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật; tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem biên bản phiên tòa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với đương sự là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì người bảo vệ quyền lợi của họ có quyền có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng lấy lời khai của người mà mình bảo vệ; kháng cáo phần bản án, quyết định của Tòa án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

Người bảo vệ quyền lợi của đương sự có nghĩa vụ: Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để góp phần làm rõ sự thật của vụ án; giúp cho đương sự về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Như vậy, nếu ông không thể tự bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án, ông có thể nhờ người khác đứng ra bảo vệ mình và người đó phải được các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận. Khi đó họ có những quyền và nghĩa vụ như đã nêu trên.

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC HÒA GIẢI TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi và một người ở địa phương có tranh chấp về tài sản và một số vấn đề khác. Chúng tôi đã yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết. Hiện nay Tòa án đã thông báo sẽ tiến hành hòa giải. Tôi muốn biết một số quy định về việc hòa giải này.

Trịnh Ngọc Sáng (Sông Cầu, Phú Yên)

Theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án thì Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc hòa giải này không được áp dụng với những vụ án không được hòa giải (Yêu cầu bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước; những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội; những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được (bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt; đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính

đáng; đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự)).

Việc hòa giải được tiến hành theo các nguyên tắc: Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái pháp luật và trái đạo đức xã hội.

Trước khi tiến hành hòa giải, Tòa án phải thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự biết về thời gian, địa điểm tiến hành hòa giải, nội dung các vấn đề hòa giải.

Khi tiến hành hòa giải, thẩm phán phải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án, để các bên liên hệ đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình; phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc hòa giải phải được lập thành biên bản theo các quy định của pháp luật. Biên bản được gửi cho các đương sự tham gia hòa giải.

GIẢI QUYẾT VIỆC HÒA GIẢI KHI VẮNG MẶT NHỮNG NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Tôi và ba người khác có tranh chấp với nhau

về tài sản liên quan đến việc làm ăn từ trước. Vụ việc được đưa đến Tòa án giải quyết. Tòa án đang tiến hành thủ tục hòa giải nhưng một người trong số đó hiện không có mặt tại địa phương. Tôi muốn biết việc giải quyết trong trường hợp này như thế nào?

Nguyễn Văn Kết (Ba Tri, Bến Tre)

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án thì Tòa án sẽ tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ trường hợp những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được theo quy định của Điều 181 và Điều 182 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong phiên hòa giải ngoài thẩm phán chủ trì phiên hòa giải; thư ký Tòa án ghi biên bản thì còn phải có mặt của các đương sự. Trong một vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để chờ có mặt tất cả các đương sự thì thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải.

Trong trường hợp các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Nếu thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Với các quy định trên, ông có thể biết được việc hòa giải khi vắng mặt của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đó sẽ được giải quyết như thế nào!

THỜI HẠN TIẾN HÀNH HÒA GIẢI VỤ ÁN

Tôi và người hàng xóm xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất và khởi kiện ra Tòa để giải quyết. Tòa án đã thụ lý và nói sẽ tiến hành hòa giải nhưng chúng tôi chờ lâu mà chưa thấy Tòa án mời hòa giải. Tôi muốn biết thời gian tiến hành hòa giải là bao lâu?

Trịnh Ngọc Cảnh (Giá Rai, Bạc Liêu)

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, Tòa án sẽ tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được.

Vụ tranh chấp dân sự của ông nếu không nằm trong diện những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được thì phải thực hiện việc hòa giải. Thời hạn hòa giải nằm trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Theo đó, thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa là bốn tháng, nếu vụ án phải gia hạn do tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì thời gian gia hạn tối đa là hai tháng. Như vậy, thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa là sáu tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Quá thời hạn nêu trên nếu Tòa án không có quyết định tiến hành hòa giải, ông có thể khiếu nại với chánh án Tòa án đã thụ lý vụ án đó.

KHI NÀO MỚI NHẬN ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN?

Tôi có tranh chấp với một người ở cùng xã và đã khởi kiện ra Tòa án. Tại đây, Tòa án tiến hành hòa giải và chúng tôi đã thỏa thuận với nhau được nhiều nội dung. Tuy nhiên, do có việc phải đi xa, tôi muốn có được quyết định của

Tòa án về việc này, nhưng không rõ thời gian là bao lâu. Xin được giải đáp cụ thể.

Hoàng Xuân Vinh (Yên Sơn, Tuyên Quang)

Khi thụ lý vụ án, theo nguyên tắc, Tòa án phải tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau. Việc thỏa thuận này được công nhận bằng quyết định của Tòa án. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có giá trị pháp luật. Theo quy định tại Điều 187 Bộ luật tố tụng dân sự thì hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một thẩm phán được chánh án Tòa án phân công ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.

Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Nếu ông và người đang có tranh chấp với ông chỉ thỏa thuận được một số nội dung cơ bản mà không phải giải quyết toàn bộ vụ án thì Tòa án sẽ không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

SAU KHI HÒA GIẢI THÀNH, ĐỐI Ý CÓ ĐƯỢC KHÔNG?

Tôi với người chú bên vợ có tranh chấp về khoản tiền vay mượn để làm ăn. Sự việc phải đưa đến Tòa án giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải và cả hai bên đều đồng ý, nhưng sau đó người chú lại đổi ý, không chấp nhận việc hòa giải bữa trước. Chú ấy làm như vậy có được không? Pháp luật quy định việc này như thế nào?

Nguyễn Tấn Thiệt (Long Mỹ, Hậu Giang)

Theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc hòa giải phải được tiến hành trên các nguyên tắc là tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái với pháp luật và đạo đức xã hội.

Khi các đương sự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong các vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Biên bản phải được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải. Hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập

biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận đó thì thẩm phán chủ trì phiên hòa giải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và phải gửi cho các đương sự trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận đó. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng nghị, kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm và chỉ được kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng việc thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hoặc trái pháp luật, trái với đạo đức xã hội.

Như vậy, trong thời hạn 7 ngày sau khi đạt được thỏa thuận, người chú của bạn có quyền “đổi ý” về sự thỏa thuận trước đó. Sau thời hạn 7 ngày, Tòa án sẽ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận và quyết định đó có hiệu lực pháp luật ngay, người chú ấy không thể “đổi ý” được nữa; trừ khi có căn cứ cho rằng việc thỏa thuận là bị nhầm lẫn, lừa dối, ép buộc hoặc trái pháp luật và đạo đức xã hội.

KHÔNG NHẤT TRÍ HÒA GIẢI SAO LẠI ĐẢ KÍCH, NÓI XẤU NGƯỜI KHÁC?

Vừa qua do có sự tranh chấp về tài sản, đất đai

giữa hai hộ dân nên họ yêu cầu chính quyền xã đứng ra giải quyết. Mặc dù đã tiến hành hòa giải trên cơ sở có lý, có tình nhưng một bên nhất định không chấp nhận, không những thế chủ hộ đó còn cho rằng chính quyền bênh vực hộ bên kia. Sau đó, người này đã viết những tờ rơi, dả kích, bôi xấu những người tham gia giải quyết vụ việc đó rồi đi rải và dán khắp nơi trong xã. Tôi muốn hỏi người này có phạm tội không, nếu phạm tội thì phạm tội gì?

Đoàn Mạnh Hùng (Kbang, Gia Lai)

Khi những người có trách nhiệm của địa phương hòa giải trên cơ sở có lý, có tình mà người đó không ưng thì có quyền khởi kiện vụ tranh chấp ra Tòa án để phân xử cho rõ ràng, mắc mớ chi lại đi viết tờ rơi nói xấu, dả kích cán bộ xã. Pháp luật nước ta bảo đảm cho công dân đầy đủ các quyền thể hiện chính kiến của mình như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác, nhưng không phải vì có quyền bày tỏ chính kiến mà làm những điều xằng bậy, sai trái, bất chấp kỷ cương, phép nước, xâm hại đến quyền và lợi ích của công dân và uy tín của chính quyền. Hành vi của người đó đã phạm vào tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích

hợp pháp của tổ chức, công dân, được quy định tại Điều 258 Bộ luật hình sự. Người phạm tội này có các hành vi như tổ chức hội họp, phát biểu, viết bài, đăng báo, tờ rơi... đưa ra những thông tin sai lệch làm giảm uy tín hoặc mất lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội hoặc công dân. Gây thiệt hại ở đây không hẳn là về vật chất mà có thể thiệt hại về uy tín, danh dự, lòng tin... Bị coi là phạm tội khi người đó đã thực hiện một trong các hành vi nói trên một cách cố ý. Người phạm tội này có thể bị xử phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Trường hợp phạm tội được coi là nghiêm trọng khi hành vi đó đã xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng; gây dư luận xấu đối với Nhà nước và chế độ; gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, kích động nhiều người vi phạm pháp luật, gây khó khăn cho việc quản lý xã hội, thực thi pháp luật của địa phương.

Với trường hợp mà bạn đã nói, theo chúng tôi, người thực hiện hành vi phạm tội đã rơi vào khoản 1 của điều luật này nên mức hình phạt nhẹ hơn, nhưng vấn đề quan trọng hơn là cần phải xử lý nghiêm minh để bảo đảm kỷ cương, pháp nước.

BỊ CÁO, BỊ ĐƠN DÂN SỰ KHÁC NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Tôi muốn biết thế nào là bị cáo và bị đơn dân sự; giữa bị cáo và bị đơn dân sự khác nhau như thế nào? Quyền của bị cáo và bị đơn dân sự như thế nào?

Tạ Ngọc Lâm (Quỳnh Phụ, Thái Bình)

Theo Điều 50 của Bộ luật tố tụng hình sự thì bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Như vậy, bị cáo là người đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm và bị Viện kiểm sát truy tố về một (hay nhiều) tội được quy định trong Bộ luật hình sự. Vì vậy, khái niệm bị cáo chỉ có trong tố tụng hình sự, còn bị đơn dân sự có cả trong tố tụng hình sự và tố tụng dân sự.

Bị cáo có quyền nhận các quyết định tố tụng có liên quan; được tham gia phiên tòa, được giải thích về quyền và nghĩa vụ; được đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; quyền đưa ra các tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; quyền trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa; quyền nói lời sau cùng trước khi nghị án; quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; quyền khiếu nại quyết định,

hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bị đơn dân sự trong vụ án hình sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Bị đơn dân sự trong tố tụng hình sự có quyền khiếu nại đòi bồi thường của nguyên đơn dân sự; quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền được thông báo kết quả điều tra có liên quan đến việc đòi bồi thường; quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại.

Bị đơn dân sự trong tố tụng dân sự đơn giản là người bị kiện. Họ thường có các hành vi gây thiệt hại hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và bị người đó kiện ra Tòa yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt vi phạm.

NGUYÊN ĐƠN KHÔNG THỂ LÀM XÁC NHẬN VỀ BỊ ĐƠN

Tôi và một người ở địa phương bên cạnh có

tranh chấp với nhau về tài sản. Tôi đã làm đơn gửi Tòa án khởi kiện người đó. Tuy vậy, tôi chưa hoàn toàn yên tâm về vụ kiện này, nhất là người bị tôi kiện thường hay đi vắng. Vậy, tôi sẽ phải làm thế nào với đơn kiện của tôi và có phải xác nhận về nơi ở, nghề nghiệp... của bị đơn không? Rất mong được luật gia tư vấn.

Lê Ngọc Văn (An Biên, Kiên Giang)

Khi không hòa giải được với người có tranh chấp về tài sản thì ông có quyền gửi đơn đến Tòa án khởi kiện người đó. Trong đơn ông cần phải ghi rõ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, đề cập đầy đủ họ, tên bị đơn, địa chỉ cư trú của các bên, cung cấp các tài liệu, chứng cứ rõ ràng cho Tòa án. Tuy vậy, việc phía bị đơn thường xuyên đi vắng khỏi nơi cư trú, ông nên cung cấp thông tin này để Tòa án biết để chủ động trong việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ, mở phiên tòa... Việc xác nhận về nơi ở, nghề nghiệp hay bất cứ những gì thuộc về quan hệ, sinh hoạt, tài sản của bị đơn ông không có trách nhiệm phải thực hiện. Muốn xác minh vấn đề gì thì Tòa án sẽ có công văn gửi công an, chính quyền nơi bị đơn cư trú để xác nhận hoặc cử người trực tiếp xác minh những vấn đề mà Tòa án quan tâm. Vì vậy, nếu có đủ căn cứ, ông không có điều gì băn khoăn về vụ kiện của mình.

**ĐƯƠNG SỰ CÓ QUYỀN
ĐƯA RA YÊU CẦU VÀ ĐỀ NGHỊ
VỚI CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

Tôi là bị đơn trong một vụ án dân sự. Khi vụ án đưa ra xét xử, nếu có những tài liệu, chứng cứ mà tự tôi không thể xác minh được tôi có thể đề nghị Tòa án xác minh được không? Tôi cũng muốn biết, là bị đơn tôi có những quyền và nghĩa vụ gì khi tham gia phiên tòa?

Lý Xuân Hoat (Nhơn Trạch, Đồng Nai)

Khi tham gia tố tụng trong vụ án dân sự với tư cách là đương sự thì các đương sự đều có các quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Đương sự có các quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Yêu cầu các cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý chứng cứ cung cấp chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án mà tự mình không thể thực hiện được hoặc đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, định giá; khiếu nại với Viện kiểm sát về những chứng cứ mà Tòa án đã xác minh, thu thập do đương sự khác yêu cầu. Được biết và sao chụp tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập.

Là bị đơn, ông có quyền chấp nhận một phần hoặc toàn bộ hay bác bỏ toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu yêu cầu đó liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu. Được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt mà không phải vì lý do bất khả kháng thì Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

CÓ THỂ YÊU CẦU TÒA ÁN XÉT XỬ SỚM VỤ ÁN DÂN SỰ?

Trong gia đình của tôi hiện đang xảy ra tranh chấp về tài sản thừa kế. Chúng tôi đã nhiều lần họp bàn nhưng không đi đến được sự đồng thuận. Tình hình càng kéo dài thì mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình có thể sẽ nảy sinh càng phức tạp. Chúng tôi đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa đã thụ lý nhưng tôi có lý do riêng muốn vụ việc được đưa ra xét xử sớm. Vậy xin hỏi pháp luật quy định về việc này như thế nào? Nếu trong khi chờ Tòa án giải quyết, sự việc thay đổi thì có nhất thiết phải đưa vụ án ra xét xử không?

Trần Công Lý (Kim Bôi, Hòa Bình)

Đúng là khi xảy ra tranh chấp thì điều quan trọng nhất là cần có sự thiện chí trong quá trình thương lượng để đạt được thỏa thuận. Sự việc để lâu thường dẫn đến những mâu thuẫn và phức tạp không đáng có. Gia đình bạn đang có tranh chấp về thừa kế, đây là vấn đề rất nhạy cảm trong quan hệ tình cảm. Khi thương lượng không có kết quả thì biện pháp có tính khả thi và đúng đắn nhất là yêu cầu Tòa án giải quyết. Cách làm của gia đình bạn như vậy là đúng hướng. Bởi lẽ, trong thực tế nhiều gia đình không biết, không nghĩ đến biện pháp này nên đã đẩy mâu thuẫn lên cao, gây ra những hậu quả nặng nề. Việc xét xử của Tòa án phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về trình tự và thời gian. Với loại tranh chấp dân sự về thừa kế thì kể từ ngày thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử là không quá 4 tháng.

Đối với những vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá 2 tháng đối với các loại án thuộc về tranh chấp thừa kế, hôn nhân gia đình, bồi thường thiệt hại, tranh chấp về sở hữu...

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tùy từng trường hợp mà Tòa án có thể ra một trong các quyết định sau đây:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

- Tạm đình chỉ giải quyết vụ án;
- Đình chỉ giải quyết vụ án;
- Đưa vụ án ra xét xử.

Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 2 tháng.

Như vậy, nếu Tòa án đã thụ lý giải quyết trường hợp tranh chấp của gia đình bạn thì thời hạn để xét xử tối đa là 8 tháng (kể cả việc phải gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử; gia hạn việc mở phiên tòa); bình thường thì vụ việc của gia đình bạn chỉ giải quyết trong thời hạn 4 tháng mà thôi.

Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử mà có sự thay đổi của tình hình thì Tòa án cũng sẽ có những quyết định tương ứng như đã nêu ở trên. Chẳng hạn, trong thời gian vụ án chưa đưa ra xét xử, anh em trong gia đình bạn đã thỏa thuận được với nhau thì Tòa án sẽ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận đó.

Mong bạn và gia đình giải quyết mọi việc êm đẹp, giữ được tình cảm anh em ruột thịt.

TÒA ÁN ĐƯỢC “ÁN BINH BẤT ĐỘNG” TRONG THỜI GIAN BAO LÂU?

Do tranh chấp về tài sản thừa kế, những người

trong dòng họ đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án giải quyết. Tòa án đã thụ lý và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 27-4-2012, Tòa án mở phiên tòa xét xử, nhưng phía bị đơn có đơn xin hoãn nên phiên tòa bị hoãn. Đến nay (25-6-2012), Tòa án vẫn “án binh bất động”. Đề nghị luật gia cho biết, việc Tòa im lặng như vậy có đúng pháp luật không?

Đỗ Gia Bình (Từ Liêm, Hà Nội)

Theo Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do bất khả kháng thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự (và một số điều, khoản khác của Bộ luật này) thì thời hạn hoãn phiên tòa sơ thẩm không quá ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án và họ, tên những người tiến hành tố tụng; vụ án được đưa ra xét xử; lý do của việc hoãn phiên tòa; thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa phải

được chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký tên và thông báo công khai cho những người tham gia tố tụng biết; đối với người vắng mặt thì Tòa án gửi ngay cho họ quyết định đó, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong trường hợp hoãn phiên tòa mà Tòa án không thể mở lại phiên tòa theo đúng thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ghi trong quyết định hoãn phiên tòa thì Tòa án phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người tham gia tố tụng biết về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa.

Như vậy, trong quyết định hoãn phiên tòa với lý do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa; nếu quá thời hạn đó nhưng không mở lại phiên tòa thì Tòa án phải thông báo cho các đương sự và cho Viện kiểm sát cùng cấp biết. Nếu Tòa án không thực hiện đúng quy định trên, đương sự có quyền khiếu nại.

QUY ĐỊNH VỀ PHIÊN TÒA SƠ THẨM

Tôi là đương sự trong một vụ án dân sự. Vụ án đang chuẩn bị được đưa ra xét xử. Tôi chưa từng dự và cũng chưa biết việc xét xử vụ án dân sự diễn ra như thế nào nên có phần căng thẳng. Vì vậy, tôi muốn biết một

số quy định về phiên tòa và nó sẽ diễn ra như thế nào?

Nguyễn Thịnh Sinh (Phù Cát, Bình Định)

Nói chung, phiên tòa sơ thẩm phải được tiến hành đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc trong giấy báo mở lại phiên tòa trong trường hợp phải hoãn phiên tòa.

Tòa án phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi và nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác; xem xét, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án trong trường hợp có kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Bản án được tuyên căn cứ vào kết quả tranh tụng, việc hỏi tại phiên tòa và các chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa. Việc xét xử bằng lời nói và phải được tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ. Các thành viên của Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến khi kết thúc, trừ trường hợp có thẩm phán, hội thẩm nhân dân không thể tiếp tục

tham gia xét xử vụ án nhưng có thẩm phán, hội thẩm nhân dân dự khuyết thì những người này được tham gia xét xử tiếp vụ án nếu họ có mặt tại phiên tòa từ đầu.

Việc xét xử phải tuân thủ nội quy phiên tòa. Theo đó, những người dưới 16 tuổi không được vào phòng xử án, trừ trường hợp được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa. Mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án; phải tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chỉ những người được Hội đồng xét xử cho phép mới được hỏi, trả lời hoặc phát biểu. Người hỏi, trả lời hoặc phát biểu phải đứng dậy, trừ trường hợp vì lý do sức khỏe được chủ tọa phiên tòa cho phép ngồi để hỏi, trả lời hoặc phát biểu.

NGUYÊN ĐƠN HOẶC BỊ ĐƠN VẮNG MẶT TẠI PHIÊN TÒA THÌ VỤ ÁN ĐƯỢC XỬ LÝ THẾ NÀO?

Hiện nay tôi đang theo kiện một vụ tranh chấp dân sự. Vụ này khá phức tạp. Người bị kiện không ở cùng địa phương với tôi. Tôi và người bị kiện đều bận làm ăn, thường xuyên phải đi xa nên khi vụ án đưa ra xét xử có thể một trong hai

bên sẽ vắng mặt. Tôi muốn biết pháp luật quy định về việc này như thế nào?

Nguyễn Xuân Hiến (Duy Tiên, Hà Nam)

Về nguyên tắc, trong phiên tòa xét xử vụ án dân sự thì cả nguyên đơn và bị đơn đều phải có mặt để bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Tại phiên tòa cũng có thể có những người làm chứng, người giám định, người phiên dịch... nếu Tòa án xét thấy cần sự có mặt của họ để bảo đảm cho việc xét xử được khách quan, công bằng và đúng pháp luật.

Điểm a, khoản 2, Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Nguyên đơn phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa. Nguyên đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do bất khả kháng thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì nguyên đơn có quyền khởi kiện lại, nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Theo điểm b, khoản 2, Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, việc có mặt của bị đơn tại phiên tòa được quy định như sau: Bị đơn phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Như vậy, ở lần triệu tập đầu tiên, nếu bạn việc không thể đến Tòa án để dự phiên tòa được, ông có thể làm đơn gửi đến Tòa án đề nghị hoãn phiên tòa. Nếu ông vắng mặt khi được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai thì vụ án sẽ bị đình chỉ. Nếu phía bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần mà không có mặt thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường. Kết quả phiên tòa sẽ được thông báo công khai cho cả bên nguyên đơn và bị đơn.

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VẮNG MẶT, VỤ ÁN CÓ ĐƯỢC XÉT XỬ KHÔNG?

Tôi là nguyên đơn trong một vụ án dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án khi thì tôi không có mặt, lúc thì bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến. Tôi muốn biết, trong trường hợp như vậy, vụ án sẽ được giải quyết như thế nào?

Trần Ngọc Nam (Bình Sơn, Quảng Ngãi)

Theo quy định của pháp luật thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án dân sự phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do bất khả kháng thì bị coi là từ bỏ yêu cầu độc lập của mình và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập đó. Trong trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện lại với yêu cầu độc lập đó, nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

QUYỀN YÊU CẦU PHẢN TỔ CỦA BỊ ĐƠN

Tôi là bị đơn trong vụ án dân sự. Tôi được Tòa án thông báo về nội dung vụ việc và một số yêu cầu liên quan. Tôi muốn biết pháp luật quy định về việc này và về quyền phản tố của bị đơn như thế nào?

Phạm Minh Thành (Tiên Lãng, Hải Phòng)

Khi thụ lý vụ án thì thẩm phán phải thông báo về việc thụ lý vụ án; yêu cầu đương sự nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; thực hiện một hoặc một số biện pháp để thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, tổ chức, cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

Theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người được thông báo phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trong trường hợp cần gia hạn thì người được thông báo phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do; nếu việc xin gia hạn là có căn cứ thì Tòa án phải gia hạn, nhưng không quá 15 ngày. Người được thông báo có quyền yêu cầu Tòa án cho xem, ghi chép, sao chụp đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.

Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện thì bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn được chấp nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn; b) Yêu cầu phản tố được chấp nhận

dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; c) Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết được chính xác và nhanh hơn.

VIỆC THAY ĐỔI NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi có người thân là đương sự trong một vụ án dân sự. Vụ án này có nhiều vấn đề phức tạp. Tôi muốn biết trong phiên tòa xét xử vụ án dân sự thì những trường hợp nào phải thay đổi người tham gia xét xử. Việc thay đổi những người này được thực hiện như thế nào?

Trần Xuân Nhàn (Cam Ranh, Khánh Hòa)

Trong vụ án dân sự, những người tham gia tố tụng phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong những trường hợp sau đây: Họ đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự. Họ đã tham gia với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong cùng vụ án đó. Có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

Quyết định việc thay đổi người tiến hành tố tụng được quy định như sau: Trước khi mở phiên tòa, việc thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án do chánh án Tòa án quyết định; nếu thẩm phán bị thay đổi là chánh án Tòa án thì do chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp quyết định. Trước khi mở phiên tòa, việc thay đổi kiểm sát viên do viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định; nếu kiểm sát viên bị thay đổi là viện trưởng Viện kiểm sát thì viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định.

Tại phiên tòa, việc thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án, kiểm sát viên do Hội đồng xét xử quyết định sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quyết định theo đa số. Trong trường hợp phải thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án, kiểm sát viên thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Việc cử thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án thay thế người bị thay đổi do chánh án Tòa án quyết định; nếu người bị thay đổi là chánh án Tòa án thì chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp quyết định. Việc cử kiểm sát viên thay thế kiểm sát viên bị thay đổi do viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định; nếu kiểm sát viên bị thay đổi là

viện trưởng Viện kiểm sát thì do viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định.

THẨM PHÁN PHẢI BẢO ĐẢM TÍNH KHÁCH QUAN TRONG XÉT XỬ

Tôi hiện có tranh chấp tài sản với một người. Người đó đã kiện tôi ra Tòa để giải quyết. Thụ lý vụ kiện này là một thẩm phán mà trước đó có liên quan về tiền bạc với gia đình tôi. Sự việc giữa nhà tôi với ông thẩm phán đó còn đang lình xình chưa giải quyết xong. Tôi rất ái ngại về việc này, ông thẩm phán đó vốn không ưa gì tôi thì liệu vụ án có được xét xử công minh không?

Huỳnh Thị Hòa (Giồng Trôm, Bến Tre)

Chuyện lình xình giữa gia đình bà với ông thẩm phán là một chuyện; còn việc một người khởi kiện bà trong một vụ tranh chấp dân sự lại là một chuyện khác. Ông thẩm phán phải làm theo trách nhiệm của người thẩm phán và các đương sự phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Mặt khác, bản chất của việc xét xử vụ án là phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, đúng người, đúng pháp luật. Do vậy, dù là bà đi kiện hay người khác kiện bà thì rốt cuộc vụ kiện phải được xử đúng pháp luật, dù người thụ lý xét xử là ai.

Tuy nhiên, cũng chính xuất phát từ việc bảo đảm sự khách quan trong quá trình xét xử nên pháp luật có những quy định khá chặt chẽ về thủ tục, trong đó có quy định về việc những người không được tham gia phiên tòa với tư cách là những người tiến hành tố tụng như thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên... Nếu có căn cứ cho rằng người đó tham gia phiên tòa với tư cách là người tiến hành tố tụng sẽ không bảo đảm tính khách quan thì tự họ phải rút lui hoặc bị thay đổi. Mặt khác, đương sự khi bắt đầu phiên tòa có quyền yêu cầu thay đổi thành phần Hội đồng xét xử nếu có căn cứ cho rằng trong thành phần Hội đồng xét xử đó có người có các quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc quan hệ tình cảm khác dẫn đến việc không bảo đảm tính khách quan trong xét xử. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khách quan trong xét xử, ngành tòa án cũng có các quy chế, quy định khá chặt chẽ như việc cấm các thẩm phán, cán bộ Tòa án tiếp xúc riêng với bị đơn hay nguyên đơn khi thụ lý hồ sơ vụ án; không có quan hệ về ruột thịt hay các quan hệ gần gũi hay những mâu thuẫn khác mà có thể tạo sự nghi ngờ về kết quả xét xử; không có quan hệ nợ nần, vay mượn... Khi được giao thụ lý, xét xử vụ án mà có các quan hệ như vậy

thì người được giao nhiệm vụ phải chủ động báo cáo chánh án và xin rút khỏi Hội đồng xét xử...

Mặc dù, vụ kiện giữa bà và người khác không liên quan đến ông thẩm phán đó, nhưng bà có căn cứ cho rằng ông ta không thể bảo đảm khách quan trong khi xét xử thì bà có thể yêu cầu thay đổi vị thẩm phán đó trước hoặc ngay khi phiên tòa bắt đầu. Và có thể ông thẩm phán đó cũng đã báo cáo với cơ quan và xin rút khỏi thành phần Hội đồng xét xử. Vì những lẽ đó, bà không phải áy ngại rằng ông thẩm phán đó có ưa hay không ưa bà, ảnh hưởng đến kết quả việc xét xử vụ kiện có liên quan đến bà.

XÁC ĐỊNH CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Chúng tôi đang tranh chấp với nhau trong một vụ án dân sự. Vấn đề rắc rối là những tài liệu đưa ra để chứng minh có nhiều điểm không thống nhất do có những quan điểm nhìn nhận khác nhau. Tôi muốn biết, xác định chứng cứ trong vụ án dân sự được quy định như thế nào?

Hà Xuân Sơn (An Lão, Hải Phòng)

Việc xác định chứng cứ trong vụ án dân sự được quy định như sau:

Các tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Các tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan đến việc thu âm, thu hình đó.

Vật chứng là chứng cứ phải là hiện vật gốc liên quan đến vụ việc.

Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được coi là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản, băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình nếu xuất trình kèm theo văn bản xác nhận về việc liên quan đến việc thu âm, thu hình đó, hoặc khai bằng lời tại phiên tòa.

Kết luận giám định được coi là chứng cứ nếu việc giám định đó được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ được coi là chứng cứ nếu việc thẩm định được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định và có chữ ký của các thành viên tham gia thẩm định.

Tập quán được coi là chứng cứ nếu được cộng đồng nơi có tập quán đó thừa nhận.

Kết quả định giá tài sản được coi là chứng cứ nếu việc định giá được tiến hành theo thủ tục do

pháp luật quy định hoặc văn bản do chuyên gia về giá cung cấp được công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc có cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

LÒNG TIN KHÔNG THỂ THAY THẾ CHỨNG CỨ PHÁP LÝ

Nhà tôi ở gần bãi sông Hồng nên có điều kiện chăn nuôi trâu bò. Thời gian trước, tôi muốn tìm nuôi một con trâu nái. Qua giới thiệu, tôi đến nhà ông Bình ở xã bên cạnh mua con trâu mà theo lời ông là hiện nó đang có chữa được 3 tháng. Vì con trâu đang có chữa nên tôi mua giá cao hơn bình thường khoảng 3 triệu đồng. Ông Bình còn nói nếu con trâu không có chữa thì tôi có quyền trả lại. Tôi đưa con trâu về nuôi được mấy tháng thì phát hiện nó không hề có chữa như lời ông Bình nói. Tôi đề nghị trả lại trâu, nhận lại tiền cũ và tính thêm công chăm sóc thì ông Bình không chịu, ông cũng phủ nhận việc đã nói nếu trâu không chữa thì trả lại. Việc này giải quyết thế nào cho hợp pháp?

Đỗ Xuân Vinh (Kiến Xương, Thái Bình)

Bà con nông dân mình thường quen mua bán dựa trên cơ sở của lòng tin. Điều đó là cần thiết nhưng nó không thể thay thế được

các cơ sở pháp lý luật định. Chính vì vậy mà có nhiều người rơi vào tình trạng dở cười, dở khóc, thậm chí còn “tiền mất, tật mang”, rất rắc rối, phức tạp.

Trong vụ mua bán con trâu này, điều dễ nhận ra là ông đã mua của ông Bình con trâu đúng là với giá của một con trâu đang có chữa. Nếu là con trâu bình thường khác thì vào cùng một thời điểm nó không cao giá đến như vậy. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ giữa ông và ông Bình lại không hề có một văn bản, giấy tờ, hợp đồng mua bán tài sản nào. Tất cả chỉ là những “lời nói... gió bay” mà thôi. Ngay cả lời cam kết của ông Bình rằng: Nếu con trâu đó không phải là đang có chữa thì ông ta sẽ nhận lại và trả tiền gốc lẫn tiền công chăm sóc cho ông, bây giờ ông ấy đã phủ nhận.

Để giải quyết được việc này, theo chúng tôi trước hết ông và ông Bình cần thương lượng với nhau, có khi mỗi bên phải chịu thiệt thòi một chút để còn giữ được tình cảm giữa những người quen biết. Trường hợp hai người không thể thương lượng được thì một trong hai bên có thể gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi thụ lý, Tòa án cũng sẽ tiến hành hòa giải, khi hòa giải không thành thì Tòa án mới mở phiên tòa xét xử.

Với nội dung mà ông nêu thì chúng tôi thấy sự bất lợi đang thuộc về phía ông. Bởi lẽ, việc

mua bán giữa ông và ông Bình là có thật. Ông đã dắt trâu về nuôi, ông Bình đã nhận tiền. Việc mua bán này trên cơ sở của sự “thuận mua, vừa bán”, đắt hay rẻ do các bên tự chịu trách nhiệm. Trong tranh chấp này, không có căn cứ nào để nói ông mua con trâu đó với điều kiện nó đang “có bầu”, cũng không có tài liệu hay nhân chứng nào chứng minh rằng ông Bình đã cam kết nếu con trâu không có chửa thì ông ấy sẽ nhận lại.... Để giải quyết được thấu tình, đạt lý, ông cần phải đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có “cái lý” của mình hoặc chỉ còn trông cậy vào sự thiện chí của ông Bình mà thôi.

Qua vụ việc này, một lần nữa xin lưu ý bà con rằng mọi việc mua bán, tặng cho... liên quan đến tài sản rất cần thiết phải lập thành văn bản và tuân theo các quy định của pháp luật; chỉ có như vậy mới bảo đảm được cả lý lẫn tình.

VIỆC GIAO NỘP CHỨNG CỨ CHO TÒA ÁN ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi và một người có quan hệ làm ăn với nhau nhiều năm. Tuy nhiên, thời gian gần đây, do quá trình làm ăn có những phức tạp nên giữa chúng tôi xảy ra tranh chấp và đã khởi kiện ra Tòa.

Hiện nay, Tòa án yêu cầu tôi phải nộp các chứng cứ liên quan đến vụ kiện. Tôi không biết pháp luật quy định về việc này như thế nào?

Bế Thị An (Cao Lộc, Lạng Sơn)

Trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, điều rất quan trọng là các đương sự phải tự chứng minh được sự đúng đắn của mình, đồng thời phải giao nộp các tài liệu, chứng cứ cần thiết cho Tòa án để bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, chính xác.

Theo quy định tại Điều 84 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp các chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không nộp hoặc nộp không đầy đủ thì phải chịu hậu quả của việc không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc đương sự giao nộp chứng cứ cho Tòa án phải được lập biên bản về việc giao nhận chứng cứ. Trong biên bản phải ghi rõ tên gọi, hình thức, nội dung, đặc điểm của chứng cứ; số bản, số trang của chứng cứ và thời gian nhận; chữ ký hoặc điểm chỉ của người giao nộp, chữ ký của người nhận và dấu của Tòa án. Biên bản phải lập thành hai bản, một bản lưu hồ sơ vụ việc dân sự và một bản giao cho đương sự nộp chứng cứ giữ.

Đương sự giao nộp cho Tòa án chứng cứ bằng tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Như vậy, với những quy định nêu trên, bà có thể biết được thủ tục và các quy định của pháp luật khi đương sự giao nộp chứng cứ cho Tòa án.

KHI ĐƯƠNG SỰ KHÔNG THỂ THU THẬP ĐƯỢC CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi là đương sự trong một vụ án dân sự đang giải quyết, mới đây Tòa án yêu cầu tôi phải bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nhưng tôi không thể thực hiện được. Việc này giải quyết như thế nào?

Huỳnh Công Minh (Châu Thành, Trà Vinh)

Trong trường hợp xét thấy chứng cứ trong hồ sơ vụ việc dân sự chưa đủ cơ sở để giải quyết thì thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung chứng cứ.

Trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu thì thẩm phán có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp sau đây để thu thập chứng cứ: a) Lấy lời khai của đương sự, người làm chứng; b) Trưng cầu giám định; c) Quyết định định giá tài sản; d) Xem xét, thẩm định tại chỗ; đ) Ủy thác thu

thập chứng cứ; e) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác có liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự. Khi tiến hành các biện pháp trên, trừ việc lấy lời khai của đương sự, người làm chứng thì các trường hợp còn lại thẩm phán phải ra quyết định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu của Tòa án.

Đương sự có quyền khiếu nại quyết định áp dụng thu thập chứng cứ của Tòa án. Khiếu nại của đương sự phải gửi ngay cho Viện kiểm sát. Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trên cơ sở khiếu nại của đương sự và xem xét việc tham gia phiên tòa.

Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng để bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

Căn cứ vào những quy định trên đây, ông có thể vận dụng vào trường hợp của mình để giải quyết vụ kiện dân sự theo đúng pháp luật.

CÓ THỂ YÊU CẦU TÒA ÁN THU THẬP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Sắp tới tôi dự định kiện một người ở địa phương có tranh chấp về kinh tế, tài sản với

gia đình tôi. Tuy vậy, điều khó khăn lớn nhất đối với chúng tôi là không đủ khả năng, điều kiện để thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc kiện của mình là đúng. Nếu không tìm đủ được căn cứ thì chúng tôi làm cách nào để bảo vệ quyền lợi của mình? Chúng tôi có thể nhờ Tòa án làm việc này không?

Tống Ngọc Bảo (An Hải, Hải Phòng)

Khi xảy ra tranh chấp phải dẫn nhau đến chốn pháp đình thì quả là điều rất phiền toái. Việc này sẽ làm bạn tổn hao về thời gian, sức lực, tâm trí, thậm chí cả tiền bạc. Tuy nhiên, khi cần phải bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của mình thì dù có phải “đáo tụng đình” ai rồi cũng phải chấp nhận. Nhưng vấn đề bảo vệ quyền lợi trong tranh chấp dân sự vốn rất phức tạp, bởi có liên quan đến nhiều nội dung, tài liệu... mà không phải mọi thứ đều rõ ràng. Pháp luật nước ta luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu hợp pháp nhưng phải trên cơ sở những căn cứ có giá trị pháp lý.

Nếu bạn muốn thưa kiện tại Tòa án thì theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bạn phải có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Để có được những chứng cứ này thì trước hết phải do bạn lưu giữ, thu thập, xác minh... Về nguyên tắc, Bộ luật tố tụng

dân sự cho phép đương sự có quyền sử dụng mọi biện pháp mà pháp luật không cấm để điều tra, thu thập chứng cứ bảo vệ lợi ích của mình. Cũng theo nguyên tắc pháp luật thì trong vụ kiện dân sự, ai chứng minh được nội dung mình đưa ra là có cơ sở thì bên đó sẽ thắng. Nếu bạn cho rằng việc của bạn là hoàn toàn đúng đắn nhưng bạn lại không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh sự đúng đắn đó thì rõ ràng bạn đang đứng trước nguy cơ bị thua kiện. Vì vậy, trước khi kiện người khác ra Tòa giải quyết tranh chấp, bạn cần phải bằng mọi biện pháp không trái luật thu thập cho được những tài liệu, giấy tờ, nhân chứng... để chứng minh cho nội dung mà bạn định kiện.

Trong trường hợp bạn có khó khăn trong việc thu thập tài liệu bạn có thể nhờ luật sư hoặc yêu cầu Tòa án giúp đỡ. Muốn vậy, bạn cần phải làm đơn gửi Tòa án nêu rõ lý do vì sao mình không thể tự thu thập tài liệu được, nơi nào đang nắm giữ tài liệu, chứng cứ... Tòa án có thể giúp nhưng đó không phải là nghĩa vụ mang tính bắt buộc. Chỉ khi nào những lý do bạn đưa ra hoàn toàn chính đáng và trong điều kiện có thể thực hiện được thì Tòa án mới có thể “giúp” bạn trong việc thu thập các tài liệu, chứng cứ đó. Và xin được nhắc lại rằng, trách nhiệm

chính trong việc bảo vệ quyền lợi của mình là bạn phải đưa ra được những chứng cứ hợp pháp.

CÓ ĐƯỢC QUYỀN GHI CHÉP, SAO CHỤP TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ VỤ ÁN KHÔNG?

Hiện nay tôi đang theo một vụ kiện ở Tòa án. Để có căn cứ vững chắc trong quá trình xét xử vụ án, tôi có được quyền ghi chép, sao chụp những tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Tòa án được không? Nếu được thì tôi phải làm như thế nào?

Đặng Ngọc Minh (Tuy Hòa, Phú Yên)

Khi ra Tòa tranh tụng để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của mình, ai cũng muốn có những căn cứ vững chắc từ phía mình và biết được chứng cứ từ phía người tranh chấp. Ngoài những tài liệu mà mình đã có, đã biết thì cũng có những tài liệu bản thân người tham gia tố tụng chưa nắm thật vững hoặc nắm không có hệ thống nên có nhu cầu được xem xét, thống kê tài liệu chứng cứ. Đó cũng là một nhu cầu chính đáng.

Theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự chỉ được yêu cầu ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Khi có yêu cầu ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ

thì đương sự phải làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền. Nếu đương sự trực tiếp đến Tòa án thì yêu cầu này cũng phải thể hiện bằng một văn bản để nộp cho Tòa án. Trong đơn hay văn bản yêu cầu, đương sự phải ghi rõ tên các tài liệu hoặc chứng cứ mà mình muốn ghi chép, sao chụp.

Nếu đương sự không có các phương tiện sao chụp như máy ảnh, camera... để tự mình sao chụp được thì có thể nhờ Tòa án sao chụp giúp. Nhưng việc này còn tùy thuộc vào phương tiện, lực lượng cán bộ của Tòa án. Nếu việc sao chụp này được thực hiện thì người yêu cầu phải trả chi phí sao chụp. Toàn bộ việc ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ của đương sự phải được thực hiện tại trụ sở Tòa án và dưới sự giám sát của cán bộ Tòa án.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi là người biết được một số vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp dân sự mà Tòa án đang thụ lý. Tôi được cơ quan này triệu tập lên để lấy lời khai. Tôi muốn biết pháp luật quy định về việc này như thế nào? Tôi phải làm gì khi làm việc với Tòa án?

Trần Công Hưng (Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu)

Người biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ án có thể được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Do bạn có biết những vấn đề liên quan đến vụ án dân sự nên Tòa án triệu tập bạn với tư cách này. Theo quy định của pháp luật thì người mất năng lực hành vi dân sự không thể là người làm chứng.

Khi bạn làm việc với Tòa án thì phải thực hiện các nghĩa vụ đồng thời cũng có những quyền theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ đó được quy định như sau: Người làm chứng phải cung cấp toàn bộ những thông tin, tài liệu, đồ vật mà mình có được có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết được có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Được từ chối khai báo nếu lời khai của mình liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư hoặc việc khai báo đó có ảnh hưởng xấu, bất lợi cho đương sự là người có quan hệ thân thích với mình. Được nghỉ việc trong thời gian Tòa án triệu tập hoặc lấy lời khai, nếu làm việc trong cơ quan, tổ chức. Được hưởng các khoản phí đi lại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án đã triệu tập và cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp

khác của mình khi tham gia tố tụng; khiếu nại hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật do những lời khai sai sự thật gây ra cho đương sự hoặc cho người khác. Phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nếu việc lấy lời khai của người làm chứng phải thực hiện công khai tại phiên tòa; trường hợp người làm chứng không đến phiên tòa mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử có thể ra quyết định dẫn giải người làm chứng đến phiên tòa. Phải cam kết trước Tòa án về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên. Người làm chứng khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, từ chối khai báo hoặc khi được Tòa án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

NHIỀU NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG MỘT PHIÊN TÒA THÌ TÒA ÁN HỎI Ý KIẾN NHƯ THẾ NÀO?

Liên quan đến việc tranh chấp về tài sản giữa tôi với một người ở địa phương có nhiều người làm chứng. Vụ án đã được Tòa án thụ lý,

sắp tới sẽ đưa ra xét xử. Tôi rất quan tâm đến ý kiến của những người làm chứng vì điều này có thể làm ảnh hưởng đến việc đánh giá thực chất của vụ án. Theo quy định của pháp luật thì tại phiên tòa việc hỏi người làm chứng được tiến hành như thế nào?

Đặng Ngọc Giáp (Bố Trạch, Quảng Bình)

Trong quá trình xét xử một vụ án dân sự, đương nhiên Tòa án sẽ phải tiến hành hỏi những người là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Việc hỏi tại phiên tòa không thể được tiến hành một cách tùy tiện mà phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật. Việc hỏi từng người về từng vấn đề được thực hiện theo thứ tự, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến hội thẩm nhân dân, sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự và những người tham gia tố tụng khác; trường hợp có kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì kiểm sát viên hỏi sau đương sự.

Trong trường hợp có nhiều người làm chứng thì phải hỏi riêng từng người một. Trước khi hỏi người làm chứng, chủ tọa phiên tòa phải hỏi rõ về quan hệ của họ với các đương sự trong vụ án; nếu người làm chứng là người chưa thành niên thì chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ,

người giám hộ hoặc thầy giáo, cô giáo giúp đỡ để hỏi. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết của vụ án mà họ biết. Sau khi người làm chứng trình bày xong thì chỉ hỏi thêm người làm chứng về những điểm mà họ trình bày chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với những lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Sau khi đã trình bày xong, người làm chứng ở lại phòng xử án để có thể được hỏi thêm. Trong trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho người làm chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử không tiết lộ những thông tin về nhân thân của người làm chứng và không để những người trong phiên tòa nhìn thấy họ.

LẤY LỜI KHAI CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT CHỮ

Mẹ tôi là đương sự trong một vụ án dân sự nhưng lại không biết chữ. Nếu sắp tới Tòa án lấy lời khai của mẹ tôi thì làm thế nào để bảo đảm đúng các quy định của pháp luật, khách quan, không để xảy ra sai sót, thiên lệch?

Phạm Văn Hùng (Lạc Thủy, Hòa Bình)

Trong việc giải quyết vụ án dân sự thì một trong những nội dung cần phải thực hiện đó là lấy lời khai của đương sự. Việc lấy lời khai này không thể tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo các quy định của pháp luật. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm phán chỉ tiến hành lấy lời khai của đương sự khi đương sự chưa có bản khai hoặc nội dung của bản khai chưa đầy đủ, chưa rõ ràng. Đương sự phải tự viết bản khai và ký tên của mình. Trong trường hợp đương sự không thể tự viết được thì thẩm phán lấy lời khai của họ. Việc lấy lời khai của đương sự chỉ tập trung vào những tình tiết mà đương sự khai chưa đầy đủ, chưa rõ ràng. Thẩm phán tự mình hoặc yêu cầu thư ký Tòa án ghi lại lời khai của đương sự vào biên bản. Thẩm phán lấy lời khai của đương sự tại trụ sở Tòa án, trong trường hợp cần thiết có thể lấy lời khai của đương sự ngoài trụ sở của Tòa án.

Biên bản ghi lời khai của đương sự phải được người khai tự đọc lại hay nghe đọc lại và ký tên hoặc điểm chỉ. Đương sự có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản ghi lời khai và ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận. Biên bản phải có chữ ký của người lấy lời khai, người ghi biên bản và đóng dấu của Tòa án. Nếu biên bản được ghi thành nhiều trang rời nhau thì phải ký

vào từng trang và phải đóng dấu giáp lai. Trường hợp biên bản ghi lời khai của đương sự được lập ngoài trụ sở Tòa án thì phải có người làm chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân, Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi lập biên bản.

Như vậy, với các quy định nêu trên, nếu những người tham gia tố tụng thực hiện đúng đắn thì việc ghi lời khai của mẹ anh sẽ bảo đảm khách quan, trung thực, chính xác, đúng pháp luật mà không hề sợ sẽ bị sai lệch. Việc bà không biết chữ thì bà có quyền được nghe lại, yêu cầu bổ sung, sửa chữa và điểm chỉ vào biên bản; hoặc trong một số trường hợp cụ thể sẽ có người làm chứng, hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, anh có thể yên tâm về việc này.

KHI CHỨNG CỨ BỊ GIẢ MẠO THÌ XỬ LÝ THẾ NÀO?

Trong một vụ tranh chấp giữa tôi và một người ở địa phương về chuyện làm ăn, người này đưa ra một số tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho lý lẽ của mình. Tôi cho rằng đó là những tài liệu, chứng cứ giả mạo. Xin hỏi, trường hợp chứng cứ là giả mạo thì xử lý như thế nào?

Nguyễn Thùy Linh (Hậu Lộc, Thanh Hóa)

Trong trường hợp chứng cứ bị tố cáo là giả mạo thì người đưa ra chứng cứ đó có quyền rút lại; nếu không rút lại, người tố cáo có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật. Điều 90 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Theo sự thỏa thuận lựa chọn của các bên hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự, thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định. Quyết định phải ghi rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của người giám định, đối tượng cần giám định, những vấn đề cần giám định, các yêu cầu cụ thể cần có kết luận của người giám định. Người giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định phải tiến hành giám định theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp xét thấy kết luận giám định chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc có vi phạm pháp luật thì theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự, thẩm phán ra quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại. Việc giám định lại có thể do người đã tiến hành giám định trước đó thực hiện hoặc do tổ chức chuyên môn khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp giả mạo chứng cứ có dấu hiệu tội phạm thì Tòa án chuyển cho cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền.

Người đưa ra chứng cứ giả mạo phải bồi thường thiệt hại nếu việc giả mạo chứng cứ đó gây thiệt hại cho người khác.

Như vậy, nếu người đang có tranh chấp với chị trong một vụ án dân sự mà đưa ra chứng cứ giả mạo thì chị có quyền tố cáo họ với Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đang tranh chấp. Nếu người bị tố cáo không rút lại chứng cứ được cho là giả mạo đó thì Tòa án phải ra quyết định trưng cầu giám định để xác định tính chính xác của chứng cứ, bảo đảm tính khách quan, trung thực trong giải quyết vụ án dân sự.

GIÁM ĐỊNH THƯƠNG TẬT Ở ĐÂU?

Mới đây tôi và hai người nữa ở cùng trong xóm có xảy ra xô xát dẫn đến việc tôi bị thương. Để có căn cứ xử lý về hình sự cũng như bồi thường dân sự, tôi được biết phải thông qua việc giám định thương tích đến mức độ nào đó thì mới bị coi là phạm tội, qua đó cũng làm căn cứ bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, tôi có băn khoăn là mình nên giám định ở cơ quan nào thì bảo đảm được sự chính xác, khách quan. Vì thực tế đã có những vụ kết luận giám định giữa các cơ quan giám định có sự khác biệt, thậm chí còn mâu thuẫn, có trường hợp tiêu cực trong việc giám định. Đề nghị luật gia giải đáp.

Hoàng Công Khanh (Bảo Lâm, Cao Bằng)

Trong việc xử lý đối với hành vi gây thương tích, đúng như ông đã nêu là nạn nhân phải có tỷ lệ thương tích đến mức nào đó thì mới cấu thành tội phạm. Cụ thể, theo quy định của pháp luật hình sự, trong các vụ án cố ý gây thương tích thì tỷ lệ thương tật phải từ 11% trở lên mới bị coi là phạm tội này; trừ khi người thực hiện hành vi thể hiện tính côn đồ hung hãn, sử dụng vũ khí nguy hiểm, đã bị xử lý, đã phạm tội này chưa được xóa án tích mà tái phạm thì vẫn bị xử lý về hình sự. Để có căn cứ xử lý hình sự hay hành chính cũng như việc bồi thường thiệt hại về dân sự thì việc giám định tỷ lệ thương tật của người bị hại không chỉ là việc làm quan trọng, cần thiết mà còn là một yêu cầu bắt buộc.

Ở nước ta việc giám định tỷ lệ thương tật do nhiều tổ chức giám định tư pháp khác nhau thực hiện. Ở Trung ương, các tổ chức giám định của Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thực hiện các việc do cơ quan tiến hành tố tụng (điều tra, kiểm sát, xét xử) ở Trung ương ra quyết định trưng cầu và các việc phức tạp do các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương trưng cầu. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có các tổ chức giám định pháp y của Sở Y tế thực hiện việc giám định các vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương và Trung ương yêu cầu... Việc trưng cầu giám định ở đâu

là do cơ quan tiến hành tố tụng quyết định. Theo nguyên tắc chung thì tổ chức giám định nào, giám định viên nào cũng có nghĩa vụ sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học để thực hiện việc giám định và họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định mà họ đưa ra. Tuy nhiên, cũng xin lưu ý rằng, kết luận giám định không phải là căn cứ duy nhất và có giá trị bắt buộc đối với cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, nếu cơ quan tiến hành tố tụng thấy kết luận giám định không đủ tin cậy thì có thể tiến hành giám định lại; đồng thời đương sự nếu không tin kết quả giám định thì có thể yêu cầu giám định ở cấp cao hơn.

Do việc giám định có liên quan đến nhiều yếu tố chủ quan và khách quan nên có thể giữa các bản giám định của các cơ quan giám định khác nhau có thể có sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn. Nhưng như đã đề cập ở trên, kết luận giám định tuy rất quan trọng nhưng về mặt nào đó cũng chỉ có ý nghĩa tham khảo. Để xác định rõ sự thật, tính chất, mức độ, hậu quả của vụ án còn cần phải dựa vào nhiều căn cứ khác nữa.

Để bảo đảm các cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật thì việc giám định thương tích sẽ do cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu; cơ quan giám định và người giám định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nên người bị hại không nên

tự ý đi nhờ giám định. Nếu thấy việc giám định không khách quan, không chính xác đương sự có quyền khiếu nại; nếu thấy có tiêu cực thì có quyền tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền.

CÓ CẦN GIÁM ĐỊNH GEN ĐỂ XÁC ĐỊNH CHA CHO CON?

Cách đây gần 1 năm, con gái tôi đưa bạn trai về nhà giới thiệu và cả hai đứa thừa nhận là con gái tôi đang mang thai. Nguyên vọng của hai đứa là không muốn bỏ đứa con và xin cha mẹ tổ chức đám cưới. Hai gia đình chúng tôi đã tiến hành các nghi lễ dạm ngõ, đám hỏi, công nhận dâu, rể nhưng chưa kịp đăng ký kết hôn thì người con rể đã mất vì tai nạn. Con gái tôi về ở bên gia đình nhà trai được mấy tháng thì sinh con. Hiện nay việc giải quyết thừa kế có phát sinh mâu thuẫn, phía gia đình nhà trai không công nhận đứa trẻ là con của con trai họ. Con gái tôi có cần phải yêu cầu giám định gen để xác định cha cho con không? Quy định của pháp luật về việc này như thế nào?

Tô Quang Chiến (Thanh Ba, Phú Thọ)

Có nhiều cách để xác định cha cho con, trong đó có việc giám định. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp đều phải tiến hành giám định hoặc cứ

muốn giám định là được. Theo Điều 90 Bộ luật tố tụng dân sự, việc trưng cầu giám định chỉ được tiến hành trong các trường hợp: Theo sự thỏa thuận lựa chọn của các bên đương sự hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự, thẩm phán sẽ ra quyết định trưng cầu giám định. Trong trường hợp xét thấy kết luận giám định chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc có vi phạm pháp luật thì theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự, thẩm phán ra quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại.

Như vậy, nếu con gái ông hoặc cả phía gia đình nhà trai có yêu cầu thì thẩm phán sẽ ra quyết định trưng cầu giám định gen để xác định cha cho cháu bé, nếu không có yêu cầu thì thẩm phán không thể ra quyết định trưng cầu giám định. Trường hợp của con gái ông cũng không cần thiết phải tiến hành giám định gen để xác định cha cho con. Theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình thì: con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận cũng là con của người thừa nhận. Con rể, con gái ông đã xác nhận về đứa con đó trước hai bên gia đình thì đương nhiên cháu bé là con của họ.

VIỆC NỘP TIỀN GIÁM ĐỊNH QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Do có tranh chấp trong một vụ án dân sự,

chúng tôi cần phải có kết luận giám định mới có căn cứ giải quyết. Tôi băn khoăn về việc nộp tiền giám định như thế nào? Xin đề nghị luật gia giải thích.

Lê Công Huấn (Kim Thành, Hải Dương)

Người yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp các bên đương sự thỏa thuận lựa chọn tổ chức giám định hoặc cùng yêu cầu về cùng một đối tượng trưng cầu giám định thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa số tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên có sự thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng không phải nộp chi phí giám định thì người phải nộp chi phí giám định theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tạm ứng chi phí giám định.

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định phải nộp chi phí giám định, nếu số tiền tạm ứng đã nộp chưa đủ thì phải nộp thêm phần còn thiếu; nếu nộp tạm ứng cao hơn thì họ được trả lại phần thừa đó.

Trong trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định

khác thì nghĩa vụ nộp tiền chi phí giám định được xác định như sau: Người yêu cầu giám định phải nộp tiền chi phí giám định nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ là không có căn cứ. Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp tiền chi phí giám định nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi là người làm công tác chuyên môn. Mới đây cơ quan pháp luật yêu cầu tôi tham gia giám định có liên quan đến vụ án dân sự. Tôi muốn biết, theo quy định của pháp luật thì tôi có những quyền và nghĩa vụ gì khi tham gia vụ án với tư cách là giám định viên?

Nguyễn Thiết Hùng (Nhơn Trạch, Đồng Nai)

Người giám định trong vụ án dân sự có quyền được đọc các tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến đối tượng giám định; yêu cầu Tòa án cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giám định; đặt câu hỏi đối với người tham gia tố tụng về những vấn đề liên quan đến đối tượng giám định; phải có mặt theo giấy triệu tập

của Tòa án, trả lời những vấn đề liên quan đến việc giám định và kết luận giám định một cách trung thực, có căn cứ, khách quan; phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về việc không thể giám định được do việc cần giám định vượt quá khả năng chuyên môn, tài liệu cung cấp phục vụ cho việc giám định không đủ hoặc không sử dụng được; phải bảo quản tài liệu đã nhận và gửi trả lại Tòa án cùng với kết luận giám định hoặc cùng với thông báo về việc không thể giám định được; không được tự mình thu thập tài liệu để tiến hành giám định, tiếp xúc với những người tham gia tố tụng khác nếu việc tiếp xúc đó làm ảnh hưởng đến kết quả giám định; không được tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết khi tiến hành giám định hoặc thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ thẩm phán quyết định trưng cầu giám định; được hưởng các khoản phí đi lại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; phải cam đoan trước Tòa án về việc thực hiện nghĩa vụ của mình.

Người giám định từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng hoặc kết luận giám định sai sự thật hoặc khi được Tòa án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Người giám định phải từ chối hoặc bị thay đổi trong các trường hợp họ đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự hoặc khi có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ hoặc với tư cách là người tham gia tố tụng trong vụ án.

NGHĨA VỤ NỘP CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ

Tôi với một người khác đang có tranh chấp về tài sản. Trong trường hợp phải yêu cầu Tòa án định giá hoặc khi thụ lý giải quyết, Tòa án ra quyết định định giá tài sản thì ai sẽ phải chịu nộp chi phí cho việc định giá?

Nguyễn Văn Hà (Sơn Động, Bắc Giang)

Trong trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ nộp tiền chi phí định giá được xác định như sau:

- Người yêu cầu định giá phải nộp tiền chi phí định giá, nếu kết quả chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ.

- Người không chấp nhận yêu cầu định giá phải nộp chi phí định giá nếu kết quả định giá chứng minh yêu cầu của người yêu cầu định giá là có căn cứ.

- Trong trường hợp các bên không thống nhất được về giá mà yêu cầu Tòa án định giá thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa số tiền chi phí định giá.

- Trường hợp Tòa án ra quyết định định giá: Mỗi bên đương sự phải nộp một nửa số tiền chi phí định giá nếu kết quả định giá chứng minh quyết định của Tòa án là có căn cứ. Tòa án phải trả chi phí định giá nếu kết quả định giá chứng minh quyết định định giá của Tòa án là không có căn cứ.

- Trong trường hợp định giá để chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia.

Như vậy, việc ai phải chịu nộp tiền chi phí định giá còn căn cứ vào việc ai là người yêu cầu hay quyết định về việc định giá cũng như kết quả định giá chứng minh việc định giá đó có căn cứ hay không. Căn cứ vào những quy định nêu trên, ông có thể xác định trường hợp của mình việc nộp tiền chi phí định giá sẽ thực hiện như thế nào.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHIÊN DỊCH ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi có người thân là người dân tộc thiểu số, không nói được tiếng phổ thông. Người này vừa

qua đã tham gia một vụ án dân sự. Việc lấy lời khai và sau này khi ra Tòa phải cần đến người phiên dịch. Tôi có thể nhờ người phiên dịch cho người này được không? Pháp luật quy định về người phiên dịch như thế nào?

Triệu Văn Bàn (Mèo Vạc, Hà Giang)

Theo quy định của pháp luật thì người phiên dịch là người có khả năng dịch từ một ngôn ngữ khác ra tiếng Việt và ngược lại trong trường hợp có người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt. Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự quy định, người phiên dịch được các bên đương sự thỏa thuận lựa chọn và được Tòa án chấp nhận hoặc được Tòa án yêu cầu để phiên dịch.

Người phiên dịch phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và phải dịch trung thực, khách quan, đúng nghĩa.... Người phiên dịch cố ý dịch sai sự thật hoặc khi được Tòa án triệu tập mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Người phiên dịch phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu họ đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự hoặc họ đã tham gia với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người giám định, người làm chứng trong cùng vụ án đó; có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư khi làm nhiệm vụ.

Như vậy, ông không thể mời người phiên dịch cho người thân của mình tham gia vụ án này vì đó là quyền của các bên và trách nhiệm của Tòa án.

VIỆC GIẢI THÍCH BẢN ÁN DÂN SỰ QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là đương sự trong một vụ án dân sự. Vụ án đã được đưa ra xét xử và Tòa án cũng đã tuyên án. Tuy nhiên, tôi muốn biết việc gửi và giải thích bản án được pháp luật quy định như thế nào?

Đào Trọng Minh (Cao Phong, Hòa Bình)

Trong việc giải quyết vụ án dân sự, sau khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án thì bản án hoặc quyết định đó phải được gửi và giải thích bản án theo đúng các quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tòa án đã tuyên bản án hoặc quyết định trong các trường hợp: bản án, quyết định hoặc một phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án; bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài

nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, thì phải gửi bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày bản án, quyết định đó có hiệu lực pháp luật.

Đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay (bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhận người lao động trở lại làm việc) thì Tòa án đã tuyên bản án, quyết định đó phải gửi bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án và Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã xét xử sơ thẩm trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày ra bản án, quyết định đó.

Đối với quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Tòa án đã ra quyết định phải chuyển giao ngay quyết định cho Cơ quan thi hành án cùng cấp.

Khi chuyển giao bản án, quyết định, Tòa án phải gửi kèm theo biên bản kê biên, tạm giữ tang vật, tài sản, các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Trong trường hợp nhận được yêu cầu của thủ trưởng Cơ quan thi hành án về việc giải thích

bản án, quyết định thì trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Tòa án đã ra bản án, quyết định đó phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

NGƯỜI ĐƯỢC NHẬN BẢN ÁN DÂN SỰ VẮNG MẶT THÌ BẢN ÁN ĐƯỢC GIAO CHO AI?

Tôi là đương sự trong vụ án dân sự. Vụ án đã được xét xử, nhưng tôi có công chuyện phải đi khỏi nơi cư trú một thời gian. Tôi muốn biết những ai có thể nhận bản án đó thay tôi?

Huỳnh Công Tráng (Châu Thành, Tiền Giang)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo (gọi tắt là cấp) văn bản tố tụng (bản án, quyết định của Tòa án; đơn khởi kiện, đơn kháng cáo...) là cá nhân thì phải được giao trực tiếp cho người đó. Trong trường hợp người đó vắng mặt thì văn bản tố tụng có thể giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với họ ký nhận và yêu cầu người đó cam kết giao tận tay ngay cho người được cấp. Ngày ký nhận của người thân thích cùng cư trú được coi là ngày cấp. Trong trường hợp người được cấp không có người thân thích cùng cư trú

có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc có nhưng họ không chịu nhận văn bản tố tụng thì có thể chuyển giao văn bản đó cho tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã nơi người được cấp cư trú và yêu cầu những người này cam kết giao lại tận tay cho người được cấp.

Trường hợp cấp qua người khác thì người thực hiện phải lập biên bản ghi rõ việc người được cấp vắng mặt, văn bản tố tụng đã giao cho ai, lý do, ngày, giờ giao, quan hệ giữa họ với nhau, cam kết giao lại tận tay ngay văn bản tố tụng cho người được cấp. Biên bản có chữ ký của người nhận chuyển văn bản tố tụng và người thực hiện việc cấp, người chứng kiến. Trường hợp người được cấp đã chuyển địa chỉ mới thì phải cấp theo địa chỉ mới của họ. Trường hợp người được cấp vắng mặt mà không biết rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, có chữ ký của người cung cấp thông tin.

Trường hợp người được cấp từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện việc cấp phải lập biên bản trong đó ghi rõ lý do từ chối, có xác nhận của tổ trưởng dân phố, Ủy ban nhân dân, Công an xã về việc người đó từ chối nhận văn bản tố tụng.

THỦ TỤC KHÁNG CÁO ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Do có tranh chấp về đất đai nên mới đây một người thân trong gia đình tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi hòa giải không thành, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử và phán quyết mảnh đất tôi đang quản lý, sử dụng phải chia đôi cho hai người. Tôi phải nộp án phí hơn 8 triệu đồng, còn người kiện thì lại được miễn nộp án phí. Tôi không đồng ý với bản án đó, nên muốn kháng cáo. Vậy thủ tục kháng cáo được quy định như thế nào? Việc nộp án phí như vậy có đúng không?

Trần Xuân Hà (Thạch Hà, Hà Tĩnh)

Theo quy định của pháp luật thì đương sự, người đại diện của đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện có quyền làm đơn kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Phiên tòa xét xử việc tranh chấp đất đai của ông vừa qua là phiên tòa sơ thẩm. Nay không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đó, ông có quyền làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo phải ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ của người kháng cáo; nội dung kháng cáo; lý do kháng cáo.

Đơn phải gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án; trường hợp gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm thì Tòa án đó phải chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành các thủ tục cần thiết và gửi kèm hồ sơ vụ án cho Tòa cấp phúc thẩm. Kèm theo đơn kháng cáo, ông cần gửi thêm tài liệu, chứng cứ bổ sung (nếu có) để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Khi nộp đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nếu họ không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Tòa án về nộp tiền tạm ứng án phí mà đương sự không nộp thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Đối với Tòa sơ thẩm thì việc tuyên nộp án phí hay miễn án phí căn cứ vào điều kiện thực tế và đơn của đương sự (có yêu cầu miễn nộp án phí hay không, lý do xin miễn nộp án phí có hợp lý hay không?).

QUÁ THỜI HẠN, VIỆC KHÁNG CÁO CÓ ĐƯỢC CHẤP NHẬN KHÔNG?

Tôi và một người ở địa phương có tranh chấp về tài sản nên đã kiện ra Tòa để giải quyết. Tòa án đã xử sơ thẩm nhưng tôi không đồng ý. Tôi muốn kháng cáo bản án trên. Trường hợp tôi vướng bận do đi làm ăn xa, nếu quá thời hạn quy định kháng cáo có được chấp nhận không?

Hoàng Đình Ngọc (Tiên Lục, Bắc Giang)

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là bảy ngày kể từ ngày người có quyền kháng cáo nhận được quyết định.

Trong trường hợp đơn kháng cáo gửi qua bưu điện thì ngày kháng cáo được tính căn cứ vào ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

Sau thời hạn trên mà đương sự mới gửi đơn kháng cáo thì được gọi là kháng cáo quá hạn. Sau khi nhận được đơn kháng cáo quá hạn, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi đơn kháng cáo, bản tường trình của người kháng cáo về lý do kháng cáo

quá hạn và tài liệu, chứng cứ (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được đơn kháng cáo quá hạn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm thành lập hội đồng gồm ba thẩm phán để xem xét kháng cáo quá hạn. Hội đồng có quyền quyết định chấp nhận hay không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn và phải ghi rõ lý do trong quyết định. Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định cho người kháng cáo quá hạn và Tòa án cấp sơ thẩm. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo quá hạn thì Tòa án cấp sơ thẩm sẽ làm các thủ tục theo quy định và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Căn cứ vào các quy định trên, ông có quyền kháng cáo bản án cấp sơ thẩm; nếu quá hạn thì ông phải gửi bản tường trình nêu rõ lý do cùng các tài liệu, chứng cứ có liên quan.

KHÔNG GIAO BẢN ÁN CHO ĐƯƠNG SỰ NẾU QUÁ THỜI HẠN VẪN CÓ QUYỀN KHÁNG CÁO

Tôi là bị đơn trong một vụ án dân sự. Khi đưa vụ án ra xét xử, do đi làm ăn xa nên tôi không có mặt. Tòa xử vắng mặt và bản án đã tuyên được gần một năm. Mới đây tôi được yêu

cầu thi hành án, nhưng tôi không nhất trí với bản án đã tuyên. Vậy tôi có được kháng cáo không? Xin được nói thêm là tôi chưa hề nhận được bản án đã tuyên và chính quyền địa phương nơi tôi cư trú cũng không có bất kỳ thông báo nào về việc này.

Trịnh Nguyên Bích (Bát Xát, Lào Cai)

Theo quy định của pháp luật thì sau khi có bản án, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo; thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi người đó nhận được bản án. Như vậy, sau 15 ngày như quy định nêu trên thì những người được quyền kháng án sẽ mất quyền kháng án và bản án sẽ có hiệu lực pháp luật. Vụ án mà ông tham gia với tư cách là bị đơn dân sự, theo lẽ thông thường nếu bản án đã có hiệu lực pháp luật thì ông phải thi hành án khi người được thi hành án yêu cầu hoặc Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án.

Tuy nhiên, trong trường hợp này có những tình tiết đặc biệt mà cụ thể là sai sót của cơ quan xét xử. Khi xử án ông vắng mặt, sau khi tuyên án lẽ ra Tòa án phải gửi bản án cho ông và giải thích cho ông có quyền kháng án trong thời gian luật định. Nhưng Tòa án nơi xét xử vụ án đó đã không gửi bản án cho ông và nếu ông vắng mặt thì Tòa án phải thực hiện việc niêm yết bản án

tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi ông cư trú. Vì không thực hiện đúng các quy định của pháp luật nên dù đã hết thời hạn kháng cáo theo quy định nhưng đối với ông, do chưa nhận được bản án nên việc khiếu nại hay kháng cáo của ông được coi là hợp pháp. Vì vậy, ông có thể gửi đơn kháng cáo về nội dung bản án đã tuyên. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ thụ lý để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Khi đó phán quyết của Tòa phúc thẩm có thể chấp nhận nội dung kháng cáo, tuyên hủy bản án sơ thẩm hay sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm hoặc bác nội dung kháng cáo, tuyên y án sơ thẩm... Tất cả còn phụ thuộc vào nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung kháng cáo của ông.

PHẠM VI KHÁNG CÁO BỔ SUNG

Vụ án sơ thẩm đã xét xử và tôi đã kháng cáo một phần bản án do không đồng ý với phán quyết của Tòa án. Nhưng sau khi suy nghĩ lại tôi đã quyết định kháng cáo toàn bộ bản án đó. Tuy nhiên, đến nay thời hạn kháng cáo đã hết (quá 15 ngày). Xin hỏi, tôi gửi bản kháng cáo toàn bộ bản án thì có được Tòa án chấp nhận hay không? Quy định của pháp luật về kháng cáo bổ sung cụ thể như thế nào?

Trần Đại Hiệp (Đại Lộc, Quảng Nam)

Kháng cáo là quyền của đương sự trong vụ án dân sự đối với bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 256 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo như sau:

1. Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo đã hết.

2. Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền rút kháng cáo.

Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo.

3. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phải được làm thành văn bản và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo cho các đương sự biết về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo tại phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

Như vậy, nếu ông bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm khi thời hạn kháng cáo đã hết thì không được Tòa án chấp nhận vì kháng cáo sau đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

Tòa án chỉ chấp nhận những bổ sung, thay đổi đối với phần bị kháng cáo trước đó mà thôi.

**“XỬ CẤP HUYỆN KHÔNG XONG
CÓ ĐƯỢC CHUYỂN LÊN XỬ
Ở CẤP TRUNG ƯƠNG?”**

Trong vụ tranh chấp dân sự, do không thể hòa giải được chúng tôi đã kiện ra Tòa án để giải quyết. Phiên tòa sơ thẩm đầu tiên, Hội đồng xét xử xử phần thắng thuộc về tôi, nhưng phía bị đơn kháng cáo. Tòa án tỉnh xét xử đã hủy án sơ thẩm giao cho Tòa án huyện xét xử lại. Lần này tôi lại thắng, phía bị đơn lại kháng cáo vì phía họ có thuê luật sư bào chữa. Tôi nghe họ nói vụ này không để Tòa án tỉnh xử nữa mà đưa thắng ra Trung ương xét xử. Việc này có đúng không?

Lê Công Chất (Hoài Nhơn, Bình Định)

Việc hiểu về các cấp xét xử của ông như vậy là không đúng với quy định của pháp luật. Việc xét xử các vụ án dân sự, hình sự, hành chính... không bị chi phối, phân bậc theo cấp hành chính (huyện, tỉnh, trung ương). Nguyên tắc xét xử vụ án là phải bảo đảm và thực hiện chế độ hai cấp xét xử là sơ thẩm và phúc thẩm. Theo đó, bản án sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Đối với những

bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì phải được xét xử phúc thẩm. Tòa án cấp huyện hay Tòa án cấp tỉnh khi thụ lý vụ án từ đầu cũng đều là cấp xét xử sơ thẩm, tùy theo tính chất của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Như vậy, vụ án mà ông là nguyên đơn, nay Tòa án huyện đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai và tiếp tục bị kháng cáo thì Tòa án tỉnh sẽ phải mở phiên tòa xét xử phúc thẩm với nội dung bị kháng cáo mà không thể chuyển thẳng từ cấp xét xử sơ thẩm lên cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm được. Giám đốc thẩm, tái thẩm là việc Tòa án cấp trên xét lại bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới với bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án hoặc phát hiện những tình tiết mới của vụ án. Giám đốc thẩm hay tái thẩm không phải là một cấp xét xử như một số người hiểu rằng đó là cấp xét xử... trung ương.

THỜI HẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ LÀ BAO LÂU?

Tôi và người anh em trong họ có tranh chấp

về tài sản thừa kế. Sự việc đã được đưa ra ở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên, tôi không đồng tình với bản án đã tuyên nên đã làm đơn kháng cáo, đề nghị được xét xử phúc thẩm. Trong thời gian này tôi lại có một số công chuyện phải đi làm ăn xa nên rất muốn phiên tòa được mở sớm. Tôi muốn biết thời hạn xét xử phúc thẩm vụ án dân sự là bao lâu?

Nguyễn Kế Bền (Hong Dân, Bạc Liêu)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm phải vào sổ thụ lý. Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm hoặc chánh án Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thành lập Hội đồng xét xử phúc thẩm và phân công một thẩm phán làm chủ tọa phiên tòa.

Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây: Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án; đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do có trở ngại khách quan thì chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời gian chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá một tháng.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Như vậy, sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ phải tiến hành các thủ tục đưa vụ án ra xét xử, thời gian dài hay ngắn còn căn cứ vào quá trình thụ lý hồ sơ, thu thập, củng cố tài liệu, chứng cứ, những thuận lợi hay khó khăn, trở ngại nhưng không quá bốn tháng.

THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM NHƯ THẾ NÀO?

Trong vụ tranh chấp tài sản giữa tôi với một người khác hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đã xét xử, nhưng bản án phúc thẩm bị kháng nghị. Tôi muốn biết bao giờ thì phiên tòa giám đốc thẩm mới được tiến hành? Những người tham gia tố tụng có được tham dự phiên tòa đó không? Việc xét xử ở phiên tòa giám đốc thẩm có như các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm không?

Phạm Ngọc Mạnh (Bố Trạch, Quảng Bình)

Trước hết, bạn cần hiểu tính chất của giám đốc thẩm. Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Như vậy, giám đốc thẩm không phải là cấp xét xử mà chỉ là xét lại bản án, quyết định của Tòa án. Do vậy, trình tự, thủ tục của việc giám đốc thẩm không giống như việc xét xử sơ thẩm hay phúc thẩm. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời gian bốn tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án, Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải mở phiên tòa để giám đốc thẩm vụ án.

Trong phiên tòa giám đốc thẩm, khi xét thấy cần thiết, Tòa án triệu tập những người tham gia tố tụng và những người khác có liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa. Thủ tục phiên giám đốc thẩm không như đối với xét xử sơ thẩm hay phúc thẩm. Sau khi chủ tọa khai mạc phiên tòa, một thành viên của Hội đồng giám đốc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quá trình xét xử vụ án, quyết định của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, các căn cứ, nhận định của kháng nghị và đề nghị của người kháng nghị. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu

ý kiến. Trong trường hợp có người tham gia tố tụng hoặc người khác được Tòa án triệu tập thì họ được trình bày ý kiến của mình về quyết định kháng nghị. Các thành viên của Hội đồng giám đốc thẩm thảo luận và phát biểu ý kiến của mình về giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng giám đốc thẩm biểu quyết về việc giải quyết vụ án. Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán của Tòa án cấp tỉnh hay Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được quá nửa số thành viên tán thành. Nếu quá nửa số thành viên không tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa, Ủy ban thẩm phán hoặc Hội đồng thẩm phán phải tiến hành xét lại vụ án với sự tham gia của toàn thể thành viên.

Phần thứ hai
PHÁP LUẬT VỀ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

QUYỀN YÊU CẦU THI HÀNH
BẢN ÁN DÂN SỰ

Trong vụ tranh chấp dân sự, Tòa án đã xử cho tôi được thắng kiện, nhưng việc thi hành án chưa được thực hiện vì có những vấn đề phức tạp tại địa phương. Tôi muốn biết, pháp luật quy định về quyền của người được thi hành án và trách nhiệm của chính quyền địa phương như thế nào? Nếu phía người phải thi hành án chống đối thì có thể yêu cầu công an giải quyết được không?

Lê Công Tuấn (Đông Triều, Quảng Ninh)

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp các bên đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án, người phải thi hành án căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Người yêu cầu thi hành bản án phải có đơn yêu cầu thi hành án hoặc trực tiếp đến Cơ quan thi hành án nêu rõ nội dung yêu cầu và các thông tin liên quan đến việc thi hành án kèm theo bản án hoặc quyết định có yêu cầu được thi hành án.

Các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ yêu cầu của chấp hành viên trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án ở địa phương mình theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Cơ quan công an có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, kịp thời ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Trong trường hợp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án thì cơ quan công an và các cơ quan hữu quan có nhiệm vụ phối hợp thực hiện theo yêu cầu của thủ trưởng Cơ quan thi hành án hoặc chấp hành viên. Công an không phải là Cơ quan thi hành án dân sự nên không thể làm thay nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án hay của chấp hành viên được.

THỜI HIỆU YÊU CẦU THI HÀNH BẢN ÁN HOẶC QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tôi là người được thi hành án trong một vụ án dân sự. Do tôi có việc phải đi ra nước ngoài một thời gian, nay mới trở về địa phương. Tôi muốn biết tôi có được yêu cầu thi hành bản án đó không? Thời gian được yêu cầu là bao lâu?

Nguyễn Thế Phiệt (Chư Sê, Gia Lai)

Muốn được thi hành án, ông phải xem xét thời hiệu được yêu cầu thi hành bản án đồng thời phải làm đơn gửi đến Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008¹ thì trong thời hạn năm năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành bản án, quyết định đó.

Trong trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định của Tòa án thì thời hạn năm năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn; đối với bản án, quyết định của Tòa án thi hành theo định kỳ thì thời hạn

1. Sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự.

năm năm được áp dụng cho từng định kỳ, tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Trong trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng đó không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án; đối với trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn, tạm đình chỉ thi hành án.

Thủ trưởng Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án xem xét, ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án. Trong trường hợp không có căn cứ khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án thì thủ trưởng Cơ quan thi hành án ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn của người đó. Tuy nhiên, thời hạn năm năm được quy định như trên không áp dụng đối với phần bản án, quyết định là: Án phí, lệ phí Tòa án, trả lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; hình phạt tiền; tịch thu tài sản, truy thu thuế, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính; xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ; thu hồi đất theo

quyết định của Tòa án; quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án.

Căn cứ vào những quy định trên đây, ông có thể áp dụng vào trường hợp cụ thể của mình để yêu cầu được thi hành án theo quy định của pháp luật.

KHÔNG CHẤP HÀNH BẢN ÁN DÂN SỰ THÌ PHẢI TIẾN HÀNH CƯỖNG CHẾ

Trước đây tôi có căn nhà không sử dụng đến và cũng vì lý do đi vắng nên khi vợ chồng ông Nam đến đặt vấn đề tôi đã cho họ ở nhờ. Sau đó vài năm chúng tôi yêu cầu vợ chồng ông Nam trả nhà để chúng tôi sử dụng thì họ cứ lần lữa không trả. Sự việc kéo dài khiến chúng tôi phải khởi kiện họ ra Tòa án. Tòa tuyên án rằng vợ chồng ông Nam phải ký hợp đồng thuê nhà đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, sau đó phải trả nhà lại cho chúng tôi. Tuy vậy, đến nay ông Nam vẫn từ chối ký hợp đồng thuê nhà. Việc này giải quyết thế nào?

Trần Văn Dũng (Cam Ranh, Khánh Hòa)

Bạn là người tốt nên đã dễ dàng cho vợ chồng ông Nam mượn ngôi nhà của mình, nhưng thật đáng tiếc là vợ chồng ông ấy đã không biết điều nếu không muốn nói là có ý đồ xấu. Từ thiện ý

ban đầu, cuối cùng bạn và ông Nam đã phải dẫn nhau ra Tòa, đấy cũng là một mất mát đáng tiếc, tuy đó không phải là lỗi của bạn. Bạn đã đứng khi khởi kiện ra Tòa để giải quyết tranh chấp. Thực tế trong cuộc sống không ít người đã không chọn giải pháp này mà họ gây thù chuốc oán bằng nhiều biện pháp trái pháp luật để rồi hậu quả nặng nề để lại cho cả các bên.

Như bạn đã phản ánh thì bản án dân sự về việc tranh chấp nhà ở mà Tòa án tuyên đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy các bên có nghĩa vụ phải thi hành nghiêm chỉnh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, ông Nam phải trả lại căn nhà cho bạn, và kể từ ngày bản án có hiệu lực thì ông Nam phải ký kết hợp đồng thuê nhà với bạn. Đến nay ông Nam không chịu ký hợp đồng thuê nhà là đã vi phạm và ông ta phải trả ngay ngôi nhà đó. Nếu ông Nam chịu ký hợp đồng thuê nhà thì phải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, bạn mới có quyền lấy lại nhà. Bây giờ thêm một lần nữa ông Nam không thiện chí và không thực hiện phán quyết của Tòa án, bạn có quyền làm đơn gửi đến Cơ quan thi hành án yêu cầu tổ chức thi hành án. Khi đó Cơ quan thi hành án sẽ thông báo cho ông Nam đến để thực hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật (ông Nam phải ký hợp đồng thuê nhà). Nếu ông ấy không

chịu ký hợp đồng thuê nhà thì Cơ quan thi hành án sẽ ra quyết định cưỡng chế đối với ông Nam, buộc phải trả nhà cho bạn.

Mong sao với việc làm kiên quyết của Cơ quan thi hành án, sự việc của bạn cuối cùng sẽ được giải quyết ổn thỏa.

KHÔNG THỰC HIỆN THÔNG BÁO VỀ THI HÀNH ÁN BỊ XỬ LÝ NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự. Mới đây, Cơ quan thi hành án đã đến yêu cầu tôi thực hiện nghĩa vụ, nhưng tôi hoàn toàn chưa được thông báo về việc này. Tuy nhiên, chấp hành viên nói rằng họ đã thực hiện việc thông báo theo đúng quy định. Việc này xử lý như thế nào khi người có trách nhiệm không thực hiện đúng quy định?

Nguyễn Thành Tuấn (Chợ Gạo, Tiền Giang)

Theo quy định của pháp luật thì các quyết định, giấy báo, giấy triệu tập về thi hành án phải được thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Người được thông báo có nghĩa vụ nhận thông báo và phải chịu trách nhiệm về việc cố tình không nhận thông báo.

Các thông báo, giấy tờ phải được giao trực tiếp cho người được thông báo. Có nhiều hình thức thông báo như giao trực tiếp, gửi qua đường bưu điện bằng thư bảo đảm. Nếu người được giao vắng mặt thì có thể giao cho thủ trưởng cơ quan, cán bộ tư pháp xã, người thân thích cùng sống trong một gia đình. Nếu các hình thức trên không thể thực hiện được thì thông báo phải niêm yết bản chính tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người được thông báo cư trú. Các trường hợp nêu trên thực hiện không có kết quả thì thông báo phải được thực hiện liên tiếp hai lần trên báo, đài phát thanh, đài truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu xác định đương sự đang ở tại địa phương đó. Tất cả các trường hợp thông báo đều phải có xác nhận hoặc lập biên bản theo quy định.

Người có nghĩa vụ thực hiện việc thông báo mà không làm đúng trách nhiệm của mình thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả mà có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại phải bồi thường.

Như vậy, nếu Cơ quan thi hành án nói đã thực hiện việc thông báo thì cần phải có căn cứ chứng minh đã làm theo một trong các biện pháp theo

quy định của pháp luật. Nếu người có trách nhiệm thông báo mà làm không đúng trách nhiệm sẽ phải bị xử lý theo các hình thức nêu trên.

BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG THI HÀNH ÁN

Tôi và một người khác hợp tác làm ăn nhưng không hiệu quả. Khi giải quyết về tài sản, hai bên đã xảy ra tranh chấp và phải yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khi chờ thực hiện phán quyết của Tòa án, tôi thấy họ có những biểu hiện phân tán, chuyển dịch tài sản nhằm gây khó khăn cho việc thi hành án sau này. Tôi đã yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn những hành vi sai trái của họ. Tuy nhiên, tôi lại được Tòa án yêu cầu phải gửi một khoản tiền hoặc kim khí, đá quý để bảo đảm thực hiện yêu cầu. Tôi muốn biết pháp luật quy định về việc này thế nào?

Huỳnh Trung Dũng (Ba Tri, Bến Tre)

Việc Tòa án yêu cầu ông nộp một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý... để bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng với quy định tại Điều 120 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc này, điều luật quy định như sau:

1. Người yêu cầu Tòa án áp dụng một trong

các biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại các khoản 6, 7, 8, 10 và 11, Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự (kê biên tài sản đang tranh chấp; cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước, phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ) phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Tòa án ấn định nhưng phải tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời từ phía người có quyền yêu cầu.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự (do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện cho Tòa án đó) thì thời hạn xem xét và ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm của Tòa án là 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

2. Khoản tiền kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá đã phải được gửi vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng nơi có trụ sở Tòa án quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thời hạn do Tòa án ấn định. Trong trường hợp thực hiện biện pháp bảo đảm vào ngày lễ, ngày nghỉ thì khoản tiền bảo đảm được gửi giữ tại Tòa án. Tòa án phải làm thủ tục giao nhận và gửi ngay khoản tiền đã vào ngày làm việc tiếp theo.

Như vậy, việc yêu cầu ông phải nộp một khoản tiền bảo đảm để Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của ông là đúng với quy định của pháp luật.

KHÔNG PHẢI CỬ THI HÀNH ÁN THÌ PHẢI CƯỖNG CHẾ

Vừa qua tôi đã thắng kiện trong một vụ tranh chấp về tài sản. Bản án của Tòa án hiện đã có hiệu lực pháp luật. Sắp tới đây tôi sẽ được thi hành án. Tuy nhiên, giữa tôi và người bị thua kiện cũng có những mối quan hệ ràng buộc. Vì vậy, tôi xin hỏi, nếu tôi muốn được thi hành án thì phải làm gì? Có phải mọi trường hợp thi hành án đều phải tổ chức cưỡng chế hay không?

Phạm Văn Đức (Nho Quan, Ninh Bình)

Bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực

pháp luật phải được người phải thi hành án, người được thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án nghiêm chỉnh thi hành và được các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân tôn trọng.

Trong việc tổ chức thi hành án dân sự thì một nguyên tắc hàng đầu là bảo đảm sự tự nguyện giữa các đương sự. Nếu các bên đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án, người phải thi hành án căn cứ vào bản án, quyết định dân sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Như vậy, trong vụ việc của bạn, nếu giữa bạn và người phải thi hành án không thỏa thuận được với nhau và không tự nguyện thi hành án thì Cơ quan thi hành án sẽ có quyết định thi hành án. Và theo quy định, để tiến hành việc thi hành án này bạn cần phải có đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Không phải trường hợp nào cũng phải cưỡng chế thi hành án. Trong việc thi hành án thì pháp luật khuyến khích các đương sự tự nguyện thi hành án. Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau

về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án, nhưng không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Căn cứ vào quyết định thi hành án, chấp hành viên định cho người phải thi hành án thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án để tự nguyện thi hành. Tuy nhiên điều này chỉ được chấp nhận trong trường hợp người phải thi hành án không có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án. Nếu có các biểu hiện trên thì chấp hành viên có quyền áp dụng kịp thời các biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật.

Trên đây là những quy định về việc thi hành án dân sự theo những nội dung mà bạn hỏi. Trong trường hợp không thật sự quá cần thiết thì bạn nên bàn bạc, thỏa thuận với người phải thi hành án để thực hiện việc thi hành án tự nguyện thì sẽ tốt đẹp cho tất cả.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP NÀO ĐƯỢC HOÃN THI HÀNH ÁN?

Tôi là người được thi hành án trong một bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật. Nhưng vừa qua tôi được biết là cơ quan có thẩm quyền đã có quyết định hoãn thi hành án. Tôi muốn biết,

những trường hợp nào thì phải ra quyết định hoãn thi hành án?

Nguyễn Văn Lê (Bến Cát, Bình Dương)

Khi vụ án dân sự đã có hiệu lực pháp luật thì việc thi hành án sẽ do Cơ quan thi hành án thực hiện. Tuy nhiên, có những trường hợp việc thi hành án được hoãn. Cụ thể, trong những trường hợp sau đây, thủ trưởng Cơ quan thi hành án có quyền ra quyết định hoãn thi hành án:

a) Người phải thi hành án bị ốm nặng, có xác nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên; chưa xác định được địa chỉ của người phải thi hành án hoặc vì lý do chính đáng khác mà người phải thi hành án không thể tự mình thực hiện được nghĩa vụ theo bản án, quyết định;

b) Người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án. Việc đồng ý hoãn phải lập thành văn bản ghi rõ thời hạn hoãn, có chữ ký của các bên. Trong thời gian hoãn thi hành án do có sự đồng ý của người được thi hành án thì người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án;

c) Người phải thi hành các khoản nộp ngân sách nhà nước không có tài sản hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản đó không đủ chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc có tài sản nhưng tài sản thuộc loại không được kê biên;

d) Tài sản kê biên có tranh chấp đã được Tòa án thụ lý để giải quyết;

đ) Việc thi hành án đang trong thời hạn cơ quan có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định và trả lời kiến nghị của cơ quan thi hành án dân sự (giải thích những nội dung mà bản án, quyết định tuyên chưa rõ; trả lời kiến nghị về việc xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm).

Người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có quyền hoãn thi hành án một lần để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Thủ trưởng Cơ quan thi hành án phải ra quyết định hoãn thi hành án khi nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị. Thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị không quá ba tháng, kể từ ngày ra quyết định hoãn thi hành án. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày điều kiện hoãn thi hành án không còn hoặc hết thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị mà không có kháng nghị thì thủ trưởng Cơ quan thi hành án phải ra quyết định tiếp tục thi hành án. Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị mà bản án, quyết định đã được thi hành một phần hoặc

toàn bộ thì thủ trưởng Cơ quan thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị biết.

Căn cứ vào các quy định trên, ông có thể hiểu rõ về việc hoãn thi hành án trong trường hợp của mình.

BẢN ÁN BỊ KHÁNG NGHỊ, THI HÀNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong một vụ án hình sự. Vụ án đã được xét xử phúc thẩm. Về phần dân sự trong vụ án này, tôi và bị cáo đã đồng ý về mức tiền bồi thường nhưng sau đó, bản án bị Viện kiểm sát kháng nghị. Xin hỏi, khoản tiền bồi thường của bị cáo đã thỏa thuận đó tôi có được nhận không?

Nguyễn Văn Thanh (Hậu Lộc, Thanh Hóa)

Trong việc xét xử một vụ án hình sự thì bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Tuy nhiên, nếu phát hiện có những vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án thì bản án hoặc quyết định của Tòa án sẽ bị kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 275 Bộ luật tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới.

Theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng hình sự thì những người đã kháng nghị bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền tạm đình chỉ bản án hoặc quyết định đó. Người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền tạm đình chỉ thi hành toàn bộ hoặc một phần bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, tùy thuộc vào việc kháng nghị đối với toàn bộ hay một phần bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc tạm đình chỉ này chỉ có thể được quyết định cùng với việc kháng nghị hoặc sau khi kháng nghị.

Như vậy, khi bản án mà ông là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đó đã bị kháng nghị thì việc thi hành bản án sẽ bị đình chỉ; trong đó có việc giải quyết về thỏa thuận bồi thường giữa ông và bị cáo.

NHỮNG TÀI SẢN KHÔNG ĐƯỢC KÊ BIÊN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự. Sắp tới Cơ quan thi hành án sẽ tiến hành kê biên tài sản của gia đình tôi để

bảo đảm thi hành án. Tôi muốn biết những tài sản nào không được kê biên và việc bảo quản tài sản đó trong quá trình giải quyết vụ việc như thế nào?

Phạm Đình Chúc (Lập Thạch, Vĩnh Phúc)

Trong khi thi hành án dân sự thì có những trường hợp Cơ quan thi hành án phải kê biên tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án. Việc kê biên tài sản phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Theo quy định của Điều 87 Luật thi hành án dân sự thì những tài sản sau đây không được kê biên: Lương thực, thuốc men cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình; công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình; đồ dùng thờ cúng thông thường.

Đối với việc bảo quản tài sản kê biên, Điều 58 Luật thi hành án dân sự quy định một số hình thức: a) Giao cho người phải thi hành án, người thân thích của người phải thi hành án theo quy định tại khoản 2, Điều 40 của Luật này (vợ, chồng, con, cha mẹ, ông bà, bác, chú, cô, cậu, dì, anh chị em của đương sự, của vợ hoặc chồng đương sự) hoặc người đang sử dụng, bảo quản; b) Cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản; c) Bảo quản tại kho

của cơ quan thi hành án dân sự. Đối với tài sản là kim khí quý, đá quý, tiền hoặc giấy tờ có giá, bảo quản tại kho bạc nhà nước.

Việc giao bảo quản tài sản phải được lập biên bản ghi rõ loại tài sản, tình trạng tài sản, giờ, ngày, tháng, năm giao; họ, tên chấp hành viên, đương sự, người được giao bảo quản, người làm chứng, nếu có; quyền, nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và có chữ ký của các bên. Trường hợp có người từ chối ký thì phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản theo quy định trên được trả thù lao và được thanh toán chi phí bảo quản tài sản. Thù lao và chi phí bảo quản tài sản do người phải thi hành án chịu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người được giao bảo quản tài sản vi phạm quy định của pháp luật trong việc bảo quản tài sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

KÊ BIÊN TÀI SẢN ĐANG TRANH CHẤP VÀ THỦ TỤC KÊ BIÊN KHI ĐƯƠNG SỰ VẮNG MẶT

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án

dân sự. Theo đó, tôi bị kê biên một số tài sản để thi hành án. Tôi muốn biết, tài sản đang tranh chấp có được kê biên không? Nếu tôi vắng mặt thì chấp hành viên có quyền được kê biên không?

Trần Hoàng Nam (Hòa Vang, Đà Nẵng)

Trong một số trường hợp người phải thi hành án phải bị kê biên tài sản để bảo đảm việc thi hành án. Khi kê biên tài sản, nếu có tranh chấp thì chấp hành viên vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho đương sự về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn ba tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản bị kê biên được xử lý để thi hành án.

Trong trường hợp cần xác định quyền sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung mà các bên không thỏa thuận được thì người được thi hành án hoặc chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo khoản 1, Điều 88 Luật thi hành án dân sự thì trước khi kê biên tài sản là bất động sản ít nhất là 3 ngày làm việc, chấp hành viên thông báo cho đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, tài sản kê biên, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án.

Trường hợp đương sự vắng mặt thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trường hợp đã được thông báo hợp lệ mà đương sự hoặc người được ủy quyền vắng mặt thì chấp hành viên vẫn tiến hành việc kê biên, nhưng phải mời người làm chứng và ghi rõ vào nội dung biên bản kê biên. Trường hợp không mời được người làm chứng thì chấp hành viên vẫn tiến hành việc kê biên nhưng phải ghi rõ vào nội dung biên bản kê biên.

Khi kê biên đồ vật, nhà ở, công trình kiến trúc nếu vắng mặt người phải thi hành án hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó mà phải mở khóa, phá khóa, mở gói thì chấp hành viên tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa hoặc mở gói, trong trường hợp này phải có người làm chứng. Người phải thi hành án phải chịu thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa, mở gói. Trường hợp cần thiết, sau khi mở khóa, phá khóa, mở gói, chấp hành viên niêm phong đồ vật và giao bảo quản theo quy định. Việc mở khóa, phá khóa, mở gói hoặc niêm phong phải lập biên bản, có chữ ký của những người tham gia và người làm chứng.

Như vậy, nếu tài sản của ông đang có tranh chấp thì chấp hành viên vẫn có thể kê biên, nếu ông hoặc các bên có liên quan không tự

giải quyết được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Nếu ông vắng mặt khi tiến hành kê biên tài sản thì chấp hành viên vẫn tiến hành kê biên bình thường nhưng phải làm đúng các thủ tục và quy định như đã nêu ở trên.

THI HÀNH ÁN VỚI TÀI SẢN CÓ NHIỀU CHỦ SỞ HỮU

Chúng tôi được thừa kế một nửa giá trị ngôi nhà của cha tôi để lại. Một nửa giá trị ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của má tôi. Do nợ nần trong việc chơi biêu hụi, má tôi bị kiện ra Tòa và Tòa án đã tuyên má tôi phải trả nợ mà tài sản duy nhất là 1/2 căn nhà đó. Nay Cơ quan thi hành án định tổ chức định giá bán cả ngôi nhà rồi trả lại cho chúng tôi 1/2 giá trị ngôi nhà, trong khi chúng tôi không muốn bán. Việc này giải quyết như thế nào cho hợp lý?

Trần Văn Vụ (Ba Tri, Bến Tre)

Về mặt tình cảm thì khi má của bạn đang gặp khó khăn các bạn nên có sự quan tâm, chia sẻ. Về nguyên tắc thì tài sản thuộc sở hữu của ai người ấy chịu trách nhiệm dân sự. Cơ quan thi hành án cũng thực hiện theo nguyên tắc là chỉ thi hành đối với tài sản của

người phải thi hành án. Có nghĩa là trong vụ này Cơ quan thi hành án chỉ tiến hành thi hành án với giá trị của 1/2 ngôi nhà đó mà thôi. Nhưng vì ngôi nhà lại của nhiều người đồng thừa kế nên không thể dễ dàng “bóc tách” như những tài sản khác. Do vậy, Cơ quan thi hành án sẽ thông báo những người có quyền lợi liên quan đến tài sản đó tự thỏa thuận với nhau để bán cả ngôi nhà, sau đó chia tiền theo các tỷ phần được thừa kế. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì những người đồng thừa kế sẽ được ưu tiên mua lại phần thừa kế của các đồng thừa kế khác. Có nghĩa là các bạn được quyền ưu tiên mua lại 1/2 ngôi nhà thuộc phần tài sản của má bạn. Nếu không thỏa thuận được việc này thì có quyền khởi kiện ra Tòa án nơi ngôi nhà tọa lạc để giải quyết phân chia tài sản. Khi Tòa án đã có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan thi hành án sẽ thực hiện theo các quyết định hoặc bản án của Tòa án. Kể từ ngày Cơ quan thi hành án hướng dẫn các bạn hoặc má của bạn tự thỏa thuận hoặc khởi kiện ra Tòa để giải quyết là 3 tháng. Nếu hết thời hạn trên các bên không thể thỏa thuận hoặc không khởi kiện mà có yêu cầu thi hành án thì lúc đó Cơ quan thi hành án sẽ giải quyết theo quy định. Lúc này sẽ tùy thuộc vào

điều kiện có thể, Cơ quan thi hành án sẽ có phương án giải quyết để bảo đảm nghĩa vụ phải thi hành án của má các bạn. Nếu kiến trúc ngôi nhà có thể ngăn làm đôi hoặc phân chia theo phần thì Cơ quan thi hành án sẽ ngăn đôi, chia theo từng phần để bán 1/2 ngôi nhà đó. Nếu ngôi nhà không thể ngăn đôi hoặc chia theo từng phần thì Cơ quan thi hành án sẽ tổ chức định giá cả căn nhà, sau đó tổ chức bán để lấy số tiền bảo đảm cho thi hành án, phần tiền còn lại sẽ trả cho các đồng thừa kế khác.

Chúng tôi nghĩ rằng các bạn nên cân nhắc để có thể giúp má của mình thực hiện đúng nghĩa vụ thi hành án, vừa bảo đảm được sinh hoạt, cuộc sống và giữ tình cảm của gia đình được bền vững.

“MŨI DẠI, LÁI CÓ CHỊU ĐÒN?”

Vợ chồng tôi tuy vẫn sống trong một nhà nhưng từ lâu công việc của mỗi người đều tách biệt, một phần cũng vì sự thiếu đồng thuận trong gia đình. Vợ tôi thì làm ăn buôn bán, tôi đi dạy học. Do thua lỗ, nợ nần nhiều người nên họ đã kiện vợ tôi ra Tòa để bồi thường. Bản án đã có hiệu lực và Cơ quan thi hành án địa phương đã yêu cầu vợ tôi phải thi hành. Một chấp hành viên

đã nói với tôi rằng, họ sẽ niêm phong nhà của vợ chồng tôi và cho bán đấu giá cả đất, cả nhà để trừ nợ. Vợ tôi là người phải thi hành án chứ tôi có liên quan gì mà lại áp dụng những biện pháp cưỡng chế đó với tôi? Tôi rất hoang mang, mong được giải đáp.

Nguyễn Văn Xuân (Tam Nông, Đồng Tháp)

Theo nghĩa thông thường và cũng theo cách nghĩ của nhiều người thì tài sản của vợ và chồng là một, nên “mũi dùi, lái chịu đòn”. Và có thể người chấp hành viên kia cũng nghĩ như thế chẳng. Ngày trước các cụ sống với nhau thì tất tần tật đều là của chung trong nhà hết. Bây giờ là vợ chồng thì không nhất thiết phải tách bạch cái này của anh, cái kia của tôi, nhưng đã có sự thay đổi đáng kể về nhận thức về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên và được pháp luật bảo hộ. Chính có sự điều chỉnh, bảo hộ của pháp luật nên mọi quyền lợi chính đáng của công dân được bảo đảm và các nghĩa vụ của công dân đều phải thực hiện.

Theo Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng có quyền có tài sản riêng. Vợ, chồng có tư cách cá nhân độc lập trong quan hệ dân sự. Nếu trong việc làm ăn của vợ anh có sự đồng thuận của cả vợ chồng, cùng tham gia thì khi phải thực hiện các nghĩa vụ trả nợ đương nhiên anh cũng phải

có trách nhiệm. Anh không thể nói rằng vợ đi buôn thì vợ phải chịu thi hành bản án dân sự, còn mình không có liên quan. Tuy nhiên, nếu các quan hệ dân sự đó do vợ anh tiến hành độc lập và trong bản án đã tuyên chỉ quy buộc trách nhiệm của vợ anh thì chỉ vợ anh mới là người phải thi hành án. Khi tiến hành thi hành án, chấp hành viên phải yêu cầu người phải thi hành tự thi hành, nếu không tự thi hành thì đến thời hạn luật định, chấp hành viên sẽ tổ chức các biện pháp cưỡng chế. Theo đó, các biện pháp có thể là, tháo dỡ, niêm phong, kê biên, phát mãi tài sản... đủ để thi hành bản án dân sự đó. Đối với tài sản trộn lẫn thì chấp hành viên phải có trách nhiệm phân định những tài sản nào là của người phải thi hành án, tài sản nào là của những người khác và có biện pháp tối ưu không để gây thiệt hại đến tài sản hợp pháp của công dân. Do vậy, anh cũng không nên hoang mang. Số tài sản hợp pháp của anh sẽ được pháp luật bảo hộ. Nếu chấp hành viên làm sai, anh có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

KÊ BIÊN TÀI SẢN ĐỐI VỚI NGƯỜI SỐNG CHUNG VỚI CHA MẸ

Con tôi hiện vẫn đang sống chung với chúng tôi. Do có những thất bại trong việc làm ăn dẫn

đến những thiệt hại về kinh tế và tranh chấp về tài sản. Qua xét xử, Tòa án đã tuyên buộc con tôi phải trả khoản tiền cho phía đối tác. Khi bản án có hiệu lực, chấp hành viên thi hành án có nói rằng con tôi có thể phải bị kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án. Tôi không rõ việc kê biên này được thực hiện như thế nào khi con tôi chưa có gia đình riêng.

Trần Văn Sum (Bảo Lộc, Lâm Đồng)

Theo quy định của pháp luật thì mọi hành vi gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự và tài sản cho người khác một cách trái pháp luật thì phải bồi thường. Việc bồi thường này trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận giữa các bên, nếu tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết. Khi bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì các bên có liên quan phải chịu trách nhiệm thi hành. Như vậy, khi bản án dân sự liên quan đến tranh chấp tài sản giữa con trai bạn và những người khác đã có hiệu lực pháp luật thì con trai bạn phải thi hành. Quá trình thực thi bản án không phải khi nào cũng thuận lợi do những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, trong đó có những trường hợp buộc phải tiến hành kê biên tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án được nghiêm chỉnh. Tuy nhiên, việc kê biên tài sản này chỉ

nên thực hiện khi thật cần thiết và không được làm tùy tiện. Nguyên tắc trong việc kê biên tài sản là *những tài sản được kê biên chỉ là những tài sản thuộc về sở hữu của người phải thi hành án*. Người phải thi hành án ngoài những tài sản sở hữu riêng có khi còn có những tài sản có sở hữu chung với nhiều người khác; *chỉ kê biên tài sản đủ cho việc thi hành án mà không được kê biên những tài sản vượt quá mức tài sản mà họ phải thi hành*. Nếu tài sản riêng không đủ để thi hành thì kê biên phần sở hữu chung của người đó với người khác, nếu có.

Người con đã thành niên ở chung với cha mẹ, nếu họ có đóng góp vào tài sản chung của gia đình hoặc có sở hữu chung với cha mẹ thì *trích ra phần đóng góp và phần của họ trong khối tài sản chung* để thi hành án. Nếu họ không có đóng góp vào tài sản chung của gia đình hoặc không có phần trong sở hữu chung với cha mẹ thì không được kê biên tài sản của gia đình, của cha mẹ để thi hành án. Như vậy, nếu con trai của bạn mà không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình bạn thì chấp hành viên không được kê khai phần tài sản của gia đình bạn. Nếu trong khối tài sản của gia đình mà con trai bạn có phần trong sở hữu chung (chẳng hạn như được hưởng thừa kế của ông bà...) thì phần tài sản chung đó sẽ phải được kê biên để bảo đảm thi hành án. Cách thức và biện pháp

kê biên sẽ do chấp hành viên tiến hành, phù hợp với điều kiện và tình trạng có thể về tài sản của người phải thi hành án.

VIỆC KÊ BIÊN TÀI SẢN KHI NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN CHỈ CÓ TÀI SẢN DUY NHẤT

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự, nhưng tôi chỉ có tài sản duy nhất có giá trị, còn lại phần lớn là tài sản để sinh hoạt. Tôi muốn biết việc kê biên tài sản để thi hành án trong trường hợp này quy định thế nào?

Đặng Ngọc Chính (Dương Kinh, Hải Phòng)

Trong quá trình thi hành án, chấp hành viên có quyền kê biên tài sản nếu có căn cứ cho rằng tài sản đó là của người phải thi hành án, kể cả quyền sử dụng đất hoặc tài sản do người thứ ba giữ. Tuy nhiên, không được kê biên các tài sản sau đây: Lương thực, thuốc men cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình; công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình; đồ thờ cúng thông thường.

Chỉ được kê biên tài sản của người phải thi hành án đủ để bảo đảm thi hành án và thanh toán các chi phí thi hành án. Trong trường hợp người phải thi hành án chỉ có một

tài sản duy nhất lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án mà không thể phân chia được hoặc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì chấp hành viên vẫn có quyền kê biên tài sản đó để bảo đảm thi hành án.

Chỉ được kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình sau khi xác định người đó không có tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án. Khi kê biên nhà ở, phải kê biên quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở đó. Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm thì sau khi kê biên, chấp hành viên phải báo cho cơ quan đăng ký sở hữu, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm biết.

Người phải thi hành án có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, chấp hành viên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không cản trở việc thi hành án.

Ông có thể đối chiếu trường hợp của mình với những quy định trên đây để hiểu rõ thêm về việc kê biên tài sản của mình.

TRỪ VÀO THU NHẬP CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ

án dân sự với hình thức là trừ vào thu nhập hàng tháng. Tôi muốn biết việc trừ thu nhập này được quy định như thế nào? Nếu tôi chuyển công tác đến cơ quan khác thì việc trừ thu nhập này được thực hiện thế nào?

Nguyễn Ngọc Trường (Đông Sơn, Thanh Hóa)

Thu nhập của người phải thi hành án bao gồm tiền lương, tiền công, tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động và các thu nhập hợp pháp khác. Việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Theo sự thỏa thuận của đương sự; b) Bản án, quyết định ấn định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; c) Thi hành án cấp dưỡng, thi hành án theo định kỳ, khoản tiền phải thi hành án không lớn hoặc tài sản khác của người phải thi hành án không đủ để thi hành án.

Mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền nhận được hàng tháng. Đối với những khoản thu nhập khác thì mức trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải thi hành án nhưng phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho người phải thi hành án và người mà người phải thi hành án có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Quyết định của chấp hành viên về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án phải được gửi cho người được thi hành án, người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý thu nhập của người phải thi hành án. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý thu nhập của người phải thi hành án thực hiện việc khấu trừ thu nhập của người phải thi hành án. Trong thời hạn không quá bảy ngày làm việc, kể từ ngày khấu trừ thu nhập, cơ quan, tổ chức, cá nhân nói trên có nghĩa vụ chuyển cho Cơ quan thi hành án số tiền đó để chi trả cho người được thi hành án.

Khi có sự thay đổi nơi trả thu nhập và mức thu nhập của người phải thi hành án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện quyết định trừ vào thu nhập của người đó phải thông báo ngay cho Cơ quan thi hành án biết. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày xác định được nơi trả thu nhập mới hoặc mức thu nhập mới của người phải thi hành án, chấp hành viên phải ra quyết định khác về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN BẰNG CÁCH KHẤU TRỪ TIỀN TRONG TÀI KHOẢN

Tôi là người phải thi hành án theo phán quyết

của Tòa án trong một vụ án dân sự. Mới đây, tôi được chấp hành viên cho biết sẽ khấu trừ tiền trong tài khoản của tôi hoặc thu hồi giấy tờ có giá mà tôi đang có. Việc này được pháp luật quy định như thế nào? Tôi có phải chịu chi phí gì về việc này không?

Dặng Văn Thành (Thủy Nguyên, Hải Phòng)

Người phải thi hành án trong vụ án dân sự có nghĩa vụ thi hành án theo phán quyết của Tòa án và việc này do Cơ quan thi hành án thực hiện. Khi người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo yêu cầu của người được thi hành án.

Trong các biện pháp cưỡng chế thi hành án thì có việc khấu trừ tài khoản, trừ vào thu nhập, thu giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

Điều 76 Luật thi hành án dân sự quy định: Khi phát hiện người phải thi hành án có tiền trong tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc kho bạc nhà nước thì chấp hành viên ra quyết định khấu trừ để thi hành án. Cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản Cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ. Khi có căn cứ cho rằng người phải thi hành án có dấu hiệu tẩu tán tiền trong tài khoản thì chấp hành viên có thể ra quyết định phong tỏa tài khoản.

Đối với các khoản tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ thì chấp hành viên ra quyết định thu tiền hoặc thu giữ giấy tờ có giá để thi hành án. Người đang giữ tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án có trách nhiệm thực hiện quyết định của chấp hành viên.

Quyết định của chấp hành viên về việc khấu trừ tài khoản, trừ vào thu nhập, thu giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án phải được gửi cho người được thi hành án, người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

Căn cứ vào các quy định trên đây, ông có thể biết được về trường hợp cưỡng chế thi hành án của mình.

QUY ĐỊNH VỀ CƯỠNG CHẾ TRONG VIỆC GIAO NHÀ

Tôi là người phải thi hành án, trong đó có việc phải giao lại ngôi nhà đang quản lý cho người đã tranh chấp trong vụ án dân sự. Nhưng vì một số lý do tôi chưa thực hiện. Tôi được biết nếu không giao nhà sẽ bị cưỡng chế. Tôi đề nghị được tư vấn cụ thể về việc này.

Đỗ Xuân Vinh (Định Quán, Đồng Nai)

Trong trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ trả nhà cho người được thi hành án thì chấp hành viên ra quyết định buộc người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà, đồng thời yêu cầu họ tự nguyện chuyển tài sản ra khỏi nhà. Nếu họ không tự nguyện thực hiện quyết định thì chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà.

Trường hợp họ từ chối nhận tài sản, chấp hành viên phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng của từng loại tài sản và giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản.

Trường hợp người phải thi hành án cố tình vắng mặt dù đã được thông báo quyết định cưỡng chế thì chấp hành viên vẫn quyết định thực hiện việc cưỡng chế theo các quy định như đã nêu ở trên.

Quá thời hạn sáu tháng, kể từ ngày nhận được thông báo theo các quy định nêu trên mà người có tài sản không đến nhận, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì tài sản đó được bán theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản bị cưỡng chế. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý

tài sản được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại ngân hàng và thông báo cho người có tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị, chấp hành viên tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật về tiêu hủy tài sản trong cưỡng chế thi hành án và phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của tài sản trước khi tiêu hủy. Các quy định nêu trên cũng được áp dụng với trường hợp cưỡng chế để giao nhà cho người mua được nhà bán đấu giá hoặc nhận nhà để trừ tiền được thi hành án.

VIỆC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự. Tài sản để bảo đảm thi hành án đã bị kê biên. Hiện nay việc định giá tài sản này còn có nhiều điểm tôi chưa thỏa mãn. Tôi muốn biết pháp luật quy định về việc định giá này như thế nào?

Nguyễn Văn Thuận (Thống Nhất, Đồng Nai)

Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thỏa thuận được về giá tài sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì chấp hành viên lập biên bản về thỏa thuận đó. Giá tài sản do đương sự

thỏa thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá. Trường hợp đương sự có thỏa thuận về tổ chức thẩm định giá thì chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản kê biên trong các trường hợp sau đây: a) Đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá; b) Tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ; c) Thi hành phần bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật thi hành án dân sự.

Chấp hành viên xác định giá trong các trường hợp sau đây: a) Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2, Điều 98 của Luật thi hành án dân sự; b) Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá. Tài sản có giá trị nhỏ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Việc định giá lại tài sản kê biên được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định nêu trên dẫn đến sai lệch kết quả định giá

tài sản; b) Dương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại về giá trước khi tài sản được bán.

BÁN NHỮNG TÀI SẢN ĐÃ KÊ BIÊN QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự. Một số tài sản của tôi đã bị kê biên để bảo đảm thi hành án. Với số tài sản đã kê biên đó phải bán thì mới thực hiện được việc thi hành án. Tôi muốn biết, với những loại tài sản như vậy thì việc bán được quy định như thế nào?

Trần Quang Thuật (Bến Cát, Bình Dương)

Tài sản đã kê biên để thi hành án thì được bán theo hai hình thức: bán đấu giá và bán không qua thủ tục đấu giá.

Việc bán đấu giá đối với tài sản kê biên là động sản có giá trị từ trên 10 triệu đồng và bất động sản do tổ chức bán đấu giá thực hiện.

Dương sự có quyền thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày định giá. Chấp hành viên ký

hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá do đương sự thỏa thuận. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản. Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên trong các trường hợp sau đây: a) Tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản; b) Động sản có giá trị từ 2 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá.

Hình thức bán không qua thủ tục bán đấu giá được áp dụng đối với tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng hoặc tài sản tươi sống, mau hỏng do chấp hành viên thực hiện. Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên.

Trước khi mở cuộc bán đấu giá 1 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Như vậy, việc bán đấu giá tùy theo loại tài sản, giá trị của loại tài sản đó sẽ do cấp hoặc người có thẩm quyền nào thực hiện và nếu người phải thi hành án thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cần có thì việc bán đấu giá tài sản sẽ không diễn ra và tài sản đã kê biên được trả lại cho người phải thi hành án.

XỬ LÝ TÀI SẢN KÊ BIÊN KHÔNG BÁN ĐƯỢC

Tôi là người phải thi hành án. Tài sản của tôi đã bị kê biên và sẽ đem ra đấu giá. Nếu tôi đề nghị nhận lại tài sản kê biên có được không? Trường hợp tài sản kê biên không bán được thì xử lý thế nào?

Trần Xuân Thắng (Vinh Cửu, Đồng Nai)

Tài sản đã kê biên để thi hành án được đưa ra bán với những phương thức khác nhau, tùy

thuộc đó là bất động sản hay động sản cũng như giá trị của tài sản bị kê biên. Tuy nhiên, trước khi mở cuộc bán đấu giá một ngày, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá. Người phải thi hành án có trách nhiệm bồi hoàn phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản. Mức phí tổn do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được với nhau thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp tài sản kê biên không bán được thì trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá không thành, Cơ quan thi hành án tổ chức định giá lại theo hướng giảm giá để tiếp tục bán đấu giá. Mỗi lần giảm giá không quá mười phần trăm giá đã định.

Trường hợp giá tài sản giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án không nhận để trừ vào số tiền thi hành án thì tài sản được trả lại cho người phải thi hành án.

Như vậy, trước khi Cơ quan thi hành án mở cuộc bán đấu giá một ngày, nếu ông muốn nhận lại tài sản đã kê biên thì ông phải nộp đủ số tiền phải thi hành án theo phán quyết của Tòa án được ghi trong bản án. Nếu tài sản đem ra bán đấu giá mà không bán được thì Cơ quan thi hành án sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế khác

sau khi giảm giá nhưng việc bán đấu giá không thành và người được thi hành án từ chối nhận tài sản.

TRẢ TIỀN BỒI DƯỠNG CHO NHỮNG NGƯỜI THI HÀNH ÁN

Theo phán quyết của Tòa án thì tôi phải thi hành bản án dân sự nhưng tôi không thỏa mãn về những phán quyết đó. Sau đó Cơ quan thi hành án đã thông báo cho tôi biết thời gian phải thi hành án. Họ còn dọa nếu không tự nguyện thi hành họ sẽ cưỡng chế và toàn bộ chi phí cho cưỡng chế tôi phải chịu. Họ còn nói rằng việc cơ quan phải tổ chức họp hành nhiều lần, việc phải bồi dưỡng cho các cơ quan, ban, ngành có liên quan tôi cũng phải chịu trách nhiệm. Xin hỏi, những điều Cơ quan thi hành án nói như vậy đúng hay sai?

Nguyễn Đình Phán (Thường Tín, Hà Nội)

Cơ quan thi hành án không dọa dẫm đâu mà họ nói thật đấy bác Phán ạ, nhưng cũng có những nội dung họ nói không đúng. Nếu bản án đã tuyên mà bác thấy chưa thỏa mãn thì bác có thể kháng án, nhưng nếu vụ án đã được xét xử phúc thẩm, đã có hiệu lực pháp luật thì bác phải thi hành. Pháp luật có quy định *người*

phải thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì có thể phải bị cưỡng chế thi hành. Theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP, người phải thi hành án phải chịu những chi phí về cưỡng chế thi hành án. Cụ thể là: Chi phí thông báo về cưỡng chế; chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án; chi phí cho việc định giá, giám định tài sản, định giá lại tài sản, bán đấu giá tài sản; chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi bồi dưỡng cho các đối tượng *trực tiếp tham gia* cưỡng chế thi hành án dân sự và bảo vệ cưỡng chế.... Mức chi phí trên dựa trên cơ sở thực tế, hợp lý.

Việc Cơ quan thi hành án nói rằng các chi phí hợp hành nhiều lần, bồi dưỡng cho các cơ quan, ban ngành... thì bác phải chi trả là không đúng vì cũng theo quy định trên, chi phí hợp bản cưỡng chế do chấp hành viên tổ chức hợp với các cơ quan liên quan trước khi tiến hành cưỡng chế *do ngân sách nhà nước bảo đảm theo chế độ chung.*

Chúng tôi cũng nói thêm để bác biết rõ là nếu bác thực sự có khó khăn và người được thi hành án tự nguyện tạo điều kiện giúp đỡ cho

việc thi hành án được thuận lợi như cung cấp nhân lực, phương tiện... thì vẫn được chấp nhận. Ngoài ra, Cơ quan thi hành án có thể xem xét để giảm hoặc miễn những chi phí thi hành án nếu người phải thi hành án thực sự có khó khăn hoặc do những chuyển biến khác của tình hình mà xét thấy người phải thi hành án không thể chi trả được những chi phí thi hành án...

Với những quy định trên đây, chúng tôi nghĩ rằng bác nên tự nguyện thi hành án thì sẽ tốt hơn việc phải cưỡng chế thi hành. Nếu còn điều gì chưa thỏa mãn, bác có quyền khởi kiện, khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền. Thực tế cho thấy khi “cực chẳng đã” mới để phải bị cưỡng chế thi hành án, vì lúc đó sẽ nảy sinh rất nhiều chuyện phiền phức và rắc rối.

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THU PHÍ THI HÀNH ÁN

Theo phán quyết của Tòa án thì tôi được nhận bồi thường của người hàng xóm 150 triệu đồng do người đó đập phá tài sản của gia đình tôi. Tôi muốn biết, trường hợp này có được miễn thu phí thi hành án không? Nếu không được thì mức phí phải nộp là bao nhiêu?

Phạm Tuấn Hùng (Đồng Xuân, Phú Yên)

Theo quy định của pháp luật thì khi thi hành án người thi hành án phải nộp phí thi hành án. Theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP của Chính phủ thì các trường hợp sau không phải chịu phí thi hành án:

1. Tiền cấp dưỡng; tiền bồi thường thiệt hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; tiền lương, tiền công lao động; tiền trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc; tiền bảo hiểm xã hội; tiền bồi thường thiệt hại vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động;

2. Khoản kinh phí thực hiện chương trình chính sách xã hội của Nhà nước xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, các khoản kinh phí trực tiếp phục vụ việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục của nhân dân không vì mục đích kinh doanh mà người được thi hành án được nhận;

3. Hiện vật được nhận chỉ có ý nghĩa tinh thần, gắn với nhân thân người nhận, không có khả năng trao đổi;

4. Số tiền hoặc giá trị tài sản theo các đơn yêu cầu thi hành án không vượt quá hai lần mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định;

5. Khoản thu hồi nợ vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Các quy định trên cho thấy trường hợp nhận số tiền bồi thường 150 triệu đồng của ông không

thuộc diện miễn thu phí thi hành án. Người phải đóng phí thi hành án là người được nhận khoản tiền bồi thường thi hành án (ông là người phải nộp).

Mức phí thi hành án là 3% trên số tiền hoặc giá trị tài sản thực nhận nhưng tối đa không vượt quá 200 triệu đồng/01 đơn yêu cầu thi hành án.

Như vậy, với số tiền 150 triệu đồng ông được bồi thường thì mức phí thi hành án là: 150 triệu đồng x 3% = 4.500.000 đồng.

QUYỀN HẠN CỦA CHẤP HÀNH VIÊN TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

Tôi là người phải thi hành án trong một vụ án dân sự. Mới đây tôi nhận được quyết định thi hành án. Chấp hành viên triệu tập tôi đến cơ quan, đưa ra nhiều điều kiện để tôi phải thi hành án, trong khi tôi còn đang thương lượng với phía được thi hành án. Qua tiếp xúc và làm việc tôi thấy có vẻ như chấp hành viên này lạm quyền. Chỉ là việc thi hành án dân sự sao chấp hành viên lại có nhiều quyền như vậy? Tôi mong được biết rõ về việc này.

Phạm Thị Xuân Mai

(Binh Chánh, TP. Hồ Chí Minh)

Dù là thi hành án hình sự hay án dân sự thì

cũng phải bảo đảm đúng các quy định của pháp luật. Không phải là cứ phạm tội hình sự thì những người tham gia quá trình tố tụng đó lại nhiều quyền hơn người tiến hành tố tụng dân sự. Việc bà “cảm thấy có vẻ như...” e rằng có sự hiểu nhầm, không nắm vững về luật pháp hoặc cũng có thể chấp hành viên đó đã có sai phạm. Khi thi hành án, nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên được quy định rất rõ ràng tại Điều 20 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Theo đó, chấp hành viên có những nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền.

2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chấp hành viên.

3. Triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc thi hành án.

4. Xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để

xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.

5. Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án; lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án; thu giữ tài sản thi hành án.

6. Yêu cầu cơ quan công an tạm giữ người chống đối việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

7. Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm.

8. Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật, thu phí thi hành án và các khoản phải nộp khác.

9. Được sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi thi hành công vụ (các loại roi cao su, roi điện, gậy điện, gậy tay điện; súng bắn hơi cay, gậy mê; bình xịt hơi cay, gậy mê; súng bắn đạn nhựa, đạn cao su...).

Những nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên bảo đảm cho chấp hành viên có đủ điều kiện thực thi

công việc. Do vậy, việc chấp hành viên triệu tập bà đến trụ sở Cơ quan thi hành án để giải thích nội dung việc thi hành án, đồng thời nêu ra những yêu cầu, nội dung của việc bảo đảm thi hành án là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình làm việc, nếu thấy chấp hành viên có việc làm gì không đúng với nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên bà có quyền khiếu nại với thủ trưởng Cơ quan thi hành án trực tiếp và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết.

CHÍNH QUYỀN KHÔNG CÓ THẨM QUYỀN TRÌ HOÃN VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Tôi và ông An xảy ra tranh chấp về tài sản, có liên quan đến mảnh đất làm đường đi chung. Qua hai lần xét xử, sơ thẩm và phúc thẩm tôi đều được Tòa xử cho thắng. Tuy nhiên sau khi phiên tòa kết thúc, ông An vẫn cố tình không chấp nhận, cho rằng Tòa đã xử sai. Tôi phản ánh việc này đến Ủy ban nhân dân xã nhưng người có trách nhiệm cũng cho rằng vụ này cần phải xử lại. Tôi biết, ông An có người nhà nằm trong ban lãnh đạo xã nên họ bảo vệ nhau. Việc này pháp luật quy định như thế nào?

Trần Công Viết (Mai Châu, Hòa Bình)

Tòa án là cơ quan tư pháp, thay mặt cho Nhà nước để xét xử các vụ án dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình... Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Vì vậy, phán quyết của Tòa án phải được tôn trọng và được bảo đảm bằng pháp luật. Trình tự xét xử của Tòa án là sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Trình tự trên đã bảo đảm được tính thận trọng, khách quan, chính xác trong việc xét xử. Khi bản án của Tòa án đã có hiệu lực thì mọi công dân, tổ chức, cơ quan đều phải chấp hành nghiêm chỉnh. Vì là một bản án do Tòa án ban hành nên chính quyền địa phương không thể can thiệp vào bản án đó. Bản án đã có hiệu lực pháp luật thì phải được thi hành án một cách nghiêm chỉnh.

Trường hợp của ông cho thấy, bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì bên phải thi hành án là ông An phải có nghĩa vụ chấp hành. Khi đó, ông (người được thi hành án) phải có văn bản yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành tổ chức thi hành án theo các quy định của pháp luật. Việc đến đề nghị chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết là ông đã “gỡ nhầm cửa”. Chính quyền địa phương chỉ có trách nhiệm hỗ trợ Cơ quan thi hành án thực hiện việc thi hành án được thuận lợi, đúng pháp luật khi có yêu cầu. Nếu ông An (bên phải thi hành án) không

chịu thi hành án thì Cơ quan thi hành án sẽ tiến hành các biện pháp cưỡng chế. Nếu khi tiến hành cưỡng chế mà người phải thi hành án cố tình chống đối thì có thể phải bị xử lý bằng hình sự. Theo Điều 304 Bộ luật hình sự thì người nào cố ý không chấp hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, mặc dù đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Người có trách nhiệm ở xã nói rằng vụ án này phải xử lại đấy là nói theo... cảm tính thôi. Nếu phải xử lại thì phải do các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền quyết định chứ không phải là do Ủy ban nhân dân cấp nào cả. Ông còn chần chừ gì nữa mà không yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành việc thi hành bản án để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH QUYỀN VÀ CÔNG AN TRONG VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Tôi là người phải thi hành án trong một bản án dân sự. Mới đây, tôi được Cơ quan thi hành án thông báo sẽ cưỡng chế thi hành án. Những người xung quanh nói rằng, chính quyền địa phương sẽ

tham gia vào việc cưỡng chế này và nếu cần có cả công an cũng sẽ tham gia. Tôi nghĩ việc cưỡng chế thi hành án dân sự thì cần gì đến sự can thiệp của chính quyền địa phương với công an. Đề nghị luật gia giải thích rõ.

Phạm Văn Rạng (Lâm Thao, Phú Thọ)

Trong việc thi hành án dân sự thì trước hết Cơ quan thi hành án yêu cầu phía được thi hành án và phía phải thi hành án tự thỏa thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án. Nếu các bên không thỏa thuận được với nhau thì sau khi có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án sẽ tiến hành các biện pháp thi hành án theo các quy định của pháp luật. Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án, sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án (không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án).

Trong việc thi hành án thì không chỉ có Cơ quan thi hành án mới có trách nhiệm mà theo Điều 11 của Luật thi hành án dân sự thì cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ,

quyền hạn của mình và cá nhân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ yêu cầu của chấp hành viên trong việc thi hành án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án ở địa phương.

Cơ quan công an có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, kịp thời ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án. Trong trường hợp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án thì cơ quan công an và các cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ phối hợp thực hiện theo yêu cầu của thủ trưởng Cơ quan thi hành án hoặc của chấp hành viên.

Như vậy, trong trường hợp cưỡng chế thi hành án đối với bạn thì chính quyền địa phương (chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) cũng phải có trách nhiệm tham gia phối hợp để bảo đảm việc thực hiện thi hành án được đúng đắn. Cơ quan công an sẽ phối hợp theo yêu cầu của thủ trưởng Cơ quan thi hành án hoặc của chấp hành viên. Đây là hoạt động bình thường của các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật nói chung và trong việc thi hành án dân sự nói riêng.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
-------------------------	---

<i>Lời giới thiệu</i>	7
-----------------------	---

Phần thứ nhất

PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ	9
------------------------------	---

- Năng lực pháp luật tố tụng và năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự được hiểu thế nào? 9
- Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự 11
- Đương sự phải tự chứng minh cho những lý lẽ của mình trong tranh chấp dân sự 12
- Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng như thế nào? 14
- Thời hiệu đã hết, không còn quyền khởi kiện 16
- Khi nào thì hết thời hiệu khởi kiện 18
- Thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp là bao nhiêu? 19

• Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự	21
• Nội dung và hình thức của đơn khởi kiện vụ án dân sự	23
• Việc gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự được quy định như thế nào?	25
• Tôi có thể gửi đơn khởi kiện ở tòa án nào?	26
• Cơ quan nào giải quyết tranh chấp lối đi?	28
• Không biết rõ địa chỉ của đương sự có khởi kiện được không?	29
• Vụ án bị đình chỉ có được khởi kiện lại không?	31
• Gửi đơn khởi kiện qua đường bưu điện được không?	33
• Vì sao lại có yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện vụ án dân sự	35
• Tòa án sẽ phải làm gì sau khi thụ lý vụ án?	36
• Đơn kiện được thụ lý trong bao lâu?	38
• Tòa án trả lại đơn kiện trong trường hợp nào?	40
• Khiếu nại khi trả lại đơn kiện	42
• Bị trả lại đơn khởi kiện do không nộp tạm ứng án phí	43
• Người nghèo có phải nộp tạm ứng án phí?	45
• Tranh chấp tài sản ảo có được giải quyết?	47
• Vay nợ, hứa hoài không trả, tính sao?	48

• Đòi lại nhà cho thuê, thủ tục giải quyết như thế nào?	50
• Đã sai còn tính kiện sao đây!	52
• Giải quyết tranh chấp tường rào	54
• Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất như thế nào?	57
• Nan giải chuyện tài sản chung - tài sản riêng	59
• Tạt nước bắn qua nhà nhau, kiện tụng thế nào đây?	61
• Bảo quản tài sản của người vắng mặt	64
• Khi người chồng bỏ đi mất tích thì việc giải quyết tài sản như thế nào?	66
• Chồng chết, vợ phải trả nợ cho chồng như thế nào?	67
• Không thể hình sự hóa án dân sự	70
• Đó chỉ là tranh chấp dân sự	71
• Trẻ em không thể đứng đơn kiện đòi bồi thường	74
• Về việc người đại diện tham gia giải quyết vụ án dân sự	76
• Quyền, nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự	78
• Người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự	80
• Quy định về việc hòa giải trong vụ án dân sự	82

• Giải quyết việc hòa giải khi vắng mặt những người có quyền lợi liên quan	83
• Thời hạn tiến hành hòa giải vụ án	85
• Khi nào mới nhận được quyết định công nhận sự thỏa thuận?	86
• Sau khi hòa giải thành, đối ý có được không?	88
• Không nhất trí hòa giải sao lại đả kích, nói xấu người khác	89
• Bị cáo, bị đơn dân sự khác nhau như thế nào?	92
• Nguyên đơn không thể làm xác nhận về bị đơn	93
• Đương sự có quyền đưa ra yêu cầu và đề nghị với cơ quan tiến hành tố tụng	95
• Có thể yêu cầu tòa án xét xử sớm vụ án dân sự?	96
• Tòa án được “án binh bất động” trong thời gian bao lâu?	98
• Quy định về phiên tòa sơ thẩm	100
• Nguyên đơn hoặc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì vụ án được xử lý thế nào?	102
• Người có liên quan vắng mặt, vụ án có được xét xử không?	104
• Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn	105
• Việc thay đổi người tiến hành tố tụng được quy định như thế nào?	107
• Thẩm phán phải bảo đảm tính khách quan trong xét xử	109

• Xác định chứng cứ trong vụ án dân sự	111
• Lòng tin không thể thay thế chứng cứ pháp lý	113
• Việc giao nộp chứng cứ cho Tòa án được quy định như thế nào?	115
• Khi đương sự không thể thu thập được chứng cứ trong vụ án dân sự	117
• Có thể yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ	118
• Có được quyền ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án không?	121
• Quyền và nghĩa vụ người làm chứng trong vụ án dân sự	122
• Nhiều người làm chứng trong một phiên tòa thì tòa án hỏi ý kiến như thế nào?	124
• Lấy lời khai của người không biết chữ	126
• Khi chứng cứ bị giả mạo thì xử lý thế nào?	128
• Giám định thương tật ở đâu?	130
• Có cần giám định gen để xác định cha cho con?	133
• Việc nộp tiền giám định quy định như thế nào?	134
• Quyền và nghĩa vụ của người giám định trong vụ án dân sự	136
• Nghĩa vụ nộp chi phí định giá	138
• Trách nhiệm của người phiên dịch được quy định như thế nào?	139

• Việc giải thích bản án dân sự quy định như thế nào?	141
• Người được nhận bản án dân sự vắng mặt thì bản án được giao cho ai?	143
• Thủ tục kháng cáo được quy định như thế nào?	145
• Quá thời hạn, việc kháng cáo có được chấp nhận không?	147
• Không giao bản án cho đương sự nếu quá thời hạn vẫn có quyền kháng cáo	148
• Phạm vi kháng cáo bổ sung	150
• “Xử cấp huyện không xong có được chuyển lên xử ở cấp trung ương?”	152
• Thời hạn xét xử phúc thẩm vụ án dân sự là bao lâu?	153
• Thủ tục giám đốc thẩm như thế nào?	155

Phần thứ hai

PHÁP LUẬT VỀ

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ 158

• Quyền yêu cầu thi hành bản án dân sự	158
• Thời hiệu yêu cầu thi hành bản án hoặc quyết định của Tòa án	160
• Không chấp hành bản án dân sự thì phải tiến hành cưỡng chế	162
• Không thực hiện thông báo về thi hành án bị xử lý như thế nào?	164

• Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thi hành án	166
• Không phải cứ thi hành án thì phải cưỡng chế	168
• Những trường hợp nào được hoãn thi hành án?	170
• Bản án bị kháng nghị, thi hành như thế nào?	173
• Những tài sản không được kê biên trong thi hành án dân sự	174
• Kê biên tài sản đang tranh chấp và thủ tục kê biên khi đương sự vắng mặt	176
• Thi hành án với tài sản có nhiều chủ sở hữu	179
• “Mùi đại, lái có chịu đòn?”	181
• Kê biên tài sản đối với người sống chung với cha mẹ	183
• Việc kê biên tài sản khi người phải thi hành án chỉ có tài sản duy nhất	186
• Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án quy định như thế nào?	187
• Cưỡng chế thi hành án bằng cách khấu trừ tiền trong tài khoản	189
• Quy định về cưỡng chế trong việc giao nhà	191
• Việc định giá tài sản đã kê biên được thực hiện như thế nào?	193
• Bán những tài sản đã kê biên quy định như thế nào?	195

• Xử lý tài sản kê biên không bán được	197
• Trả tiền bồi dưỡng cho những người thi hành án	199
• Quy định về việc thu phí thi hành án	201
• Quyền hạn của chấp hành viên trong vụ án dân sự	203
• Chính quyền không có thẩm quyền trì hoãn việc thi hành án dân sự	206
• Trách nhiệm của chính quyền và công an trong việc thi hành án dân sự	208

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

Biên tập nội dung: NGUYỄN ĐỨC BÌNH

ThS. NGUYỄN HỮU KHOA

Trình bày bìa: PHƯƠNG MAI

Chế bản vi tính: ĐẶNG THU CHỈNH

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN HỮU KHOA

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

PGS.TS. Đỗ Văn Đại Giảng viên

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

- LUẬT NGHĨA VỤ DÂN SỰ VÀ BẢO ĐẢM
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ - BẮN AN
VÀ BÌNH LUẬN (TẬP 1,2)

TS. Nguyễn Thị Dung (Chủ biên)

- PHÁP LỆNH VỀ HỢP ĐỒNG TRONG
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ - NHỮNG
VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CƠ BẢN

TS. Hà Thị Thanh Bình

- BẢO HỘ THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH
HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ HIỆU
QUẢ ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT
VIỆT NAM



8935211123939